

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

BÙI THỊ HƯỜNG

THẾ GIỚI TUỔI THƠ TRONG TRUYỆN NGẮN  
CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

**Thái Nguyên - 2017**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

---

**BÙI THỊ HƯỜNG**

**THẾ GIỚI TUỔI THƠ TRONG TRUYỆN NGẮN  
CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

**Mã số: 60 22 01 21**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Thị Ngân**

**Thái Nguyên – 2017**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trích dẫn đều có nguồn gốc rõ ràng. Các kết quả nghiên cứu trong luận văn đều trung thực và chưa từng được công bố ở bất kỳ công trình nào khác.

*Thái Nguyên, tháng 6 năm 2017*

Tác giả luận văn

Bùi Thị Hương

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn thạc sĩ này, tác giả xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu, Khoa Sau đại học, Khoa Văn – Xã hội, Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên và các Thầy, Cô giáo đã trực tiếp giảng dạy, giúp đỡ trong suốt quá trình học tập.

Đặc biệt, tác giả xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới giảng viên hướng dẫn TS. Lê Thị Ngân đã luôn tận tình hướng dẫn, chỉ bảo trong suốt thời gian tác giả nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Cuối cùng, xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, người thân, bạn bè và đã giúp đỡ, động viên, tạo điều kiện để tác giả hoàn thành luận văn.

*Thái Nguyên, tháng 6 năm 2017*

Tác giả luận văn

Bùi Thị Hương

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN .....	ii
MỤC LỤC.....	iii
MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu .....	3
3. Đối tượng và mục đích nghiên cứu .....	6
4. Phương pháp nghiên cứu.....	6
5. Đóng góp của luận văn.....	7
6. Cấu trúc của luận văn .....	7
Chương 1: VĂN HỌC VIẾT CHO THIẾU NHI VÀ VỊ TRÍ CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ VỀ MẢNG ĐỀ TÀI NÀY.....	8
1.1. Văn viết cho thiếu nhi - mảng sáng tác đã và đang được khai thác.....	8
<i>1.1.1. Đặc điểm của đối tượng tiếp cận tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi.....</i>	8
<i>1.1.2. Những tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi và một số vấn đề đặt ra .....</i>	10
1.2. Nguyễn Ngọc Tư và những trang văn dành cho thiếu nhi .....	14
* Tiểu kết chương 1.....	20
Chương 2: VÙNG ĐẤT NAM BỘ VÀ HÌNH ẢNH NHỮNG ĐỨA TRẺ .....	22
TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ.....	22
2.1. Không gian văn hóa Nam Bộ - nền phù sa nuôi dưỡng sự trưởng thành và cá tính của con người miệt vườn .....	22
<i>2.1.1. Điều kiện địa lí, môi sinh .....</i>	22
<i>2.1.2. Sự đa dạng của môi trường nhân văn - văn hóa.....</i>	23
<i>2.1.3. Con người và cá tính Nam Bộ.....</i>	24
2.2. Hình ảnh những đứa trẻ Nam Bộ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư.....	27
<i>2.2.1. Những đứa trẻ Nam Bộ hồn nhiên với các trò chơi của vùng sông nước. 27</i>	

2.2.2. Những đũa trẻ Nam Bộ với tuổi thơ chịu nhiều thiệt thòi và mất mát.....	37
2.2.3. Những đũa trẻ Nam Bộ với lối nghĩ và cách ứng xử riêng.....	51
2.2.4. Những đũa trẻ Nam Bộ với kí ức tuổi thơ luôn trong hoài niệm.....	60
* Tiểu kết chương 2.....	66
<b>Chương 3: MỘT SỐ THÀNH CÔNG NGHỆ THUẬT CỦA NGUYỄN NGỌC</b>	
<b>TƯ QUA NHỮNG TRUYỆN NGẮN VIẾT VỀ THẾ GIỚI TUỔI THƠ .....</b>	
3.1. Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện.....	68
3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật .....	76
3.2.1. Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua miêu tả ngoại hình .....	76
3.2.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại đậm chất Nam Bộ ..	82
3.2.3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua miêu tả nội tâm .....	85
* Tiểu kết chương 3.....	89
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>89</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>90</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Văn học thiếu nhi có ý nghĩa đặc biệt đối với đời sống văn hóa tinh thần của trẻ thơ. Những tác phẩm “*Đế mèn phiêu lưu kí*” của Tô Hoài, “*Cha và con*” của Hồ Phương, “*Cái Tết của mèo con*” của Nguyễn Đình Thi, “*Bức tranh của em gái tôi*” của Tạ Duy Anh, “*Chú bé có tài mở khóa*” của Nguyễn Quang Thân, “*Góc sân và khoảng trời*” của Trần Đăng Khoa, “*Bầu trời trong quả trứng*” của Xuân Quỳnh, “*Những tia nắng đầu tiên*” của Lê Phương Liên, “*Kính vạn hoa*” của Nguyễn Nhật Ánh, “*Cuộc phiêu lưu của những con chữ*”, “*Miền xanh thẳm*” của Trần Hoài Dương, bộ truyện viết về thiên nhiên, chim muông, động vật vừa sinh động vừa thân thiện dưới góc nhìn trẻ thơ của nhà văn Vũ Hùng... đã được các bạn nhỏ nhiều thế hệ đón đợi như những món quà kì diệu của cuộc sống.

Tuy nhiên, có một nghịch lí là dường như xã hội càng hiện đại, giới sáng tác càng ít mặn mà với mảng văn học dành cho thiếu nhi. Đây vẫn là một mảnh đất hoang đầy tiềm năng cần khai phá.

Văn học viết cho thiếu nhi quan trọng không chỉ là viết cái gì mà là viết như thế nào. Chủ đề này đòi hỏi nhà văn ngoài cái tài của mình, còn phải có một tâm hồn tươi mát, trong trẻo và dạt dào tình yêu với cuộc sống và con người. Đó thực sự là một thử thách đối với các nhà văn.

Nguyễn Ngọc Tư, một nữ nhà văn trẻ được coi là “*đặc sản Nam Bộ*”, là người đã đem tới cho người đọc hình ảnh chân thực và bình dị của vùng miệt vườn Nam Bộ, con người Nam Bộ và cuộc sống Nam Bộ với những số phận, hoàn cảnh đa dạng. Với lối viết mộc mạc, gần gũi, ngôn ngữ dí dỏm ngắn gọn, theo phong cách “*người nông thôn*”, các tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư đã tạo nên một sức hút lớn, một số lượng độc giả đông đảo luôn luôn tìm đọc, chờ đợi và yêu thích văn của chị. Nguyễn Ngọc Tư nổi lên như một hiện tượng đặc biệt, nhanh chóng, chỉ ngay bằng tác phẩm đầu tay là tập truyện ngắn “*Ngọn đèn không tắt*”. Kế đó là



hàng loạt các sáng tác đều đặn, chất lượng, lời cuốn mà chị cho ra đời sau đó. Đọc văn Nguyễn Ngọc Tư, người ta bắt gặp trong đó cảnh sắc Nam Bộ với những cánh đồng ngút ngát, bất tận được phù sa đắp dưỡng, là hình ảnh về con người Nam Bộ với cá tính thẳng thắn, chân thành, phóng khoáng, nhưng cũng đầy mặn mòi sâu sắc. Trong các tác phẩm của chị, người đọc còn tìm thấy hình ảnh thấp thoáng của kí ức tuổi thơ trong trẻo.

Kể từ tiếng vang lớn với tác phẩm đầu tay là tập truyện “*Ngọn đèn không tắt*” xuất bản năm 2000, tới nay đã hơn 10 năm, Nguyễn Ngọc Tư đã có một gia tài đáng kể các tác phẩm với sự đa dạng về thể loại như: *Ông ngoại* (2001), *Biển người mệnh mông* (2003), *Giao thừa* (2003), *Nước chảy mây trôi* (2004), *Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư* (2005), *Cánh đồng bất tận* (2005), *Ngày mai của những ngày mai* (2007), *Gió lè và 9 câu chuyện khác* (2008), *Khói trời lộng lẫy* (2010), *Sông* (2012), *Chấm* (2013 - thơ), *Yêu người ngóng núi* (2014), *Đảo* (2014), *Đong tâm lòng* (2015), *Xa xóm mũi* (2015), *Không ai qua sông* (2016), *Bánh trái mùa xưa* (2016)... Nguyễn Ngọc Tư trở thành cái tên được nhắc đến nhiều trong giới viết văn. Những tác phẩm của chị luôn được bạn đọc hào hứng đón nhận.

Trong các tác phẩm của mình, Nguyễn Ngọc Tư dành tình yêu với miệt vườn Nam Bộ đầy cây trái, sắc hương, vị ngọt phù sa, ánh nắng trên sông. Qua những trang viết của chị, người đọc được giới thiệu về một cuộc sống bình dị, chân chất mộc mạc của con người Nam Bộ, từ lối sống, nếp nghĩ, đến những khó khăn trong cuộc sống, những khao khát kiếm tìm hạnh phúc, những cảnh đời bất hạnh, hay những hoài niệm về một thời quá vãng êm đềm trong kí ức, những ôn ã vội vàng của cuộc sống hiện tại biến đổi đầy bất trắc ẩn tàng.

Mỗi người sẽ tìm thấy một sự yêu mến “thiết tha” riêng khi đọc văn của Nguyễn Ngọc Tư. Người thì tìm thấy tính nhân văn, nét mộc mạc thôn dã, lời văn giản dị trong sáng; người tìm thấy sự đồng cảm với những kiếp người cô đơn, những nỗi đau của những con người bất hạnh... Và tôi, cũng không ngoại lệ. Tôi

tìm thấy trong văn của người phụ nữ chỉ chuyên tâm “ở nhà nấu cơm và viết văn” này một sức sống kí ức và hoài niệm trong trẻo về thế giới tuổi thơ nơi đất Mũi miệt vườn, với sự lạ lẫm độc đáo khi so chiếu với tuổi thơ của những đứa trẻ miền Bắc như tôi. Bên cạnh đó, khi đọc những truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư, có đề cập về không gian và cuộc sống trẻ thơ, tôi đã tìm thấy và thực sự xúc động khi bắt gặp đâu đó kí ức tuổi thơ của chính mình. Đặc biệt, là một giáo viên giảng dạy Ngữ văn bậc THPT, tôi cũng đã tìm thấy được những cảm xúc, những tình cảm, những nét tính cách đáng yêu... của chính học trò của tôi trong đó. Trẻ thơ vốn không có khác biệt, nếu có khác biệt sau này cũng là do người lớn tạo ra. Có khác chẳng là khung cảnh khác nhau, hoàn cảnh khác nhau và cách thể hiện tình cảm có những điểm khác nhau.

Một phần, chính bản thân tôi cũng nhận thấy, mặc dù đã có nhiều người tìm hiểu và viết về Nguyễn Ngọc Tư, trên mọi bình diện, từ chủ đề, phong cách và nghệ thuật sáng tác, ngôn ngữ giọng điệu, kiểu nhân vật. Tuy nhiên, trên bình diện các tuyến, kiểu nhân vật trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư vẫn chưa được tiếp cận và tìm hiểu một cách cụ thể, chi tiết, theo hướng từng đối tượng nhân vật, đặc biệt là nhóm nhân vật trẻ thơ hoặc có liên quan tới tuổi thơ.

Chính bởi thế, tôi mạnh dạn chọn vấn đề “*Thế giới tuổi thơ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư*” làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình, như một thể nghiệm bản thân, muốn hiểu về mảnh đất Nam Bộ, về kí ức của những con người từ muôn nẻo về quê hương và về tuổi thơ.

## **2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu**

Trước nay, cũng đã có rất nhiều tác phẩm viết dành riêng cho thiếu nhi. Có thể kể tới như tập truyện “*Dế mèn phiêu lưu kí*” của nhà văn Tô Hoài, “*Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*” của Nguyễn Đăng Chi, “*Đất rừng phương Nam*” của Đoàn Giỏi, “*Góc sân và khoảng trời*” của Trần Đăng Khoa, “*Tuổi thơ dữ dội*” của Phùng Quán, “*Hai đứa trẻ*” của Thạch Lam, hay những tác phẩm khác của Nguyễn

Nhật Ánh như: *Bồ câu không đưa thư, Bàn có năm chổ ngồi, Bảy bước tới mùa hè, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh...*

Với Nguyễn Ngọc Tư, kể từ khi chị đột ngột xuất hiện và lập tức trở nên nổi tiếng trên văn đàn, đã có nhiều bài viết về chị. Bài viết của nhà văn Dạ Ngân, đăng trên báo Văn nghệ với tiêu đề “*Nguyễn Ngọc Tư như thế nào ?*”; nhận xét của nhà văn Nguyễn Ngọc, nhà văn Chu Lai, nhà thơ Hữu Thịnh, tác giả Nguyễn Đăng Điệp với đánh giá trong bài tham luận tại hội nghị lí luận phê bình văn học. Đặc biệt, trong bài báo cáo đề dẫn tại hội thảo khoa học Quốc gia năm 2015, do viện Văn học tổ chức với chủ đề ***Sáng tác văn học Việt Nam thời kì Đổi mới: thực trạng và triển vọng***, viện trưởng viện Văn học - Nguyễn Đăng Điệp đã có những nhận định về lực lượng các nhà văn trẻ, sáng tác trong thời kì đổi mới, trong đó có Nguyễn Ngọc Tư – với ưu thế đó là sự nhanh nhạy trong việc nắm bắt cái mới, mạnh dạn trong những thể nghiệm và lối viết mới, Nguyễn Ngọc Tư là thế hệ nhà văn trẻ với hành trình của những suy tư bất tận, những cuộc thám hiểm không có điểm dừng về lẽ sống và các giá trị nhân sinh...

Ngoài ra, còn có một số bài nghiên cứu, phê bình, đề cập tới chủ đề thế giới nhân vật trong các tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư. Có thể kể đến như, Huỳnh Công Tín với “*Nguyễn Ngọc Tư, một nhà văn trẻ Nam Bộ*”; nhận xét của nhà văn Nguyễn Hữu Quỳnh; nhận xét của nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên; nhà văn Nguyễn Văn Viện; Phạm Thị Thái Lê với bài viết “*Hình tượng con người cô đơn trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*”; Trần Phong Điều với bài viết “*Thị hiếu thẩm mĩ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*”; bài viết của tác giả Nguyễn Thành Ngọc Bảo “*Nghệ thuật xây dựng tình huống trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*” đăng trên tạp chí Khoa học ĐHSPT HCM; bài viết của Trần Thị Dung về “*Nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Ngọc Tư qua tập truyện Cánh đồng bất tận*”; nhận xét của nhà văn Huỳnh Kim đăng trên báo Thanh Niên “*Nguyễn Ngọc Tư: một nhà văn viết về thân phận con người*”...

Một số bài viết đăng trên các trang báo mạng như: *Nguyễn Ngọc Tư gieo những yêu thương vào tuổi thơ mộc mạc* (12/08/2016 - trên trang news.zing.vn; *Nguyễn Ngọc Tư, nữ nhà văn xóm Rẫy* (30/09/2016 - báo văn nghệ số 40); *Khi Nguyễn Ngọc Tư vương vấn với thơ* (Sài Gòn, 04/2009 - trên trang giaitri.vnexpress.net); Nguyễn Ngọc Tư: “*Tôi không đứng về phía người phụ nữ thụ động*”; bài viết của Hoàng Tuấn trên Báo Mới “*Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư: Tui viết kiếm tiền nuôi con!*”; bài viết của nhà văn Nguyễn Hữu Hồng Minh đăng trên tạp chí Phái đẹp – Elle “*Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư – cô Mến đất Mũi*”; bài viết “*Nguyễn Ngọc Tư bao năm vẫn mộc mạc chân quê*” của Hòa Bình đăng trên báo Người lao động; bài phỏng vấn Nguyễn Ngọc Tư của Hà Linh đăng trên báo Tuổi trẻ về tập truyện “*Cánh đồng bất tận*”; bài phỏng vấn của Hoài Hương trên báo Văn nghệ trẻ với nhan đề “*Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư: “viết những gì ám ảnh, thú vị, tự tin”.*”; bài viết của Bùi Đức Hòa đăng trên diễn đàn Forum “*Thử nhận định về Gió lẻ sau hiện tượng Cánh đồng bất tận trong hành trình văn học Nguyễn Ngọc Tư*”...

Luận văn thạc sĩ năm 2011 của tác giả Lê Hồng Tuyền với chủ đề “*Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*”; Luận văn tốt nghiệp đại học của tác giả Phạm Thị Thúy với nhan đề “*Kiểu nhân vật cô đơn trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*”... cũng đã đề cập tới sự nghiệp sáng tác, tác phẩm, kiểu nhân vật, nghệ thuật xây dựng nhân vật trong các tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư.

Ngoài ra, gần đây cũng có một số khóa luận, luận văn tốt nghiệp của một số tác giả cũng đã bắt đầu nghiên cứu, tìm hiểu về những sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư, tiêu biểu như tác giả Nguyễn Ngọc Chương với khóa luận “*Thế giới trẻ thơ trong Gió Lẻ và 9 câu chuyện khác của Nguyễn Ngọc Tư*” (2013)...

Nhưng cho tới hiện tại, vẫn chưa có một công trình chuyên biệt nào nghiên cứu một cách đầy đủ và hệ thống về các tác phẩm truyện ngắn viết về đề tài thế giới tuổi thơ của Nguyễn Ngọc Tư. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu của

những người đi trước sẽ giúp tôi có thêm những đánh giá dưới nhiều góc nhìn về văn chương và chính con người của chị.

### **3. Đối tượng và mục đích nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn sẽ tập trung nghiên cứu và khảo sát 7 tập truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư:

- Cánh đồng bất tận
- Đảo
- Gió lẻ và 9 câu chuyện khác
- Giao thừa
- Ngọn đèn không tắt
- Không ai qua sông
- Xa xóm Mũi

#### **3.2. Mục đích nghiên cứu**

Tìm hiểu chân dung con người, phong cách sáng tác của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư.

Tìm hiểu thế giới tuổi thơ qua những truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư để từ đó chỉ ra nét độc đáo riêng của Nguyễn Ngọc Tư về mảng đề tài này.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

#### **- Phương pháp thống kê phân loại:**

Từ việc tiếp cận tác phẩm, thống kê, phân loại các tuyến nhân vật để từ đó có cái nhìn khách quan, khoa học trong đánh giá.

#### **- Phương pháp phân tích - tổng hợp:**

Phân tích những hành động suy nghĩ của nhân vật trẻ thơ trong từng hoàn cảnh, tình huống truyện cụ thể để có cái nhìn chi tiết, khách quan về tích cách của từng nhân vật. Từ đó tổng hợp lại để có cái nhìn khái quát, xâu chuỗi lại các tri thức đã tìm được.

**- Phương pháp so sánh – đối chiếu:**

So sánh đối chiếu để tìm ra sự khác biệt cũng như tạo ra sự chính xác cao cho công trình nghiên cứu. So sánh để làm nổi bật nét riêng biệt, phong cách nghệ thuật, đổi mới cách thể hiện của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư với một số nhà văn khác có nét tương đồng.

Ngoài ra, khóa luận còn sử dụng phương pháp liên ngành khác như: Tiếp cận tác phẩm văn học từ góc nhìn văn hóa để khám phá dấu ấn văn hóa Nam Bộ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư; tìm hiểu về trẻ thơ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư trên cơ sở tâm lí học lứa tuổi.

## **5. Đóng góp của luận văn**

Luận văn sẽ ít nhiều đóng góp chung vào cái nhìn toàn cảnh về phong cách sáng tác và những chủ đề chính trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Nhất là luận văn cung cấp thêm một kiểu tuyến nhân vật cụ thể trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư, đó là thế giới tuổi thơ, hình ảnh trẻ thơ trong truyện ngắn của chị.

## **6. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, kết cấu luận văn gồm các chương sau:

Chương 1: **Văn học viết cho thiếu nhi và vị trí của Nguyễn Ngọc Tư về mảng đề tài này**

Chương 2: **Vùng đất Nam Bộ và hình ảnh những đứa trẻ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư**

Chương 3: **Một số thành công nghệ thuật của Nguyễn Ngọc Tư qua những truyện ngắn viết về thế giới tuổi thơ**

## Chương 1

### VĂN HỌC VIẾT CHO THIẾU NHI

#### VÀ VỊ TRÍ CỦA NGUYỄN NGỌC TU VỀ MẢNG ĐỀ TÀI NÀY

#### 1.1. Văn viết cho thiếu nhi - mảng sáng tác đã và đang được khai thác

##### 1.1.1. Đặc điểm của đối tượng tiếp cận tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi

Đời sống văn học vốn dĩ rất đa dạng và phong phú. Sự đa dạng đó xét cho cùng, phụ thuộc rất lớn vào đối tượng tiếp nhận, hay nói cách khác là thị hiếu người đọc. Mỗi một đối tượng người đọc lại có một cảm quan khác nhau, do hoàn cảnh sống, phong tiếp nhận, giới tính, độ tuổi quy định. Thế nên, một tác phẩm văn học có thực sự “sống” hay không, khi và chỉ khi tác phẩm đó tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn, phù hợp... và sống trong lòng công chúng.

Với những tác phẩm văn học, hướng đến đối tượng phục vụ là thiếu nhi, thì để tạo được “sức sống” là điều không dễ, bởi đặc trưng của đối tượng tiếp nhận này tưởng chừng đơn giản nhất, nhưng thực tế lại phức tạp và khó tính nhất. Thiếu nhi là lực lượng tiếp nhận tác phẩm với tâm thế tự nhiên, hồn nhiên và vô tư trong việc bày tỏ thái độ và đánh giá về tính giá trị của tác phẩm. Nghiên cứu và tìm hiểu về tâm lí trẻ em dưới góc độ khoa học, cũng chỉ ra rõ những đặc trưng riêng biệt của con người ở lứa tuổi này. Giáo sư Hồ Ngọc Đại - một chuyên gia tâm lí giáo dục trẻ em, đã từng nhận định: *“Trong thực tiễn giáo dục, nếu lấy người lớn làm thước đo đánh giá trẻ em, lấy người lớn làm chuẩn mực, lấy giáo lý cuộc sống làm nội dung, lấy thuyết giáo làm phương pháp... chắc chắn không mang lại hiệu quả mong muốn. Cần phải xem trẻ em là trung tâm, là linh hồn của nhà trường hiện đại, lấy sự phát triển tự nhiên và hạnh phúc đi học của trẻ em làm lẽ sống của nhà trường. Giáo dục phải xuất phát từ trẻ em và đi đến trẻ em”* [ 7, 58].

Một trong những chức năng của văn học là bồi đắp và tạo dựng nhân cách, cảm quan thẩm mỹ cho con người. Vì thế, văn học viết cho thiếu nhi phải lấy chính

đối tượng trẻ em làm trung tâm. Người sáng tác phải tính đến mọi nhu cầu của đối tượng này. Và với đối tượng độc giả là trẻ em, sẽ có những nhu cầu đặc trưng sau:

**Nhu cầu bộc lộ cá tính và hình thành nhân cách.** Bởi bất cứ đứa trẻ nào cũng tiềm ẩn một “cái tôi” để chứng tỏ sự tồn tại của chính cá nhân mình, nhưng mặt khác đứa trẻ đó cũng chứa đựng tâm lí khát khao được trưởng thành, để hoà nhập vào cuộc sống chung. Trẻ em đến với văn học như là tìm đến một sự giúp đỡ cho cuộc hoà giải giữa hai mặt mâu thuẫn ấy.

**Nhu cầu được vui chơi, giải trí ngay trong tác phẩm văn chương.** Chính nhu cầu này giải toả những ẩn ức tâm sinh lí của trẻ em dưới những áp lực thường ngày của cuộc sống. Vui chơi cũng là cách tốt nhất để trẻ em giữ được những cảm xúc thẩm mĩ: hồn nhiên, vô tư, trong sáng.

**Nhu cầu được giải bày tình cảm, ước mơ khát vọng.** Trẻ em vốn rất nhạy cảm, yêu thương, hồn giặn bất chợt, mà thế giới văn học như cái cố để chúng nhìn thấy chính mình. Đây cũng là tuổi có trí tưởng tượng phát triển mạnh nhất, tâm hồn lãng mạn, thăng hoa, bay bổng nhất.

**Nhu cầu được khám phá để hiểu biết.** Bộ não của trẻ thơ có đầy đủ tổ chất như một sinh thể hoàn chỉnh, nhưng là khoảng trống vô tận về thông tin. Những thông tin đơn điệu dễ thành nhàm chán và ghi nhận một cách mờ nhạt. Chúng cần cái lạ, cái li kì, ấn tượng để củng cố trí nhớ và tự xây dựng cho mình hệ thống biểu tượng, thần tượng [46].

Những sáng tác văn chương cho thiếu nhi phải xuất phát từ cảm xúc hồn nhiên, trong trẻo, tự nhiên “như trẻ thơ”, hòa đồng tâm hồn với trẻ nhỏ. Nhà văn muốn viết cho trẻ em phải học được sự hồn nhiên, ngây thơ ấy của chính các nhân vật của mình. Các sáng tác của họ phải tạo sự đồng cảm, nói được những suy nghĩ của chính các em, chia sẻ cùng các em những bài học nhân ái nhẹ nhàng mà sâu sắc.



Văn học thiếu nhi như một người bạn đồng hành cùng trẻ thơ, cung cấp cho trẻ thơ vốn từ ngữ. Khi trẻ được tiếp xúc nhiều với các tác phẩm văn học, vốn từ ngữ của các em phong phú và sống động hơn. Qua việc tiếp cận với các tác phẩm văn học, các em tự hình thành cho mình khả năng diễn đạt một vấn đề một cách mạch lạc, giàu hình ảnh và biểu cảm bởi đã được học cách diễn đạt ấy qua tác phẩm.

Nếu xét từ góc độ tiếp cận, nhân mạnh và lấy đối tượng tiếp cận làm trung tâm, thì văn học phục vụ thiếu nhi phải thực hiện được các yêu cầu như: *Tạo được sự hoà giải giữa cảm quan của người lớn và tâm hồn trẻ thơ; Hồn nhiên, vô tư, trong sáng; Thơ mộng và lãng mạn...* [46].

### ***1.1.2. Những tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi và một số vấn đề đặt ra***

Nếu đánh giá một cách tổng quan về mảng văn học có đề tài phục vụ đối tượng thiếu nhi, từ khi ra đời và phát triển cho tới hiện tại, chúng ta phải ghi nhận rằng văn học thiếu nhi đã có những bước tiến đáng kể từ đội ngũ sáng tác cho đến các đề tài và thể loại tác phẩm. Tiếp nối những tác giả sáng tác “gạo cội” như nhà văn Tô Hoài, nhà thơ Phạm Hồ, nhà thơ Trần Đăng Khoa, nhà văn Võ Quảng... là những cây bút nổi tiếng khác, thuộc thế hệ sau như: Nguyễn Nhật Ánh, Nguyễn Quang Thiều, Dương Thuấn, Phan Hồn Nhiên...

Hiện tại, là sự xuất hiện của các tác giả trẻ như: Hoàng Dạ Thi, Quế Hương, Nguyễn Thị Châu Giang... Đặc biệt, là sự xuất hiện của một loạt những cây bút thiếu nhi như: Vũ Hương Nam, Đan Thi, Nguyễn Bình... Các tác giả này đã cho ra mắt một khối lượng tác phẩm đồ sộ với nội dung đa dạng, phong phú ở nhiều đề tài từ hiện thực cho tới đề tài lịch sử, viễn tưởng, cổ tích.

Tuy nhiên, nếu xét trên bình diện số lượng tác phẩm và tác giả sáng tác phục vụ đối tượng thiếu nhi, thì mảng văn học này vẫn còn khá "khiêm tốn", nhất là so với mảng văn học phục vụ đối tượng người lớn. Thêm một đặc điểm nữa, đó là sự chênh lệch về số lượng, chủ đề, hình thức trình bày giữa những tác phẩm viết cho

thiếu nhi của các tác giả trong nước và các tác giả nước ngoài và các tác phẩm dịch từ nước ngoài. Điều đó thể hiện ngay tại nơi bày bán sách của các nhà xuất bản lớn, liên quan nhiều nhất đến thiếu nhi như Kim Đồng, Nhã Nam, nhà xuất bản Trẻ... Và thực tế rằng những quyển sách đắt hàng, được bạn đọc mua nhiều nhất thì đa phần toàn sách dịch, trong đó chủ yếu là truyện tranh Nhật Bản, còn lại những sách văn học trong nước rất ít được quan tâm và thường chỉ được bày với số lượng ít ở một số vị trí không mấy gây chú ý [47].

Thậm chí, mảng văn học thiếu nhi ở nước ta hiện nay vẫn chưa thể thực sự hấp dẫn và gây được hứng thú đối với đông đảo bạn đọc nhỏ tuổi. Những sáng tác hiện tại thậm chí không đủ sức cạnh tranh, lôi cuốn bạn đọc nhỏ tuổi so với các tác phẩm nước ngoài, dịch thuật. Lí giải về điều này, chính người trong cuộc là nhà văn Lê Phương Liên, nguyên Trưởng ban Văn học thiếu nhi - Hội Nhà văn Việt Nam đã thẳng thắn chia sẻ: *“Các cây bút trẻ viết cho thiếu nhi hiện nay xuất hiện khá đông đảo và họ cũng đã có những nỗ lực nhất định trong việc tìm kiếm, khai thác những câu chuyện gần gũi hơn với đời sống tâm lý của các em, song thật khó để kì vọng những sáng tác này có thể trở thành những "cây đũa thần" để phục vụ mục đích giáo dục. Hơn nữa, vì luôn đặt nặng tính giáo huấn nên tính gần gũi, tự nhiên của những sáng tác cũng giảm đi. Nếu so với các sáng tác nước ngoài, đặc biệt là truyện tranh, dễ dàng nhận thấy các sáng tác của Việt Nam thua kém hẳn về trí tưởng tượng với các yếu tố khoa học kỹ thuật trong thế giới ảo. Điều này giải thích tại sao trẻ em, đặc biệt là trẻ em thành phố lại luôn có hứng thú với sách dịch, bởi chỉ nguồn sách dịch mới đáp ứng được nhu cầu của các em về yếu tố viễn tưởng và khoa học công nghệ”* [47].

Viết cho thiếu nhi khó bởi công việc này đòi hỏi phải đầu tư nhiều về tâm hồn, thời gian và công sức, nhưng lại chẳng dễ dàng để được các em đón nhận. Vì thế, "sự liêu lĩnh" của những cây bút trẻ cũng thành dè dặt hơn, và sự đầu tư cho sách thiếu nhi của các nhà xuất bản cũng bị hạn chế. Và thật dễ hiểu khi số

lượng những tác giả đã từng thử sức với văn học thiếu nhi không ít, nhưng những cây bút chuyên tâm với lĩnh vực sáng tác này hiện nay chỉ khoảng trên dưới 20 người. Những nhà văn tay chuyên lớp trước như Tô Hoài, Võ Quảng, Đoàn Giỏi, Phạm Hồ... đã để lại không ít tác phẩm viết cho thiếu nhi đi cùng năm tháng, nhưng chưa để lại nhiều những bài học kinh nghiệm đúc rút cho thế hệ cầm bút trẻ hôm nay về bút pháp, cách thức sáng tác, tư duy và tưởng tượng. Điều này phần nào dẫn đến việc những người trẻ khi càng cố viết được như những người đi trước thì càng dễ sa vào sự bắt chước, cố vụng vầy mà cũng không thể vượt qua được cái "bóng" của các bậc tiền bối. Cứ thế, đội ngũ sáng tác lâu năm dần trở nên "hết vốn", khó bắt kịp thời đại, còn những cây bút trẻ thì thiếu kinh nghiệm sáng tác, thiếu cá tính riêng.

Không thể phủ nhận, trong đời sống bận bịu, tấp nập hiện nay, việc tĩnh tâm, dành thời gian cho các nhà văn viết cho thiếu nhi cũng thực sự cần thiết. Những năm qua, văn học viết cho thiếu nhi đã gia tăng về số lượng, phong phú về nội dung và được chú trọng về hình thức. Tuy nhiên, mảng văn học này vẫn chưa thật sự đáp ứng được kì vọng của xã hội.

Trong đời sống văn học cũng cần được bổ sung những tác phẩm mới, những tên tuổi mới. Nhưng hiện tại, những cây bút chuyên viết cho thiếu nhi thực sự vẫn còn quá thưa vắng. Trong khi đó, các tác giả nổi tiếng, tâm huyết với văn học thiếu nhi thì tuổi tác ngày càng cao, sức sáng tạo suy giảm, có người đã qua đời. Những tên tuổi mới trong văn chương không nhiều người thật sự mong muốn chọn văn học thiếu nhi để gắn bó lâu dài, mà thông thường chỉ là những cuộc dừng chân ngắn ngủi để bước sang một địa hạt sáng tác khác, hấp dẫn hơn. Sự thiếu vắng tác giả, tác phẩm văn học trong nước tất yếu dẫn đến tình trạng lép vế, "mất mùa" của văn học thiếu nhi và hậu quả là sự lấn sân của truyện tranh ngoại nhập cũng như sự thống lĩnh của tác phẩm văn học dịch trên thị trường sách cho trẻ em. Chính nhà văn Tô Hoài, cũng đã từng bày tỏ sự trăn trở của mình rằng:

*“Văn học thiếu nhi Việt Nam gần như không vận động, không có phong trào, không có lực lượng”*[48]. Tâm huyết với văn học thiếu nhi, nhà nghiên cứu phê bình Vân Thanh phải thốt lên: *“Nếu như trước đây chúng tôi từng mong ước sẽ có một đội ngũ những nhà văn chuyên viết cho văn học thiếu nhi thì giờ đây có lẽ khiêm tốn hơn, chỉ dám mong có được những người tâm huyết, hết lòng với những trang sách cho trẻ”* [48].

Thực tế về thị trường tiêu thụ sách dành cho thiếu nhi đã phản ánh một điều, các tác phẩm văn học thiếu nhi được sáng tác bởi đội ngũ các tác giả trong nước hiện nay còn chưa thật sự đáp ứng, và bấp bấp, thậm chí ăn nhập với nhu cầu của độc giả nhí. Thiếu những giọng văn của một thế hệ viết mới, nhiều tác phẩm viết cho các em vẫn quanh quanh những câu chuyện về kí ức một thời như “dòng sông tuổi thơ”, về cái xưa cũ, đã qua. Hoặc một số tác phẩm lại quá chú trọng và đề cao tính giáo dục một cách cứng nhắc, gượng gạo, nên tác phẩm không lôi cuốn hấp dẫn, dễ tạo nên tình trạng giáo điều, khiến cho trẻ em không hào hứng khi đọc, thậm chí không muốn đọc. Với mảng văn học khai thác chủ đề phiêu lưu - giả tưởng - kì ảo, đang là điểm khuyết thiếu và vắng bóng nhất trong văn học viết cho thiếu nhi. Nếu có tác phẩm nào thì sức hấp dẫn lại không cao, thế nên trẻ em không hứng thú, và các em thường tìm đến những cuốn sách dịch, hấp dẫn và lí thú hơn, trình bày đẹp và bắt mắt hơn. Kết quả thống kê cho thấy, số lượng sách văn học thiếu nhi trong nước xuất bản mỗi năm chỉ chiếm không quá 20% số lượng sách văn học nói chung. Số lượng đã ít, nhưng sức cạnh tranh cũng không cao, nên nguy cơ bị thu hẹp thậm chí bị lấn át là điều khó tránh khỏi.

Trẻ em luôn luôn cần sách, vì đó là nhu cầu. Nhưng để thực sự lôi cuốn và gây hứng thú đối với đối tượng nhí này, thì các sáng tác phải thực sự độc đáo, phù hợp với trạng thái của các em trong hiện tại, phù hợp với cuộc sống và nhu cầu thực tế của các em. Như vậy, mảng văn học dành cho đối tượng thiếu nhi cho đến nay vẫn là mảnh đất cần được tiếp tục khai phá và tìm tòi sáng tạo.

## 1.2. Nguyễn Ngọc Tư và những trang văn dành cho thiếu nhi

Sinh năm 1976, trong một gia đình có hoàn cảnh khó khăn, ngay từ nhỏ Nguyễn Ngọc Tư đã phải lăn lộn kiếm sống, giúp đỡ bố mẹ, nhà văn có một tuổi thơ sống đầy gian khó. Nhưng cũng chính trong môi trường, hoàn cảnh đó, đã rèn cho bản lĩnh sống và vốn sống của nhà văn sau này, và trở thành chất liệu đặc biệt trong những sáng tác của chị.

Tuy có một tuổi thơ thua thiệt so với bạn bè cùng trang lứa, song Nguyễn Ngọc Tư lại được nuôi dưỡng trong tình cảm gia đình đầm ấm, nhất là sự yêu thương dạy bảo của ông bà ngoại. Chính những người thân trong gia đình đã ảnh hưởng rất lớn tới tính cách của nhà văn và chủ đề sáng tác của chị sau này. Nguyễn Ngọc Tư là người tình cảm mà mộc mạc, mang tính cách đặc trưng của người Nam Bộ.

Nguyễn Ngọc Tư là một hiện tượng lạ trong giới văn học, bởi nữ nhà văn trưởng thành không qua một trường lớp đào tạo hay lí luận sáng tác nào, và chị đến với văn chương bằng tài năng thiên phú thực thụ. Nguyễn Ngọc Tư đã phải nghỉ học khi mới 13 - 14 tuổi, bởi hoàn cảnh cuộc sống khá khó khăn. Sau này vì hoàn cảnh thôi thúc và mưu cầu cuộc sống nên Nguyễn Ngọc Tư mới viết văn để kiếm sống. Con đường đến với văn đàn của chị thật khác thường.

Năm 1996, khi vừa 20 tuổi, Nguyễn Ngọc Tư có ba truyện ngắn đặc sắc viết về chủ đề tình bạn, được đăng trên tạp chí *Văn nghệ Bán đảo Cà Mau*. Kết quả là chị không chỉ có nhuận bút, mà còn được kết nạp vào hội văn nghệ tỉnh Cà Mau, rồi được nhận vào làm văn thư cho Tạp chí *Bán Đảo Cà Mau*. Với tài năng của mình, lại gặp được môi trường thuận lợi, Nguyễn Ngọc Tư đã sống và cống hiến hết mình cho văn chương, từ làm văn thư, rồi làm biên tập tạp chí *Bán Đảo Cà Mau*. Những sáng tác của chị dần được nhiều công chúng biết tới.

Tác phẩm văn chương đầu tiên chính thức đánh dấu sự xuất hiện của Nguyễn Ngọc Tư trên văn đàn chính là tập truyện ngắn “*Ngọn đèn không tắt*”, xuất bản

năm 2000, tác phẩm đã đạt giải A trong cuộc vận động sáng tác Văn học tuổi 20 lần II, do hội nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh, báo Tuổi Trẻ và Nhà xuất bản trẻ phát động. Một năm sau, tập tuyển này tiếp tục đạt giải B của Hội nhà văn Việt Nam, rồi năm 2003, lại được chọn in lại trong “*Tủ sách vàng*” của nhà xuất bản Kim Đồng.

Từ đây, năng lực văn chương thiên phú của Nguyễn Ngọc Tư chính thức bộc lộ. Không những thế, Nguyễn Ngọc Tư còn có một năng lực sáng tác mạnh mẽ. Hàng loạt các tác phẩm độc đáo và hấp dẫn bạn đọc của chị ra đời chỉ trong một thời gian ngắn. Đó là tập truyện ngắn “*Giao thừa*” năm (2003), tập truyện ngắn “*Nước chảy mây trôi*” (2004), “*Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*” (2005)...

Năm 2005, tập truyện ngắn “*Cánh đồng bất tận*” của Nguyễn Ngọc Tư đã tạo nên một cơn dư chấn đối với độc giả cả nước và giới phê bình. Tác phẩm này của chị nhanh chóng được độc giả săn lùng. Kết quả là với 1.800 cuốn được bán hết trong thời gian rất ngắn, Nguyễn Ngọc Tư chính thức trở thành nhà văn trẻ Nam Bộ được rất nhiều độc giả yêu quý và mến mộ trong cả nước, với phong cách sáng tác độc đáo, mới lạ và đầy hấp dẫn.

Đề tài sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư khá đa dạng nhưng đều xoay quanh cuộc sống của những người dân miệt vườn Nam Bộ, nơi chị đã từng sinh ra, lớn lên, đầy nhọc nhằn để trưởng thành. Nguyễn Ngọc Tư đã dành hết tâm huyết của mình, xuất phát từ nỗi thấu hiểu, từ cái nhìn của người trong cuộc để truyền tải tới bạn đọc hình ảnh chân thực nhất về đất và người Nam Bộ. Những sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư đều tập trung mô tả về cuộc sống thực của vùng đất Nam Bộ và con người Nam Bộ với thân phận nghèo khổ, lam lũ, nhưng sống chan hòa nhân ái.

Những nhân vật trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư đều là những người có nhân phẩm, có trách nhiệm, không bị cái nghèo và hoàn cảnh mua chuộc, xô đẩy làm tha hóa. Họ đều là những người có tâm hồn cao thượng, có tình người âm áp

và biết hi sinh cho người khác. Đó là những nhân vật trong các câu chuyện như “Đau gì như thế”, “Lỡ mùa” “Cái nhìn khắc khoải”, “Dòng nhớ”, “Nhà cổ”,...

Nguyễn Ngọc Tư dành nhiều trang viết về tình yêu đôi lứa. Trong các sáng tác của chị, tình yêu của những con người nơi đây giản dị như con nước ròng. Họ ước mơ bình dị về một không gian hạnh phúc êm đềm, không quá xem nặng vật chất. Nhưng cuộc sống luôn tiềm ẩn những bất trắc, đổi thay, thế nên bên cạnh những tình yêu đẹp, trải qua thử thách và đạt đến bến bờ của hạnh phúc như tình yêu trong truyện ngắn “Bến đò miếu”, cũng có những tình yêu dang dở, chia li như trong truyện “Hiu hiu gió bắc”, “Cái nhìn khắc khoải”, “Cuối mùa nhan sắc”, “Dòng nhớ”...

Những sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư mang tính thời đại sâu sắc, đó là những xáo trộn, biến đổi của không gian sống, của nông thôn và cả trong tính cách và cách cư xử của con người. Đó là truyện ngắn “Hiu hiu gió bắc”, “Cái nhìn khắc khoải”, “Cánh đồng bất tận”, “Núi lở”, “Sông”, “Đong tâm lòng”...

Người phụ nữ Nam Bộ xuất hiện nhiều trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Họ là những con người hiền lành, chất phác, chịu thương chịu khó, tận tảo, hết lòng hi sinh vì gia đình. Trong truyện ngắn “Hiu hiu gió bắc” là hình ảnh hai chị em ruột Hảo và Hoài, cùng yêu một người là anh Hết, hay như truyện ngắn “Cuối mùa nhan sắc” với nhân vật cô đào Hồng, cả đời khắc khoải và mòn mỏi trong đợi chờ và day dứt nỗi đau khi nhan sắc của mình đã tàn phai. Nhìn chung, người phụ nữ trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư đều mang thân phận cam chịu, có cuộc đời bất hạnh khổ đau, bị xã hội và hoàn cảnh vùi dập.

Với ngòi bút tài tình của mình, Nguyễn Ngọc Tư đã nói lên được tâm tư tình cảm rất chân thực của con người Nam Bộ, từ ngôn ngữ thường ngày, lối sống đến cách suy nghĩ của họ. Nhân vật trong các sáng tác của chị rất đa dạng, đôi khi là những loài vật rất đỗi thân quen trong đời sống như chú vịt Xiêm, Bìm Bịp, con

Sáo... để mô tả, khắc họa và làm tăng thêm trạng thái cô đơn, day dứt của con người trong cuộc sống.

Không gian và con người Nam Bộ xuất hiện “đậm đặc” trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư, nhất là tính cách con người Nam Bộ. Đó là người nông dân hiền lành, dễ mến, chăm chỉ làm ăn, thật thà và hồn nhiên như cây cỏ. Nhưng những con người này phải chịu sống trong hoàn cảnh cực kì khó khăn, đói nghèo vây bủa và số phận bị bỏ quên, phải vật lộn mưu sinh, vì bát cơm manh áo.

Những sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư thường đem lại cho người đọc cảm xúc day dứt, khắc khoải, thậm chí là ám ảnh khôn nguôi. Những cảnh đời éo le, những dằn vặt nội tâm, ân hận muộn màng, những phận người nhỏ bé đón đau... Như ông già Năm Nhỏ trong “*Cái ơi*” phải sống vật vã trong sự hiểu lầm nghiệt ngã của mọi người xung quanh, bị gán cho tội giết con riêng của vợ; ông Sáu trong “*Biển người mênh mông*” đi tìm người phụ nữ của cuộc đời mình cho đến lúc chết; anh Hết trong “*Hiu hiu gió bắc*” chấp nhận từ bỏ tình yêu, từ bỏ hạnh phúc vì nghèo... Tất cả những gì mà họ phải chịu đựng đều ngọt ngạt, day dứt đến tột cùng và không có lối thoát.

Nhưng có lẽ, ám ảnh nhất trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư là thân phận của những đứa trẻ nghèo. Cũng bởi, từng trải trong thân phận của đứa trẻ vì hoàn cảnh mà phải nén đi những mơ ước tuổi thơ để mưu cầu cuộc sống, nên trong những sáng tác của chị sau này có rất nhiều đứa trẻ có cuộc đời vất vả, bất hạnh, nhọc nhằn. Đó là đứa bé nghèo đến nỗi thân thể khô quắt lại với mong ước kiếm được vài gói mì ăn liền (trong truyện ngắn *Sầu trên đỉnh PuVan*), hay là những đứa trẻ bị cha mẹ bỏ rơi, sống trong bơ vơ, khao khát vòng tay cha mẹ (trong truyện *Lùm Còi*), những đứa trẻ sống không có tình thương, bị người lớn lợi dụng như Điệp trong truyện ngắn “*Chuyện của Điệp*”, thằng bé Sói trong “*Áu thơ tươi đẹp*”, cậu bé đáng thương trong “*Núi lở*”, hai chị em Nương và Điền trong “*Cánh đồng bất tận*”. Đặc biệt là trong tập truyện “*Gió lẻ và 9 câu chuyện khác*”,



Nguyễn Ngọc Tư đã thấu hiểu và hóa thân vào từng nhân vật trong truyện, phản ánh được tâm tư suy nghĩ đời thực và những số phận hẩm hiu, nghiệt ngã mà các em phải gánh chịu, nhưng trên hết là tính cách hồn nhiên, vô tư của các em. Sự hồn nhiên vô tư đó được thể hiện qua từng câu chuyện khiến cho người lớn phải ngậm ngùi xót xa và thương cảm. Trong câu chuyện “*Vết chim trời*” là hai anh em Vĩnh và “tôi”, hai đứa bé phải hứng chịu hậu quả tâm lí từ sự việc do người lớn gây ra. Còn trong truyện “*Núi lở*” là cậu bé phải tham gia vào việc làm sai trái của cha mẹ, phải nhìn và nghe những điều đau lòng, phải chứng kiến sự bất hiếu của cha mẹ đối với ông nội - người mà em nhất mực gần gũi, yêu thương.

Với đặc trưng tâm lí lứa tuổi ở giai đoạn này, trẻ em luôn thể hiện sự trong sáng và hồn nhiên của mình. Cũng bởi trong sáng và hồn nhiên, nên các em luôn nói ra những gì mình nghĩ, mình thấy và cảm nhận cuộc sống xung quanh một cách chân thực nhất. Người xưa có câu thành ngữ “*Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ*” cũng để nói lên tính chân thật này của các em. Vì ngây thơ trong sáng nên các em không biết nói dối, mà luôn nói sự thật. Sự thật được phơi bày qua suy nghĩ và nhìn nhận của trẻ thơ được thể hiện rõ nhất qua chi tiết những đứa trẻ bị bắt phải đi du lịch theo cha mẹ trong truyện ngắn “*Thỏ Sầu*”. Bằng ngôn ngữ ngây thơ, chân thật của mình, các em đã lột trần, đã phơi ra thói sĩ diện khoe khoang của đám khách du lịch, nhất là người lớn “...*Chỉ mấy đứa trẻ là dễ thương. Tôi thích nhìn vào thất vọng nãy nê của chúng khi tới xóm tôi. Tôi bỏ rất nhiều thời gian la cà ngoài bến, ngó mấy đứa nhỏ giãy nảy, kêu khóc bên đôi giày leo núi và bộ đồ tắm biển thừa thãi. Tôi cười ngất, nhất là khi ra về, nhiều đứa ám ức cần nhân: Hồng vui gì hết....Nhìn người ta nghèo hồng vui gì hết*” [30,90].

Trong các câu chuyện của Nguyễn Ngọc Tư, chúng ta còn bắt gặp khá nhiều bóng dáng, cảnh đời của những đứa trẻ với số phận, diễn biến tâm trạng và hành động đều gắn liền với thực tế cuộc sống vốn có của vùng Nam Bộ và cả những thay đổi, thậm chí là góc khuất của xã hội nói chung, của Nam Bộ nói riêng. Những nhân vật trẻ thơ trong sáng tác của chị không chỉ xuất hiện với tiếng cười

khúc khích giòn tan, những ngây ngô, háo hức, hồn nhiên, những trò chơi vui nhộn, được sống trong bao bọc và chăm nom của gia đình, bố mẹ, mà nhiều hơn cả, là hình ảnh những đứa trẻ nghèo, bị cha mẹ bỏ rơi, bị dòng đời xô đẩy, biến đổi tâm tính. Đó là những đứa trẻ phải tự thân lăn lộn kiếm sống, phải tự thích nghi, học hỏi để tồn tại, hay những đứa trẻ già trước tuổi, tính cách dị biệt, cục cằn, thô lỗ... mà nguyên nhân là do người lớn gây ra.

Những đứa trẻ xuất hiện như một lớp người vụn vỡ, những mầm chồi khô héo và còi cọc, thậm chí gãy đứt đau đớn. Những đứa trẻ trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư như một mảng màu chân thực về cuộc sống con người Nam Bộ. Đó là sự đói nghèo đến cùng cực, là sự vô trách nhiệm của người sinh ra các em, là âm mưu thâm độc của người lớn, hay những rạn nứt do hậu quả của chiến tranh, li tán. Những đứa trẻ đó phải gánh chịu những điều cay đắng từ lúc sinh ra cho đến khi trưởng thành.

Với sự chân thực và đa diện về hình ảnh trẻ em trong các sáng tác của mình, dù là những sáng tác phản ánh trực tiếp và lấy đối tượng nhân vật chính là trẻ em không nhiều, nhưng Nguyễn Ngọc Tư đã đưa ra một cách tiếp cận riêng về thế giới trẻ thơ. Những đứa trẻ được đề cập đến trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư, không hoàn toàn được tắm mình, trưởng thành và lớn lên trong khung cảnh chỉ có màu hồng, sự ấm êm hạnh phúc, được quan tâm chăm sóc, được răn dạy chỉ bảo, mà còn có cả những giằng xé, đớn đau, mất mát, tổn thương. Những đứa trẻ có số phận đầy bi kịch, bị tha hóa, bị tách ra khỏi môi trường tốt đẹp mà đáng lẽ ra các em phải được hưởng xuất hiện thường xuyên trong các câu chuyện của Nguyễn Ngọc Tư.

Những truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư liên quan tới trẻ em đều mang tính chân thực. Kết thúc nhiều tác phẩm là sự thương cảm, xót xa và một nỗi buồn khó quên, thậm chí là day dứt.

Mặc dù hình ảnh những đứa trẻ xuất hiện dày đặc trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư, từ truyện ngắn cho tới tiểu thuyết, nhưng chỉ có duy nhất tập truyện ngắn “*Xa xóm Mũi*” của chị là tác phẩm phục vụ và dành riêng cho thiếu nhi, và nội dung các câu chuyện gắn với sự trong trẻo, hồn nhiên, vui nhộn qua lăng kính suy tư của các em. Còn hầu hết các tác phẩm khác của Nguyễn Ngọc Tư đều viết cho người lớn. Nhưng có điều, cuộc đời của những người lớn, ảnh hưởng đến nhiều số phận những đứa trẻ, mà đa phần là những số phận đầy xa xót. Thậm chí, những người lớn đó, chính là hình hài sau này của các em, bởi rất nhiều nhân vật người lớn, đã trưởng thành đều bị ảnh hưởng và mang trong mình “di chứng” của một tuổi thơ bất hạnh, kinh hoàng. Những cảnh đời của những đứa trẻ trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư như một lời cảnh tỉnh đối với xã hội, với người lớn, về trách nhiệm của mình đối với con trẻ. Đồng thời, nhà văn cũng muốn cho người lớn thấy được sự non nớt, yếu đuối mỏng manh và nhạy cảm đến nhường nào của trẻ em, và sự nguy hại to lớn mà các em phải gánh chịu, trước những hành động tiêu cực của người lớn và môi trường xã hội gây ra cho các em. Đó là vết thương không thể chữa lành, các em phải chịu đựng suốt đời với sự tổn thương tinh thần đó.

### **\* Tiểu kết chương 1**

Tuổi thơ là giai đoạn đầu đời quan trọng nhất trong quá trình hình thành nên nhân cách con người. Những kí ức về tuổi thơ luôn bền vững, khó lu mờ và sẽ ảnh hưởng rất lớn tới sự hình thành cá tính, nhân cách và tình cảm của người trưởng thành sau này.

Các tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi có tác dụng rất lớn trong việc giúp các em điều chỉnh hành vi, học hỏi điều hay lẽ phải, và là nhu cầu thưởng thức không thể thiếu về mặt tinh thần của các em.

Mặc dù không có nhiều tác phẩm đề cập hay viết một cách trực tiếp về đối tượng trẻ em, mà đa phần là cách thể hiện, đề cập gián tiếp, song Nguyễn Ngọc Tư

đã đưa ra một cái nhìn chân thực, gắn với thực tế đời sống con người, mô tả thực cái không gian mà những đứa trẻ được sinh ra, hưởng thụ và lớn lên, một không gian đầy bất trắc, tiềm ẩn. Trong sáng tác của chị, trẻ em là đối tượng dễ bị tổn thương nhất và vết thương sẽ khó lành nhất, thậm chí là không thể chữa lành.

## **Chương 2**

## **VÙNG ĐẤT NAM BỘ VÀ HÌNH ẢNH NHỮNG ĐỨA TRẺ TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN NGỌC TU**

### **2.1. Không gian văn hóa Nam Bộ - nền phù sa nuôi dưỡng sự trưởng thành và cá tính của con người miệt vườn**

Nam Bộ là vùng đất có tuổi đời tương đối trẻ so với các vùng miền khác trên đất nước ta, lịch sử vùng đất Nam Bộ được hình thành và định hình cách đây khoảng 400 năm và cũng gắn liền với lịch sử Nam tiến của dân tộc Việt Nam.

#### ***2.1.1. Điều kiện địa lí, môi sinh***

Nam Bộ ngày nay bao gồm hai phần là Miền Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh), và Miền Tây Nam Bộ (Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, Cần Thơ, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau). Tổng diện tích của toàn vùng Nam Bộ khoảng 30.000km<sup>2</sup> và dân số khoảng 32 triệu người (năm 2011).

Nam Bộ là vùng đất nằm ở cuối cùng đất nước về phía Nam, trọn vẹn trong lưu vực của hai dòng sông Đồng Nai và Cửu Long, mà lại là phần hạ lưu của hai dòng sông, đây là vùng đất cửa sông giáp biển. Khí hậu của Nam Bộ khác hẳn khí hậu Bắc Bộ đó là chỉ có hai mùa: mùa khô và mùa mưa, sáu tháng mùa mưa, sáu tháng mùa khô tạo cho vòng quay thiên nhiên, mùa vụ có phần khác biệt so với đồng bằng Bắc Bộ.

Nói tới Nam Bộ là người ta nói đến cánh đồng tím tấp chân trời, một khung cảnh thiên nhiên khoáng đạt và vùng đất với chằng chịt kênh rạch. GS Lê Bá Thảo đã ước tính Nam Bộ có tới 5.700km đường kênh rạch. Sông nước ở hạ lưu chảy chậm, mang lượng phù sa lớn khác với sông nước miền Trung Bộ.

Khi những cư dân Việt vào đây khai phá vào khoảng thế kỷ 16, họ đứng trước sự hoang vu hiểm trở của vùng đất chưa có dấu chân người như lời của một bài ca dao Nam Bộ:

*“ Chèo ghe sợ sáu căn chun  
Xuống bưng sợ đĩa lên rừng sợ ma”.*

Hệ thống sông Cửu Long đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành đồng bằng sông Cửu Long mà diện tích lên tới 39.734km<sup>2</sup>. Với lượng nước trung bình hằng năm vào khoảng 4.000 tỉ mét khối, vận chuyển khoảng 100 triệu tấn phù sa, sông Cửu Long đã phối hợp với biển Đông để tạo ra những vạt đất phù sa phì nhiêu dọc theo đê ven sông, các giồng cát ven biển và đất phèn trên trầm tích đầm mặn trũng thấp như vùng Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên, Tây Nam sông Hậu và bán đảo Cà Mau. Văn minh Đồng bằng sông Cửu Long được mệnh danh là văn minh sông nước với nghĩa đầy đủ và đa dạng của nó: Văn minh lúa nước - lúa trời, văn minh kênh rạch, văn minh chợ nổi, văn minh cảng thị và văn minh miệt vườn.

### ***2.1.2. Sự đa dạng của môi trường nhân văn - văn hóa***

Nói đến nền văn hoá Nam Bộ là nói đến sự đa dạng và độc đáo. Văn hóa Nam Bộ là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa khác nhau, là nơi giao lưu tiếp xúc mạnh mẽ giữa văn hóa Việt với văn hóa Chăm, Khơ Me, văn hóa Trung Hoa, và sau này là văn hóa phương Tây. Nam Bộ là vùng đất cộng cư của rất nhiều dân tộc như Mạ, Xtiêng, Khơ me, Việt, Chăm, Hoa. Mỗi một dân tộc lại có một sắc thái riêng và chính điều này đã tạo nên sự đa dạng cho văn hóa Nam Bộ.

Các giá trị văn hóa Nam Bộ luôn mang những đặc trưng riêng, vô cùng độc đáo, từ trang phục, nhà cửa, ẩm thực, phương tiện di chuyển và đi lại, những chợ nổi trên sông, những cù lao xanh mướt cây trái, những điệu hò sông nước, hình thức sinh hoạt văn nghệ đa dạng, từ cải lương, đờn ca tài tử, tuồng, đến các điệu

múa Chăm, hát Dù Kê... Những sinh hoạt tín ngưỡng - tôn giáo rất đa dạng như đạo Bà La Môn, đạo Hồi, đạo Phật, Phật giáo Hòa Hảo, đạo Cao Đài, đạo Ki Tô, Tin lành... những lễ hội mang đậm dấu ấn sông nước như Hội cúng trăng, Đua ghe Ngo, Nghinh Ông, bà chúa Xứ, hội bà Đen...

### **2.1.3. Con người và cá tính Nam Bộ**

Do là vùng đất của hội tụ, giao lưu, nên con người Nam Bộ cũng mang những đặc trưng riêng trong tính cách, cá tính và suy nghĩ, trong lời ăn tiếng nói hàng ngày. Tiêu biểu và đặc trưng nhất về đặc điểm tính cách và cá tính con người Nam Bộ đó là: tính sông nước, tính bao dung, tính năng động, tính trọng nghĩa, tính thiết thực. Nhà văn Sơn Nam khi khái quát tính cách con người đi khẩn hoang ở vùng đất phương Nam hoang sơ và khắc nghiệt, đã dùng cụm từ “*sĩ khí hiên ngang*” để chỉ những con người “*kiến nghĩa bất vi vô dũng giả*”, chuộng công bằng lẽ phải. Nhà nghiên cứu văn hóa Ngô Đức Thịnh trong cuốn “*Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*” có nhận xét về con người Nam Bộ: “*Họ cởi mở, chan hòa, dễ kết thân, dễ hòa vào với cộng đồng mới lạ, không sĩ diện kiểu kẻ sĩ, không coi trọng môn đăng hộ đối*”.

**Tính năng động sáng tạo** của con người Nam Bộ đến từ chính hoàn cảnh của họ. Khi vào vùng đất mới, rừng rậm hoang vu, thú dữ tràn đầy, tứ bề hiu quạnh. Người dân di cư đứng trước cảnh tượng ban đầu quá xa lạ với những gì họ biết, họ nghĩ khi còn ở quê nhà, đã lo sợ:

*“Tới đây xứ sở lạ lùng*

*Chim kêu cũng sợ, cá vùng cũng ghê”*

*“Cà Mau khi khọt trên bưng*

*Dưới sông sáu lội, trên rừng cọt um”*

*“Chèo ghe sợ sáu căn chum,*

*Xuống sông sợ đĩa, lên rừng sợ ma”*

Trên vùng đất mới còn hoang sơ, rừng thiêng nước độc, hùm beo, rắn rết đầy rẫy, vừa khai dậy tiềm năng khai thác dồi dào, vừa là một thách thức nghiệt ngã đối với những con người phải dấn thân. Nếu như không phát huy được tính cần lao, dũng cảm vốn có của người dân Việt thì khó có thể tồn tại được.

**Hào phóng, hiếu khách** là một nét tính cách đặc trưng của người Việt ở Nam Bộ. Trong tất cả các mối quan hệ diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, tính cách này luôn được bộc lộ một cách rõ ràng, sinh động và đầy tính nhân văn. Trong gia đình, khi có khách đến nhà lúc nhà đang ăn cơm, chủ nhà mời mà khách từ chối thì hay bị hiểu lầm là khinh rẻ chủ nhà, đã ăn no rồi thì cũng nên ngồi vào mâm cùng ăn, gọi đùa là “*ăn ba hột*” lấy lệ cho vừa lòng chủ. Bao giờ cũng vậy, người dân Nam Bộ luôn muốn dành những gì quý nhất, đẹp nhất trong đời nhân xử thế với hàng xóm, bạn bè và người thân của mình.

Tiêu xài rộng rãi là một đặc điểm thường được nhắc tới khi nói về tính cách người Nam Bộ. Thiên nhiên hào phóng thì cũng sẽ tạo ra những con người hào phóng, người ta ít lo lắng cho cuộc sống của mình ở ngày mai. Tất cả chỉ có tình người dù họ biết rằng ngày mai, ngày một mình không còn cái gì để sống. Lối sống đó trở thành một tập quán xã hội, ảnh hưởng đến tất cả mọi người, cả những khi đời sống vật chất khó khăn. Người nông dân bị bóc lột cơ cực, ít có hi vọng trở nên khá giả thì không cần dành dụm, làm được bao nhiêu cứ xài cho hết. Khi lâm vào cảnh thất nghiệp họ vẫn có thể thức đến tận khuya để uống rượu và đờn ca tài tử, chẳng bận tâm gì cho cuộc sống ngày mai.

**Trọng nhân nghĩa** là một đặc trưng nữa trong tính cách con người Nam Bộ. Kẻ bất nhân, bất nghĩa thì khó có cơ hội dung thân ở vùng đất này. Có rất nhiều câu thành ngữ nói về tính cách này của người Nam Bộ: *Tiền tài như phấn thổ, nhân nghĩa tựa thiên kim, thương người như thể thương thân, thi ơn bất cầu báo...* Trong ca dao Nam Bộ cũng nói lên nét tính cách này:



*“Ngọc lành ai lại bán rao,  
Chờ người quân tử em giao nghĩa tình.”*

*“Lòng qua như đinh sắt,  
Nguyễn nói chắc một lời,  
Qua không có dạ đổi dờn như ai,  
Lòng qua như sắt, nói chắc một lời,  
Bạc tiền chẳng trọng chỉ trọng người tình chung.”*

Do vậy, người Nam Bộ rất quý trọng, rất tin cậy bạn bè. Bạn bè sa sút, túng quẫn lại càng quý trọng và cư xử tế nhị hơn. Người Nam Bộ thích làm quen với người nghèo, giúp đỡ kẻ sa cơ thất thế, ghét những kẻ thay lòng đổi dạ, xu nịnh quyền tước. Người dân ở đây thường nói đất lành thì chim đậu, đất hung dữ thì chim bay đi. Ai cậy nhiều tiền, tung tiền ra mướn với thái độ hách dịch, phách lối thì có chết đói cũng không thèm làm, khoái nhau rồi thì làm không công, giúp đỡ người nghèo để lấy tiếng.

**Người Nam Bộ rất bộc trực, thẳng thắn**, ít khi nói chuyện văn hoa dài dòng, rào trước đón sau. Cũng chính tính cách hay nói thẳng mực tàu này mà đôi khi họ bị giai cấp thống trị lợi dụng. Nhưng dù sao đi nữa, trải qua mấy trăm năm nó vẫn là một nét tính cách đẹp trong mối quan hệ giữa người với người. Tính mộc mạc, thẳng thắn thường được nhắc đến trong kho tàng văn học dân gian Nam Bộ. Tinh hoa của ca dao, dân ca Nam Bộ đều nằm trong sự mộc mạc, trong sáng ấy:

*“Đêm khuya ngủ gục, anh với hụi con tôm càng,  
Phải chi anh vớt được cái kiềng vàng em đeo.”*

*“Hồi buổi ban đầu,  
Em biểu anh tằm ba miếng trâu cùng ly rượu lạt,*

*Anh lắ đầu sợ tón.*

*Giờ em đã có chồng, sao anh biểu trốn theo anh.”*

**Ngôn ngữ của người nông dân Nam Bộ** cũng thể hiện tính dung hợp văn hóa. Miền Tây Nam Bộ là vùng đất của sự cộng sinh từ những nhóm người khác nhau, trong đó, chủ thể quan trọng nhất chính là người Việt từ miền Trung Bộ và Bắc Bộ.

Cũng là một người con được sinh và và lớn lên tại miệt vườn Nam Bộ (Đất Mũi - Cà Mau), Nguyễn Ngọc Tư là con người mang đầy đủ những tính cách và cá tính Nam Bộ, từ ngôn ngữ, giọng điệu cho đến lối suy nghĩ. Tất cả những đặc trưng riêng đó, được nhà văn phả vào và bộc lộ rõ trong tất cả các sáng tác của mình. Chị viết về con người Nam Bộ với đầy đủ phương diện từ tên gọi, ngôn ngữ, lối sống, suy nghĩ, thân phận. Trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư, một Nam Bộ toàn cảnh được phác họa, các loài cây trái, những con kênh, dòng sông nước bạc, cái nắng cái gió miệt vườn, những cánh đồng bất tận, những hoạt động mưu sinh, những thương thức vật chất và tinh thần... Bởi thế, Nguyễn Ngọc Tư được mệnh danh là “*Đặc sản Nam Bộ*” và phong cách của chị là duy nhất, không hòa lẫn đi đâu được.

## **2.2. Hình ảnh những đứa trẻ Nam Bộ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư**

### **2.2.1. Những đứa trẻ Nam Bộ hồn nhiên với các trò chơi của vùng sông nước**

Sinh ra và lớn lên gắn với miền sông nước, thế nên ngay từ nhỏ các em đã tiếp xúc với môi trường sông nước. Sông nước cũng chính là không gian sinh tồn của con người nơi đây. Hoạt động và trò chơi của tụi con nít Nam Bộ liên quan nhiều tới sông nước. Hình ảnh những đứa trẻ Nam Bộ nô đùa tắm táp bên sông luôn xuất hiện trong những câu chuyện của Nguyễn Ngọc Tư. Những tiếng cười khúc khích của những đứa trẻ trốn cha mẹ để đi tắm sông vào buổi trưa cùng

chúng bạn, hay hình ảnh bọn trẻ thi lặn, thi bơi, nhảy cầu được tác giả nhắc nhiều đến trong những trang văn của mình.

Cũng chính từ dòng sông đó, các em ngụp lặn, dần lớn lên, tự học hỏi các kỹ năng sinh tồn trong môi trường sông nước, thấu hiểu cái môi trường sống khoáng đạt nhưng cũng đầy gian khó và vất vả như thế nào. Dễ dàng tìm thấy trong trang văn của Nguyễn Ngọc Tư hình ảnh tụi con nít Nam Bộ trần truồng trằm mình dưới những dòng sông, kênh rạch, đầu tóc lúc nào cũng ướt nhẹp, và nụ cười rạng rỡ, suy nghĩ hồn nhiên trong trẻo, cùng những khát vọng cháy bỏng như mơ ước được lên bờ, được đi học, có nhà... Để rồi cả sau này, khi đã trưởng thành, trong kí ức của các em, luôn là hình dòng sông nước bạc, con thuyền chòng chành. Các em nhớ sóng, nhớ gió sông lồng lộng, nhớ sắc tím lục bình ... như hình ảnh và tâm trạng của cô gái tên Giang trong truyện ngắn “*Nhớ sông*”.

Trên những dòng sông ấy, các em vừa vui chơi hồn nhiên vừa phụ giúp gia đình bằng con tôm, con cá - thành quả lao động tràn đầy niềm vui. Trong truyện ngắn “*Cỏ xanh*” là hoài niệm của chàng thanh niên Kiên về quãng tuổi thơ tươi đẹp, hồn nhiên cùng với cô bé ngoan ngoãn là Miên. Hai anh em Kiên và Miên cùng vui chơi, nô đùa, rủ nhau đi kéo tép buổi trưa, rồi trêu chọc tổ ong nghệ, đến nỗi bé Miên bị đốt tới 28 vết.

Ngoài ra, tụi con nít còn có hàng loạt các trò chơi khác như câu cá chột, cá thòi lòi, chọi cá lia thia... Hoặc chúng trêu ghẹo, dọa nhát nhau bằng các con vật như thằn lằn, cua kẹp... như hình ảnh cô bé Hai bị anh hàng xóm bắt thằn lằn dọa nhát, đã khóc òa lên vì sợ (*Cỏ xanh*).

Cha mẹ phải vất vả bươn trải kiếm sống, thế nên các em phải tự chơi, tự tự tập và kết bạn với nhau bằng cả một thế giới những trò chơi vô cùng hấp dẫn. Với các em, để có một không gian, một địa điểm hay một chủ đề vui chơi, chọc ghẹo nhau là điều vô cùng dễ dàng với khung cảnh thôn quê, bưng bãi, sông ngòi, kênh rạch. Tùy vào từng không gian và hoàn cảnh, chúng lại có trò chơi phù hợp, nhất

là những buổi trưa, hay mùa nước nổi, mùa cây trái, sau những trận mưa lớn, sau mùa gặt là dịp tụi con nít hào hứng nhất

Tắm sông là một hoạt động, một thú vui thường nhật của những đứa trẻ vùng sông nước. Nhà của các em chính là những con thuyền lênh đênh, thế nên sông bám chặt lấy các em. Những đứa trẻ Nam Bộ ngay từ lúc 4 – 5 tuổi đã bắt đầu làm quen với môi trường sông nước, các em tắm tấp, nô đùa và vũng vầy trong môi trường sông nước kênh rạch, nhất là vào những trưa hè oi bức. Trên dòng sông ấy, các em có hàng loạt các hoạt động, chơi đùa, ganh đua kiểu con nít.

Nhân vật tôi trong “*Tắm sông*” được ba dạy bơi từ rất sớm, chúng bạn trầm trồ ghen tị, trong đó có thằng Tèo, nó nói: “*Sao tao ôm đũa khô tập hoài mà hông biết lội*” [23, 4]. Ao ước lớn nhất của các em, chính là chinh phục được môi trường sông nước. Tức là các phải biết bơi lội bởi “*con nít ở vùng sông nước mà không biết bơi thì tội nghiệp, xuống bến trượt chân, qua cầu gãy ván, bắt trắc không biết chùng*” [23, 4]. Biết bơi không đơn giản là một trò chơi ưa thích mà còn là một kỹ năng để các em có thể sinh tồn được trong môi trường sông nước, thế nên người xưa mới có câu ca “*Có phúc sinh con biết lội – Có tội sinh con biết trèo*”. Thậm chí, các em khao khát biết bơi tới mức sẵn sàng tin - một niềm tin rất trẻ thơ - vào phương cách “*thần kì*” để nhanh biết bơi, đó là cho chuồn chuồn cắn rốn. Thế nên, trước sự hậm hực của Tèo vì mãi mà chưa biết bơi, một lời xui dại (tài khôn) được đưa ra từ kẻ đã biết bơi là: “*Mày bắt chuồn cho nó cắn rún á, biết lội liền hà. Nó tưởng thiệt, đi bắt chuồn chuồn về cho cắn muốn tiêu cái rốn luôn*” [23, 4]. Thế nhưng, kết quả là Tèo vẫn chưa bơi được. Kế tiếp người biết bơi lại tư vấn kiểu đở thừa rằng: “*Tại mày hông bắt chuồn chuồn đở, chuồn chuồn đở cắn rốn mới biết lội được*” [23,4].

Khi đã biết bơi lội rồi, các em còn ganh đua với nhau xem ai là người giỏi nhất. Cậu bé được ba dạy bơi rất tự hào vì mình lặn giỏi nhất trong đám bạn “*Đi học về, vừa cất cái cặp là tôi đã nhảy ùm xuống sông. Tụi bạn phục lặn cái tài lặn*

dài hơi” [23,4]. Nhưng cậu vẫn khá hậm hực và chưa phục, bởi tài bơi lại thua con gái là cái Én, cậu thốt lên một cách ngạc nhiên: “*Trời đất ơi, con gái gì mà lội thoi thót như con éch, lẹ ghê. Mà cũng tại nó cao, chân dài, tay dài, nó sai một nhịp, tôi đã lọt lại phía sau. Vừa rồi, tôi với nó bơi thi, hông hiểu sao tôi lúm cúm thế nào mà để nó qua bờ bên kia trước, nó bắt tôi kêu nó bằng chị hai, thấy tức chết*” [23,5].

Dòng sông với các em là những gì ngọt ngào nhất, không gian nô đùa thích thú và vui nhộn nhất. Bởi “*Sông có mùi thơm hơi ngòn ngọt của bẹ dừa nước mọc chòm chòm ra ngoài bãi. Nước lớn, cá kìm kìm lội thành đàn nhộn nhịp. Nước rờn sát bãi, tụi tôi chạy rượt với đám cá thòi lòi. Hồi đó, đất sinh dưới đáy sông chúng tôi chọi nhau cũng thơm, nếm mặt mũi tèm lem bùn mà không thèm để ý, có đũa bị chọi nguyên một cục sinh vô miệng, trợn trừng không nói được tiếng nào*” [23,6].

Trong các truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư, hàng loạt các trò chơi của tụi con nít được nhắc tới, như những hình ảnh tươi nhộn và trong trẻo nhất. Con nít luôn mang lại bầu không khí huyền ảo, ồn ào, vui vẻ với các trò: bắt chuồn chuồn trên đường, bờ kênh rạch rồi cho chuồn chuồn cắn vô rón để nhanh biết bơi (*Tắm sông*), rủ nhau đi vặt trộm sen (*Dây điều*) hái trộm hoa quả (*Củ mực trôi về*), chơi thổi bong bóng (*Chụp ảnh gia đình*), tước lá dừa thắt cào cào châu chấu (*Cánh đồng bất tận*), vừa lội nước vừa hát nghêu ngao (*Một trái tim khô*), chơi nhảy cò cò, chơi u hơi (*Biển người mênh mông*), chơi chuyền (*Nhà cổ*), thả diều, chạy nhảy nô đùa (*Huê lấy chồng*), bắt cào cào (*Núi lở*), đá cầu, bắn nhau bằng súng nước (*Vết chim trời*), đánh trận giả, đạn giả, trò Việt cộng đánh quốc gia (*Người năm cũ*), dùng gươm đánh nhau chan chát bằng quả ô môi (*Một mối tình*), chơi nhà chòi (*Làm má đâu có dễ*), búng thun (*Đời như ý*), chơi bắn đạn (*Ngày đã qua*), câu cá chột, cá mè (*Biển người mênh mông*), cời truông tắm sông (*Đánh mắt cô dâu*), đá cá lia thia (*Nút áo*), thi lặn xem ai nhịn thở lâu hơn (*Lời yêu*), đuổi bắt chuồn chuồn (*Sông*), trèo vắt vèo trên nhánh cây sấu đầu, vừa gõ hợp âm vừa hát

ngheo ngao (*Máy cùm khói rời*), dùng nạng thun bắn trêu tổ ong, nghịch nước ngoài nương, trốn ngủ trưa (*Cúi xuống che chung*), hái trái cây, tát nương bắt cá (*Mương rộng hào sâu*), chơi chạy rượt trốn kiếm trước sân (*Xa xóm Mũi*), trốn ngủ trưa để chơi búng thun (*Đời như ý*)...

Sự ồn ào, huyên náo của khung cảnh những ngày hè vùng miệt vườn được tạo nên bởi tụi con nít, bởi sự lém lỉnh và hồn nhiên của chúng, là một phần không thể thiếu trong cuộc sống. Đó là những âm thanh trong “*Cúi xuống che chung*” được người già cảm nhận: “*Những khi yên ắng, tĩnh lặng nhất vẫn cảm giác sự sống chảy ngầm, trong tiếng một gặm bộ ngựa. Nằm ở trong buồng cổ cũng nghe đấm nhỏ giỡn nước ngoài nương, nhà bên xúc gạo chuẩn bị nấu cơm chiều. Một đứa luôn từ cửa sau, kêu “Tám ơi, má kêu con bưng cho cô tô bí hầm dứa. Nóng thấy mụ nội”. Không cần tụi nó lên tiếng, chỉ bước chân thôi cổ cũng gọi đúng tên từng đứa cháu mình. Chúng vốn coi nhà cổ như nhà chúng, hay lấy cớ qua hủ hủ với bà già để khỏi bị sai vặt, trốn ngủ trưa*”[22, 16].

Những trò chơi này luôn lôi cuốn các em với sự say mê, hào hứng. Các em đều rất nhập tâm để đóng các vai diễn trong từng trò chơi, như trò làm nhà chòi, chơi đồ hàng. Trong trò làm nhà chòi, các em nhỏ thường rủ nhau chọn vườn nhà nào đẹp, nhiều cây trái, ở xa nhà một chút để chơi “nhà chòi” và được tự do đùa giỡn. Đây là một trò chơi phổ biến, sẵn cây lá trong vườn chúng xúm nhau cắt một cái nhà nhỏ xíu bằng lá dứa, bẹ dứa rồi bày hàng, nấu nướng, các em gái lấy đất nắn “ông táo” để nấu ăn, lấy gạo dứa làm nồi, nhiều khi không có gì chúng chỉ ngắt lá bèo ngót, vớt cá lim kìm dưới nương rạch chế biến thành “món canh”. Nhưng nấu để chơi không phải để ăn. Tuy vậy, vẫn giả bộ ăn rất ngon lành.

Trò bện cào cào châu chấu bằng lá dứa nước cũng hấp dẫn không kém, những đứa khéo tay sẽ thi nhau thắt cào cào, châu chấu, đồng hồ, máy bay, nhẫn, con rết, con chim... treo lủng la lủng lẳng trong nhà chòi. Chúng còn làm chong chóng thi xem của ai quay nhanh hơn. Ngoài ra chúng còn có trò chơi ta có thể gọi là một

loại “âm nhạc xanh”, tức trò chơi thổi kèn làm từ lá dừa hay lá chuối. Trò chơi tuy giản dị nhưng mở ra cho trẻ cả một chân trời sáng tạo (*Cánh đồng bất tận*).

Trong hành trang sau này của các em khi trưởng thành, chuỗi kí ức về những trò chơi thuở ấu thơ luôn tươi đẹp nhất. Ở đó chúng có tình bạn, sự sáng tạo, những ganh đua kiểu con nít, và nhất là một không gian riêng để tự tập, không gian hứng thú riêng với tụi con nít, đôi khi chỉ là một khúc sông, một gò đất, một bãi cỏ, hay một địa điểm nhỏ bé nào khác – nhưng đều là “địa lợi” trong mắt của tụi con nít. Nguyễn Ngọc Tư đã nhắc đến và mô tả không gian này trong “*Cánh đồng bất tận*” với: “...cái bờ lúa ngai ngái mùi cứt trâu, giữa nó và vách nhà là một khoảng hơi tối nhưng rất thu hút trẻ con. Chúng hay giả bộ đó là nhà riêng của chúng, để bày biện, nấu nướng, đóng vai chồng vợ, vai má con. Để lúc bị đòn, chúng cũng chui tọt vào đó, khóc một mình, nhiều khi ngủ quên luôn. Cái kẹt bờ lúa, cũng đã từng là thiên đường mơ mộng của hai chị em tôi, bẻ trái trứng cá làm cơm, muông dừa là chén, giả đồ “ăn” no, giả đồ tối rồi, đi ngủ...”[19,186]

Với sự trong trẻo, cùng với trí tưởng tượng phong phú, sự mơ mộng, các em đã biết khai thác và sáng tạo ra những trò chơi vui nhộn, bình dị, hấp dẫn, phù hợp với hoàn cảnh từ chính không gian và môi trường sống của mình. Các em thỏa thích chơi, trải nghiệm, đùa giỡn, tưởng tượng với những trò chơi đó, chứ không cần phải có đồ chơi ba mẹ mua ngoài chợ về, hay những đồ chơi có sẵn. Thế giới của tụi con nít, hoàn toàn do tụi con nít tự nghĩ ra, tự thiết kế lấy, tự dàn xếp và thỏa thuận với nhau.

Các em bao giờ cũng tự tập rất đông vui, tại một địa điểm hẹn sẵn, và cùng hoạt động chơi đùa tập thể với nhau. Thế nên trong bất kì một tình huống tham gia nào, xuất hiện nào của tụi con nít cũng gây sự ồn ào, náo nhiệt. Đó là lũ trẻ trong xóm kéo nhau chọc ghẹo chú vịt xiêm tên Cộc của ông lão (*Cái nhìn khắc khoải*), là tụi nhóc tự tập đá banh trong sân của hãng phim thành phố, là nhóm con nít mê truyện tranh tự nhau lại để kể và bàn tán về câu chuyện mà mình đọc được,

để khoe về cuốn truyện mình có (*Chuyện vui điện ảnh*), là tụi trẻ con trong xóm túa lại vỗ tay vui vẻ như xem hát bội trước cảnh ông già cầm gậy đuổi đánh anh con trai tên Hết, rồi tiếng ồn ào náo nhiệt của tụi nhỏ khi rủ anh Hết chơi cờ (*Hiu hiu gió bắc*), là tụi bạn khi đi học về, leo rào vào trong chùa chơi bắn đạn dưới gốc cây bồ đề rồi bắt chước theo người lớn (*Ngày đã qua*): “*Thấy người ta vái, máy đũa cũng bày đứng vái, cho tụi con chơi với nhau hoài, một trăm tuổi luôn*”[26,146]. Với tụi trẻ, bất kì sự kiện nào cũng có thể là trò vui dưới con mắt của các em. Tụi trẻ thấy đám rước dâu, sướng rơn, vỗ tay và cười hát “*Cô dâu chú rể. Làm bể bình bông. Đồ thừa con nít...*”[19,28]. Tụi trẻ hát nghêu ngao “*Ước gì mình đừng ngăn cách, ước gì nhà mình chung vách, anh...khoét tường...hú hí với em*”[18, 160] để ghẹo người lớn là Nhâm và Hậu trong một ngày mưa lụt lội, nước ngập tràn, khi Nhâm có tình ý với người hàng xóm là Hậu (*Một trái tim khô*).

Đôi khi những trò chơi đó có thể là nghịch dại, như nhảy cầu, thi ngụp lặn, cho chuồn chuồn cắn rốn, cho cua kẹp chim... hay có bày trò quấy rối và phá phách người lớn như hái trộm hoa quả, hái trộm sen. Thậm chí, các em còn tự nghĩ ra những trò quậy phá “*nằm ngoài trí tưởng tượng*” của người lớn. Đó là cậu bé Vĩnh (*Vết chim trời*) với những trò nghịch ngợm đầy bản năng và hồn nhiên “*cởi cái quần ướt dẫm nước tiểu quăng vào nồi cháo vịt, lấy gậy để bập cầu dao điện, bắt mèo bú chuột, khoái đái vô... tú lạnh cho mát...cu*” [30,11]. Và là cha của Vĩnh (Út Hòn) khi còn nhỏ, cầm cây củi đang cháy rượt người lớn, múc nước làm gà rồi đổ vào ấm trà của ông cố. Đó còn là đám con nít nghịch ngợm trong làng, bày trò đái bậy trước cửa chùa, và bị “bảo vệ” con nít của chùa là chú tiểu rình, chú tiểu dùng nạng thun bắn cho chừa (*Củi mục trôi về*). Còn trong truyện ngắn “*Xác bụi*” là trò nghịch ngợm “tày đình” của hai đứa trẻ trong đám đi tìm hài cốt người mất tích. Hai đứa trẻ để năm một “*phá như quỷ sứ, thấy người lớn*



*không để ý, liền cầm hai đoạn xương ống làm vũ khí đánh nhau choang choang, miệng còn giả âm thanh chém gió của phim kiếm hiệp.” [29,20].*

Trong các câu chuyện của Nguyễn Ngọc Tư, tụi con nít luôn xuất hiện như vậy, để lại dấu ấn bằng chính sự hồn nhiên, ngây thơ trong trẻo và vui nhộn của chúng. Trong câu chuyện “*Nỗi buồn rất lạ*”, tụi con nít bị đánh quần đít mà đỡ hoài vẫn không ngủ được bởi tụi nó tưởng đâu vẫn còn ban ngày. Sự ngây thơ của tụi con nít càng làm tăng thêm nỗi xót xa về cái nghèo và sự thiếu thốn qua hình ảnh khi xóm Xẻo có điện.

Từ những trò chơi thân thuộc đó, hình ảnh về bạn bè, gia đình, quê hương, cội nguồn thấm dần vào trong tâm khảm của các em, trở thành hành trang và chỗ dựa tinh thần vững chãi nhất để cho các em tự tin bước vào cuộc sống, an ủi các em khi vấp ngã. Kí ức tuổi thơ tươi đẹp còn là sức mạnh, là hi vọng để cho các em trở về từ vũng lầy cuộc sống. Đó là hi vọng về sự trở về làm người tốt của cô bé Miên trong “*Cỏ xanh*”. Kí ức tuổi thơ chính là “*cỏ xanh*” – là phương thuốc hồi sinh, là cô bé Hai ngoan ngoãn, sẽ chữa lành vết thương tinh thần trong Miên. Và thế hệ các em cũng là người nối tiếp truyền thống và tạo dựng tương lai. Như hình ảnh cô bé Tươi trong “*Ngọn đèn không tắt*” – thay nội kể chuyện lịch sử, những câu chuyện mà cô bé không hề được chứng kiến nhưng lại kể rành rọt, rõ ràng khiến người nghe xúc động. Và đó còn là tình bạn đẹp, thứ còn lại duy nhất và quan trọng nhất, kết nối và là chỗ dựa cho con người mỗi khi mệt mỏi, phải đối đầu với bộn bề cuộc sống, với bệnh tật dày vò. Tình bạn từ thơ ấu thơ của các nhân vật: Nguyên, Thi, Hòa, Chi, Tiệp trong truyện ngắn “*Ngày đã qua*” là một thứ tình đẹp và trong trẻo như thế.

Cậu bé trong truyện “*Lum Còi*” quyết định bỏ nhà ra đi vì nghĩ rằng mình làm thế là đúng, vì ba mẹ quá khắt khe và không thương mình. Cậu bỏ đi để cho ba mẹ hiểu ra và thấy hối hận, ba mẹ sẽ phải đi tìm mình. Nhưng cậu đã gặp được một cậu bé “*bụi đời*” thực sự là Lum “*còi*”. Và chính Lum “*còi*” đã giúp cho cậu

nhận ra được giá trị quý báu của cuộc sống gia đình, nhận ra được tình thương thực sự mà ba mẹ dành cho cậu. Lụm “còi” kể cho cậu bé nghe chuyện về hoàn cảnh của nó: *“Hồi đó, tao còn nhỏ oi là nhỏ, má tao bỏ tao lại đây nè...Tao cũng đâu có biết. Chắc má tao gặp chuyện gì đó buồn lắm, nuôi không nổi tao nên bỏ tao lại đây. Bởi vậy tao tên Lụm đó...Thiệt đó, biết tại sao tao đen thui vậy hôn ? – Nó chìa ra cái mặt như chàm cháy – Tao bị bỏ ngoài nắng đó. Hồi đó ở ngã tư này vắng hoe hà, tao nằm cả buổi mà đâu có ai hay. Tới chừng đói quá tao mới khóc, tao khóc rồn rồn luôn, tao mạnh miệng từ hồi nhỏ mà. Rồi cái có bà dì bán bánh mì chạy lại, bông lên, đâu có sữa, bà dì mới móc ruột bánh mì cho tao trấp trấp đỡ, dè đâu, tao ăn hết ổ bánh mì luôn. Bà dì thấy tao dễ nuôi, nuôi luôn, sau này, tao kêu bà bằng ngoại. Tao lớn mà không tốn một miếng sữa nào hết, hay chưa?”* [23,18]. Vậy là, cậu bé thay đổi hẳn trạng thái cảm xúc. Cậu thấy nhớ nhà, nhớ sự chăm sóc của ba mẹ dành cho cậu. Cậu hình dung về những yêu thương, chăm chút của cha mẹ: *“Ở nhà, giờ này, mẹ khuấy cho tôi một ly sữa uống trước khi ngủ, mẹ hỏi tôi đánh răng chưa, tôi nói rồi, mẹ không tin biểu tôi nhe răng ra, thừa lúc hai má tôi phồng phồng, mẹ sẽ hôn tôi. Giờ này, nếu tôi đang mãi đọc truyện tranh, ba sẽ biểu tôi cất sách, đi ngủ, ba sẽ ém mùng, tắt đèn giùm tôi khi bước ra căn phòng dán đầy hình ảnh Doremon và Siêu Nhân”* [23,20]. Cậu bé hối hận và muốn trở về nhà. Cậu sợ cha mẹ giận mà bỏ rơi cậu như Lụm “còi”. Vì thế, cậu bé ấy đã bật khóc khi thấy ba mẹ đến đón về, thấy “ám hẳn lên” khi được ngồi giữa ba mẹ. Và hơn cả, trong lòng cậu bé thấy thương, thấy tội nghiệp Lụm “còi” nên đã nói với ba mẹ: *“Bữa nào ba mẹ cho con lại thăm anh Lụm “còi” ba mẹ ha!”* [23,21].

Và còn nữa là những đứa trẻ như cậu bé trong truyện ngắn *“Người mẹ vườn cau”*. Sau những lần theo ba về thăm bà nội ở quê (thực ra là má nuôi của ba), cậu bé sẽ hiểu giá trị của tình người, của lòng nhân ái, và sự biết ơn đối với những người đã hi sinh vì Tổ quốc. Những đứa trẻ trong gia đình đã thực sự hiểu được ý

nghĩa của cội nguồn, quê hương, gốc rễ khi tiếp xúc với bà ngoại ở quê lên, được ăn bát canh bầu “*trong veo, ngọt lịm*” do bà ngoại trồng, ngoại nấu (*Giàn bầu trước ngõ*). Hay như cô bé Dung trong truyện “*Ông ngoại*” cũng vậy. Ban đầu Dung không hiểu, không thích khi phải sang ở cùng và chăm sóc ông ngoại. Nhưng qua thời gian, trong tâm hồn Dung “*có những sự thay đổi Dung không thể ngờ được*”. Dung “*quen với cái tĩnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, cái khoảng không xanh lục lờng trong khói bụi, đâu đó, trên tầng me già, dăm chú chim hót líu lo, Dung quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hờm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cộc cạch lên phường lãnh lương hưu.*” [23,29]. Hơn cả, khi trở mình trong đêm, Dung lắng nghe được tiếng ho “*khúc khắc*” của ông ngoại và “*tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc giữa đêm khuya tĩnh mịch, tiếng ho như lời kêu cứu*” [23,30]. Rõ ràng, khi ở với ông ngoại, Dung đã nhận ra nhiều điều đáng trân trọng của cuộc sống xung quanh và thấy yêu quý, gần gũi ngoại hơn.

Vì nuôi hoài bão sau này sẽ trở thành bác sĩ để quay trở về quê “*chích bệnh cho tụi con nít*”, nên cậu bé Đức (*Xa xóm Mũi*) phải rời quê, rời xa xóm Mũi với biết bao kỉ niệm để lên huyện học. Đức tiếc nuôi, không muốn xa quê, những âm thanh, hình ảnh, con người nơi xóm Mũi đã trở thành một phần không thể thiếu trong kí ức của em. Đức thương hết thấy “*tiếng ghe cào đi đêm ra biển âm ì, tiếng cơm sôi ì ạch trong bếp, tiếng nước xối ào ngoài mái đặt trên sàn lãn làm bằng cây đước. Ngọn khói sớm chiều êm ả cuộn, êm ả tan. Rồi cả cái xóm Mũi này nữa, không thể gói vào trong giỏ để lâu lâu hé ra nhìn cho đỡ tủi...Con gà đậu trên cây mắm cụt đầu gáy te te, con Bé Em mở quẫy đập âm âm trên bộ ngựa gỗ, đâu đây những hơi thở của ngoại, của má lào khào*” [23,60]. Vì vậy, buổi sáng lên đường hôm ấy “*Thằng Đức quệt nước mắt ngượng ngùng cười, cuối cùng, nó không quên ngó về cửa sông thăm làm một cái vẫy chào ba nó. Phía có ba là biển*” [23,66].

Những hình ảnh về quê cha đất mẹ, với nắng gió, sông nước, những kí ức vui đùa hồn nhiên với đám bạn, những hình ảnh về Ngoại, Nội... hay những gì mà tuổi thơ trải qua với những kí ức đẹp nhất, trong trẻo nhất sẽ luôn luôn hiện hữu trong tâm khảm mỗi con người. Kí ức tuổi thơ là điểm tựa tâm lí, là chỗ dựa tâm hồn, là nền phù sa bồi đắp để cho con người lớn lên, trưởng thành, là nơi tiếp thêm sức mạnh để con người đương đầu với những khó khăn trong cuộc sống phía trước.

### ***2.2.2. Những đứa trẻ Nam Bộ với tuổi thơ chịu nhiều thiệt thòi và mất mát***

Thế giới trẻ thơ trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư không hoàn toàn là một thế giới tốt đẹp mà còn có sự xuất hiện dày đặc, thậm chí chiếm đa số, là số phận của những đứa trẻ bất hạnh, chịu nhiều thiệt thòi và tổn thương. Đó là những đứa trẻ bị tước mắt, hoặc bị búng khỏi cái không gian, môi trường mà lẽ ra chúng phải được hưởng như chúng bạn cùng trang lứa. Có thể vì hoàn cảnh gia đình nghèo khó, chúng phải lăn lộn bươn trải kiếm sống, hay một gia đình đổ vỡ do cha mẹ bỏ nhau, chúng phải chịu sự ngược đãi, là nạn nhân để cho người lớn trút bầu căm thù, hay chọn chúng để đày đoạ như một cách giải tỏa tâm lý và trừng phạt kẻ phản bội, kẻ ra đi. Hoặc cũng có thể là những đứa trẻ bị bỏ rơi, mồ côi, mặc cảm với thân phận, bị chúng bạn trang lứa dè bieu, không cho chơi cùng. Tuổi thơ của các em diễn ra trong trạng thái đặc biệt, không gian và môi trường đặc biệt, những trò chơi phổ biến và vui nhộn nhất của tụi con nít, các em cũng không được tham gia, hoặc không có điều kiện để tham gia.

Cũng vì ngây thơ, nên các em rất tin vào những gì người lớn nói, nhất là bố mẹ, ông bà. Bởi các em còn quá trẻ và non nớt, các em chưa đủ sức để hiểu và đánh giá được bản chất đúng sai của những lời nói đó. Những lời nói vui, vô hại của người lớn thì không sao, và các em chỉ tin nó như một sự ngây ngô hồn nhiên mà thôi, để rồi khi trưởng thành các em sẽ hiểu, như chuyện muốn biết bơi thì cho chuồn chuồn cắn rốn, hay các em được sinh ra từ đâu, đó là niềm tin của hai đứa

trẻ vào sự giải thích của ba là Tứ Hải trong “*Nhà cổ*”. Nhưng đối với những lời nói tiêu cực, mang ý nghĩa tổn hại tới các em thì thực sự đó là một vết đau về tinh thần, mà các em không thể quên được, thậm chí là ám ảnh các em suốt đời. Bởi lẽ, trẻ em vốn dĩ rất nhạy cảm và mỏng manh.

Đó là sự đố vỡ và chết lặng của Ý trong truyện ngắn “*Đời như ý*”. Vì hoàn cảnh gia đình quá nghèo, bố tật nguyên, mẹ thì lúc điên lúc dại, nên ba Ý muốn cho Ý sang làm con nuôi của dì Liễu. Nhưng Ý quá quyến luyến gia đình, nên không chịu và trốn về, cha năn nỉ nó cũng không chịu trở lại với dì Liễu, đánh mắng nó cũng không đi. Cuối cùng, “*một đêm, chú bắt nó ngồi trước mặt mình, ôm lấy đôi vai xương xẩu của nó, chú nói cho con Ý nghe một câu chuyện đau lòng, chú nói nó không phải là con ruột, chú lượm nó ở ngoài đồng rác bệnh viện. Chú nuôi nó tới từng này tuổi là để kiếm người bán lại. Dì Liễu cũng trả cho chú hai triệu chớ đâu có ít. Con Ý nhìn tộp tiền chú rút ra từ túi áo, mặt nó lạnh băng*” [26,68]. Cho dù lời nói dối của cha Đời là thực sự muốn tốt cho Ý, muốn con có được cuộc sống no đủ hơn song với sự non nớt của đứa trẻ mới bảy tuổi là Ý, nó hoàn toàn tin đó là sự thực. Nó vụn vỡ và chết lặng. Sau này, cha Đời vẫn lén qua lại chỗ dì Liễu để được nghe con Như miêu tả em nó. Và rồi khi không còn thấy cha xuất hiện, Ý bỏ nhà đi bụi đời vì nó nghĩ “*ba nó đã không còn thương nhớ nữa*”.

Cũng vì một nguyên do xa xôi, mù mờ nào đó của người lớn từ thời xa xăm, binh lửa, mà những đứa trẻ vốn là bạn thân, là những nhân vật tương tác trong chính các trò chơi đó phải lìa nhau, phải mang lên mình sự hằn học, ghen ghét và hận thù, cho dù cái nguyên do khi xưa kia chưa chắc đã đúng. Tuổi thơ là thứ trôi qua đi theo thời gian, thế nên các em sẽ đánh mất vĩnh viễn quãng thời khắc tươi đẹp đó và không có cách nào để có thể lấy lại hay quay trở lại được. Đó là hai anh em con chú con bác – “tôi” và Vĩnh trong truyện ngắn “*Vết Chim trời*”. Từ tiếng khóc lạ lùng và lời ai vãn của nội vào một buổi trưa tháng mười tĩnh lặng “*Sao bây lại bán Út Hơn của má?*” mà hai đứa trẻ phải xa nhau, tách ra làm

hai thế giới, tuy vẫn cùng ngủ chung với nhau hàng đêm, cùng lớn lên trong một gia đình, cùng chơi trong một không gian. Những trò chơi trước đó của chúng trong những buổi trưa trốn ngủ, những lần chơi bắn súng nước làm bà nội cười ... sẽ không bao giờ còn nữa. Một trong hai đứa trẻ đã không còn coi đứa kia là bạn, bởi cái nguyên có chẳng liên quan gì đến chúng. Không còn niềm vui mỗi sáng sớm cùng nhau đi dạo, đá cầu, tập thể dục trong công viên với cha của “tôi” và cũng là bác ruột của Vĩnh nữa. Vĩnh phớt lờ “tôi” và trở nên lảm nhảm, cục cằn khiến “tôi” *“day dứt, nằm cạnh nó mà nhớ nó toi bời”*.

Bên cạnh đó, những đứa trẻ là nạn nhân của những gia đình tan vỡ, là đứa bé bị bỏ rơi, bị ngược đãi hay xã hội vùi dập cũng xuất hiện với tần suất dày đặc trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Đó trước hết là những đứa trẻ mồ côi hoặc bị cha mẹ bỏ rơi. Các em sống mà không được bao bọc và nhận tình yêu thương từ những người đã sinh thành ra mình.

Tiêu biểu nhất cho những đứa trẻ bất hạnh này chính là hai nhân vật Sói và Nhiên trong *“Áu thơ tươi đẹp”*. Cha mẹ bỏ nhau, mỗi người đi tìm hạnh phúc và thú vui của riêng mình, chỉ có các em là bị kẹt lại ở giữa, không ai thực sự có trách nhiệm với các em. Họ đùn đẩy nhau, và cuối cùng quyết định, sẽ thay nhau đón em về nhà mình trong một khoảng thời gian nhất định. Thậm chí, có những lúc *“hầu như em chưa kịp quen gì thì cha đã gọi điện đặt vé tàu tiễn em đi”* [30,62]. Các em ở cả hai nơi, tuần tự, nhưng không ở đâu thực sự là tổ ấm, là nhà của các em. Mọi thứ đều xa lạ. Tính cách của các em cũng dần thay đổi, từ yếu ớt, đau đớn, hoang mang, đến chai lì, cục cằn, thô lỗ. Một thống kê nhỏ về hai nhân vật Sói và Nhiên trong câu chuyện này sẽ thể hiện rõ điều đó:

- **Đôi mắt Sói:** *tối và ướt; đôi mắt buồn quá, trông như té vô đó thì không mong lợi lên; mắt nó vẫn lên nhưng tia giận dữ, gương mặt tối sầm; vẫn còn hai cái hố thẳm sâu biền biệt, mở trâng tráo; đôi mắt xuyên qua khoảng sân rộng, nhìn quanh quất...*

- **Ngôn ngữ của Sói:** Kiểm băng khác phát đi cha, tua đi tua lại câu này hoài con nghe chán chết; Con trông tàu càng trễ càng tốt. Con ghét mấy con chó quá. Làn nào vô nhà tụi nó cũng sửa n Choi hết; Con là chủ cái nhà đó mà chó coi thua khách; Cha hỏi làm chi, khách của mẹ thì mắc mớ gì cha; Về kì này con mua thuốc chuột thuốc chết mấy con chó; Sao vậy? Lúc đó cha mắc ôm bà nào hả?; Nói tầm bậy tầm bạ trúng tầm lum tầm la; Cha muốn con ăn gà để nổi mề đay cùng mình hả?; Tưởng cha biết lâu rồi; Chừng này mà ngủ gì; Con đâu có ngủ; Thức để suy nghĩ...Mà, cha hỏi nhiều quá...; Mặt ai nấy rửa, cu ai nấy cầm, lâu nay con làm được mà; Cha để lặc thì con mới lặc.

**Ngôn ngữ của Nhiên:** Muốn ăn thịt cô quá hà; Cô uống thuốc chuột chết đi, con thích vậy.

- **Suy nghĩ, hành động, dáng dấp và biểu hiện của Sói:** nằm bẹp, không thèm góc đầu nhìn cảnh vật ngoài cửa sổ; nằm gác tay lên trán, con nít mà nằm kiểu đó thì cách gì cũng không hợp; Về kì này con mua thuốc chuột thuốc chết mấy con chó; cười cay độc; nằm bất động; Sói cười hề hề, răng nó nhọn hoắt; thao thức; cười kha kha; im lặng; nằm co như dấu hỏi, như con tôm lược chơ vơ trên cái đĩa lớn. Cô độc; đứng đưng; ngạc nhiên và kì lạ; cái đầu rỏ nước long tong; ôm cái ba lô nhỏ rúm vào người vì sợ kẻ cắp; cái gáy của nó có sợi đuôi rùa im phất. Cả người Sói thả lỏng, ba lô được sách hờ bằng mấy ngón tay buông lơ; Cái dáng gầy gò với chòm tóc nhuộm vàng.

**Suy nghĩ, hành động, dáng dấp và biểu hiện của Nhiên:** nằm bẹp, không thèm góc đầu nhìn cảnh vật ngoài cửa sổ; có gì mà coi khi đêm đã nhân chìm mọi thứ, đã nuốt chửng tất cả vào lòng mình; Em đá cái ổ khóa đó văng xuống cống, sung vù mấy đầu ngón chân.

- **Sự lựa chọn của Sói và Nhiên:** “Thằng nhỏ Sói sẽ tan biến như chưa từng có trong đời. Nó xuống một ga không có bầy chó sửa khi nó về nhà của chính mình, một ga không có những người phụ nữ biết chính xác cái quần cộc của cha

*nó nằm ở đâu trong lúc nó tìm loay hoay... Em thì mãi mãi ở lại con tàu này bằng một vốc thuốc ngủ vun vén ở mỗi tiệm thuốc tây một chút. Nên em hoàn toàn tôn trọng sự chọn lựa của Sói”.*

Có thể thấy, mặc dù Sói và Nhiên ăn nói cộc cằn, thô lỗ và bốp chát với người cha, thậm chí có suy nghĩ và âm mưu cay độc, thì đó hoàn toàn không phải là lỗi ở các em. Đáng đáp và đôi mắt của các em nói rõ trạng thái đau đớn đến chai lì của chúng. Các em phải viện đến thái độ trơ cứng, cộc cằn như thế để tạo nên chiếc áo giáp tự bảo vệ mình, chống lại sự dày vò và hành hạ một cách vô thức của người lớn. Những chuyến tàu không biết là trở về hay đưa đi khiến các em dần kiệt sức và không thể chịu đựng được nữa. Dù Sói có nói xác xược với cha đến nhường nào thì *“Nó không bao giờ để người cha nhìn thấy khuôn mặt mình, đôi mắt mình. Nó luôn quay lưng và nói. Cúi mặt và nói. Ngó bâng quơ mà nói.”*[30,64]. Sâu thẳm trong đôi mắt này của Sói vẫn là tâm hồn của một đứa trẻ, đau đớn và yếu đuối. Với *“đôi mắt tối và ướt”*, đứa bé cố che giấu sự đẫm lệ trên đôi mắt. Người lớn quá vô tâm để nhận ra điều đó. Sự lựa chọn của Sói và Nhiên là một cách tự giải thoát trong cùng cực của tuyệt vọng. Sói ra đi và tan biến trong dòng đời như nó chưa từng có. Trong mắt Sói và sâu thẳm trái tim em là ao ước về hình ảnh một gia đình *“Một đứa trẻ nằm gối lên đùi người mẹ, đầu đứa trẻ khác lại gối lên bụng đứa kia”*[30,66]. Còn sự lựa chọn của Nhiên là chấm dứt cuộc sống bằng những viên thuốc ngủ mà em tích góp sau mỗi lần tàu dừng đỗ ở một ga.

Sự lạnh lùng vô cảm của nhân vật Vĩnh trong *“Sầu trên đỉnh PuVan”* là bởi khi xưa, cậu bé Vĩnh đã mất cả gia đình trong một trận bom. Hình ảnh đáng nhớ nhất trong kí ức của Vĩnh chính là *“một thằng bé gào khóc ngơ ngác trước căn nhà sập bẹp, cháy rùng rùng sau trận bom”* [30,44]. Trước cái chết của người thân, cậu bé Vĩnh bị ám ảnh bởi sự bất lực của bản thân, Vĩnh sợ *“Như Vĩnh không biết làm gì trước vụn thối rơi vãi của những người thân mình trong một buổi bom*



*đạn hôm xưa*” [30,56]. Để rồi sau này, khi lớn lên, Vĩnh lại một lần nữa bất lực trước những “xoáy nước”, khi mất đi người mà mình thương yêu là Lam “*Vĩnh gần như quy xuống khi những bông hoa bắt đầu tím thẫm, như màu môi của Lam, mỗi tình đầu của anh khi người ta vớt xác cô ở ngã ba sông. Vĩnh chứng kiến cô rơi khỏi tàu nhưng Vĩnh chẳng làm gì cả*” [30,56]. Quá nhiều đau thương, mất mát đã khiến cho cảm xúc chai sạn đi và Vĩnh không biết mình muốn gì nữa bởi “*ngoài nhìn quá khứ nghĩa là tương lai, hiện tại không có gì để làm*” [30,45].

Sự mất mát lớn nhất đối với tuổi thơ các em chính là sự cô đơn, không có bạn. Đó là cậu bé trong “*Núi lở*” sinh sống trên núi cách xa với dân cư, hằng ngày cậu chỉ gặp một số khách lạ hoặc bố mẹ và ông nội. Sự cô đơn phủ khắp không gian “*Một con gà trống tuyệt vọng tìm môi trên sân, mở dãi vào đá, nghe té rần. Con chó nằm gần đó, sủa những tiếng rời. Thằng bé hơi nhả ra một chút, nó thông hiểu tiếng nói của loài vật – bạn bè nó, nên ngờ ngợ chuyện gì đó khủng khiếp lắm, con nhòng mới nhảy nhót hoang mang, đã dượt trong lòng*” [30,72]. Đôi mắt của cậu bé Vĩnh thật đặc biệt, do bắt buộc phải nhìn thấy những cảnh không nên nhìn, và đôi mắt bị giam hãm trong một không gian quá đỗi tù túng nên “*Đôi mắt rất hay nói. Nó ngược lên trời, nơi những đám mây bắt đầu sà xuống, bịu sịu như một cô gái sắp khóc, ánh mắt nói thằng bé rất bồn chồn*” [30, 71]. Trái ngược với những đứa trẻ được thỏa sức vùng vẫy trong không gian giành riêng cho tuổi thơ “*...đi bất cứ miền quê nào, ông sẽ thấy tụi nó chạy đầy đường, những đứa nhỏ với làn da đen nhẻm, lem luốc, nhưng đôi mắt rất sạch, sáng, to tròn. Mắt nhìn vũng nước đục, nước sẽ trong, nhìn vào đêm đen, đêm sẽ sáng*” [30,71]. Đôi mắt của Vĩnh là đôi mắt buồn bã, u hoài, bởi Vĩnh cô đơn và tù túng. Vĩnh không có người bạn nào cùng trang lứa cả, không hẳn vì cậu sống tách biệt trên núi, người bạn duy nhất, chỗ dựa duy nhất của cậu bé là ông Nội, người vẫn cùng nó đi bắt cào cào “*Ông già nói gì đó, và thằng bé cười ngắc nga ngắc ghé. Đá dưới chân họ xộp, mềm như mây. Nó thấy ông nội tay áo xắn cao,*

*lãng xãng, chỉ trở ngôi nhà nhỏ, bắt nó ngồi vào cái ghế tựa, bắt nó chống nạnh trước hàng ba, tay ông già dang ra, như nói căn nhà này ông cất lên là giành riêng cho nó” [30, 80].*

Hay cậu bé tên Cui trong truyện ngắn “*Sầu trên đỉnh Puvan*”. Vì ngôi làng của cậu gần biên giới thường bị thổ phỉ tràn sang cướp bóc, nên nửa làng đã bỏ làng đi làm thuê kiếm sống. Hơn nữa, nơi đây khí hậu hết sức khắc nghiệt. Cui ở với mẹ, công việc hằng ngày là chăn dê và cậu bé chỉ có những con dê này là bạn. Cuộc sống nghèo đói hiện hữu ngay trên thân hình của cậu “*một linh hồn mười lăm tuổi trong cơ thể đứa bé lên chín, ở trần, gầy nhom, lem luốc, hai xương vai bèn ngót, nhô lên cao, môi nẻ ra, bong những cái vảy nhỏ*” [29,46]. Và những con dê của cậu cũng không khá hơn, một con dê mỏng dính trồn vào hốc đá tránh nắng. Bạn bè của Cui là con Danh, con Chương, đó là những chú dê mà cậu tự đặt tên cho nó. Lúc đầu cậu chăn bầy dê mười mấy con nhưng do nắng nóng kéo dài bầy dê cũng chết chỉ còn lại con Danh gầy gò mỏng dính. Thế nên, khi buộc phải chứng minh cho hai người khách về sự tồn tại có thực của người “bạn” tên Chương, Cui đã “*lôi ngay trong cái bị bàng rách rưới một cái đầu lâu dê với những cái hốc xương trống rỗng, hai sừng nhọn vút ra phía sau, “Tui nói thiệt. Đây là con Chương nè, tui tui thân nhau lắm, nó toàn nằm ngủ chung với tui. Năm ngoái nó dám đánh nhau với cả chó rừng để cứu tui, nhưng giờ nó chết rồi, tui nhớ nó muốn khùng”...*” [30,47].

Sự nghèo đói vây hãm lấy con người, những đứa trẻ với sức chịu đựng non kém, đã oằn mình đi, rồi khô héo lại, mọi suy nghĩ và ước mong của con người thật giản đơn, đó là làm sao thoát khỏi cái đói, cái khát. Thằng Cui nhận đưa đường cho hai vị khách lên đỉnh PuVan hòng kiếm được khoản tiền công quá hời, một giá trị thực sự lớn với nó lúc này, ba chục ngàn, “*Thằng bé lắm nhảm, ba chục ngàn hả, ba chục ngàn thì mua được ba chục gói mì tôm*” [29,47]. Đó là cả một nguồn sống, là đủ cho sự tưởng tượng mà Cui ao ước bấy lâu “*Những gói mì*

*mới tinh từ tay ông Tàu chủ quán cửa lò xào trong tâm trí của thằng bé khiến đôi mắt khô vàng sáng lên” [29,48].*

Cái nghèo đến xót xa còn được thể hiện qua phản ứng của tụi con nít trong truyện ngắn *“Nỗi buồn rất lạ”*. Khi xóm Xẻo có điện sáng choang, vào ban tối mà chúng cứ ngỡ là vẫn ban ngày, nên không chịu đi ngủ. Với chúng ánh sáng có được là do ban ngày, đêm tối là một màu đen mà thôi, chúng chưa quen với ánh điện, chưa quen với tia sáng và cũng là hi vọng khởi sắc vừa lóe lên.

Trong *“Thổ Sầu”* là hình ảnh những đứa trẻ lam lũ, lấm lem trong cái nghèo muôn kiếp. Chúng có những ao ước hết sức bình dị, trong đó khao khát cháy bỏng là được coi tivi. Bọn trẻ háo hức xem cái lương, nhưng hình ảnh chỉ còn bé chút xíu trên màn hình vì thiếu điện, chúng thót tim và tiếc nuối khi chương trình chưa hết mà màn hình của chiếc ti vi đen trắng cứ nhỏ xíu đi và tắt ngấm dần. Vì cái nghèo, con người phải khai thác và tận dụng tối đa mọi thứ để có thể sinh tồn, và cũng vì thế đám trẻ bị đám người thành thị đến du lịch nhìn với con mắt kinh hãi như nhìn những sinh vật lạ, hay kẻ hoang dã, man rợ: *“Tôi cũng khó chịu khi người ta hãi hùng níu vai nhau coi tôi lột da chuột dưới cầu ao. Tôi thấy hình ảnh mình – một thằng con trai tàn bạo, man rợ trong mắt họ. Tôi ngộ ngoay, giãy giụa một cách tuyệt vọng. Bởi suốt một mùa nắng đó, hai tí con tôi chỉ sống nhờ vào tiền bán chuột đồng, nên tôi không làm sao cải thiện được hình ảnh của mình”[30,86].* Đó là những đứa trẻ phải lam lũ kiếm sống, để phụ giúp cha mẹ, nhưng những kẻ đến du lịch với sở thích quái đản kia lại nhìn và đánh giá những đứa trẻ ấy bằng thái độ kinh tởm, dè bieu: *“Khi trời trở gió Nam, mùa mưa kéo theo một bầy sấm chớp ập tới, bộ dạng tôi đã bớt tàn nhẫn nhưng vẫn lem luốc vì bận cắm câu, đặt trúm, soi nhái. Điều đó làm tôi bị thêm một tật là tắm lâu, bùn đất sạch rồi, nhưng những ánh mắt vừa thương cảm vừa ghê sợ của những người xa lạ cứ dạt trên da tôi” [30,86].*

Cũng vì nghèo đói, mà một gia đình hạnh phúc của hai chị em Như – Ý (*Đời như ý*) phải li tán. Bé Ý được cha cho đi làm con nuôi bằng một câu chuyện “bịa” đau lòng, để rồi cuối cùng em phải bỏ đi lang thang vì đau đớn nghĩ cha không còn thương em nữa. Còn bé Như thì sống trong thấp thỏm, lo âu và sợ hãi. Như sợ mình sẽ bị cha bán nốt như em Ý nên nó “*cuống quýt sống, cuống quýt yêu thương chú Đời. Nó ăn ít, lấy đồ cũ ra mặc như thể chứng minh rằng nuôi nó cũng không có tốn kém gì mấy*” [30,68]. Và ngay cả trong giấc ngủ giữa đêm khuya, nó cũng bị nỗi lo đó ám ảnh. Như khóc tức tưởi mà nói với ba: “*Bây giờ còn có mình con, ba đừng bắt con đi đâu hết, để con dẫn đường cho ba, mua thuốc cho ba uống, phụ ba bán vé số, ghen ba*” [30,67].

Nguyễn Ngọc Tư còn cho chúng ta thấy sự diễn tiến và dai dẳng của thời gian như một quy luật, cũng là sự kéo dài đến vô hạn và không có phương cách nào để cứu vãn và xóa đi những kí ức đau thương của tuổi thơ. Các em vẫn phải mang sự tổn thương đó để lớn lên. Cho nên, hình hài và tính cách các em khi trưởng thành vẫn là một phần, là kết quả của những gì các em phải trải qua khi ấu thơ. Những con người trưởng thành trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư như là sự nối tiếp, là hình hài của những đứa trẻ bất hạnh trước đó. Những Vĩnh, những Hết, những San, Diễm Thương, Quả, Sáng, ... chính là hình hài hiện tại của những đứa trẻ như Ý, Như, bé San, thằng Bầu, Cui, Hiền và Vĩnh, Li... năm nào. Bi kịch vẫn được lưu giữ và ẩn chứa bên trong những hình hài ấy. Đó là sự khắc khoải, day dứt, ám ảnh về một tuổi thơ bất hạnh, mồ côi cha mẹ, gia đình tan vỡ, bị bạo hành, bị cha mẹ bỏ rơi... Những con người như thế xuất hiện dày kín trong các câu chuyện của Nguyễn Ngọc Tư.

Đó là cô đào Điệp đáng thương trong “*Chuyện của Điệp*”. Mười tuổi, cha bỏ đi không thấy về. Mười hai tuổi, má cũng bỏ đi là ăn, sau đó lấy chồng, Điệp ở với ông bà ngoại từ nhỏ. Do ảnh hưởng bởi lối sống của người già nên Điệp cũng có thói quen sinh hoạt như người già. Tuy đã là người lớn nhưng Điệp vẫn mang

dáng hình trẻ con “*Dáng Diệp con con, cái chân nhỏ, khuôn mặt tròn dĩnh như cái tô múc cá kho, cao chưa đầy một mét năm mươi, lúc đứng chỉ bằng ngực bạn diễm... Tất cả người Diệp toát lên cái vẻ trẻ con không chịu được*” [31,37]. Thế nên trong các vở diễn, Diệp chuyên đóng vai con nít. Dường như đứa trẻ bị cha mẹ bỏ rơi kia đã không thể lớn lên được nữa, đã thực sự cằn cỗi và khô héo, như lời ngoại nói, có lẽ do da thịt Diệp lúc nào “*cũng nóng hôi hổi*”.

Đó là sự dẫn vật của cô gái San trong truyện “*Bởi yêu thương*”. Cô luôn nghĩ là lỗi tại mình mà mẹ cô qua đời (mẹ San mất ngay sau khi sinh ra cô). Nhất là khi San bị chính người cha ruột của mình mắng nhiếc và trách móc. “*Cha San thường say rượu, lúc say phà cái mùi hèm khăm khăm vô mặt San, “Tại cái con vô dụng này nên tao mới khổ sở như vậy, vợ cũng chết, tiền cũng hết”* [26,7]. San đã lớn lên với một tuổi thơ cơ cực, không có được sự yêu thương chăm sóc của má, và luôn chịu nổi sang chấn tâm lí nặng nề từ những lời đay nghiến của cha, những đòn roi của dì ghẻ. Mặc dù em đã làm mọi cách “*để khỏi phải là đứa vô dụng. Cha kêu buồn ói, San chạy lấy thau lại hứng, đắp khăn nóng cho người. Sáu tuổi, nó đã ề ạch nách cái rễ khoai lang luộc, xách thùng mía lạnh rảo chân khắp làng trên xóm dưới. Mười hai tuổi nó xin chạy bàn, rửa chén ở quán Mây Lang Thang..*” [26,7]. Và sau này, khi được gặp Đào Diệp, San đã khao khát được “*nép vô lòng kêu tiếng má*”.

Cô gái tên Thu Mỹ (*Làm má đâu có dễ*) bị ám ảnh bởi tuổi thơ bị bố đẻ ngược đãi đánh đập, theo lời xu nịnh của dì ghẻ, đã không thể quên được sự kinh hoàng đó, đến nỗi trở thành một phản xạ gân như bản năng, hoảng loạn. Lúc trưởng thành, khi diễm tuồng, cô thường hét lên “*má ơi, cứu con với*”, mặc dù câu đó không hề có trong lời thoại và kịch bản. Khi được hỏi, Thu Mỹ đã thành thật mà tâm sự: “*Hồi còn ở nhà mỗi lần ba em say rượu, ông nghe lời má sau, đánh em dữ lắm, không ai bênh, em chỉ biết kêu má, riết rồi quen*” [26, 96]; và “*Cứ mỗi*

*lần bị đòn đau, mỗi lần gặp chuyện gì buồn, em đều nghĩ tới má trước tiên...*” [26, 96].

Người cha (trong truyện *Chuồn chuồn đập nước*) cảm thấy tủi hổ, dằn vặt bản thân khi ông đưa ra câu trợ giúp trả lời sai cho con gái trong một cuộc thi trên truyền hình. Nhưng nguyên nhân sâu xa khiến người cha cảm thấy bất lực khi không thể hiểu được một điều tưởng chừng như quá đơn giản ấy, là bởi ông mồ côi má từ nhỏ. Ông phải lớn lên trong sự thiếu thốn, và nhất là không có người lớn bên cạnh để bảo ban, dạy dỗ, truyền đạt hiểu biết cho ông.

Cũng là một quá khứ đau buồn, sự sụp đổ hoàn toàn của cậu bé tên Vĩnh trong “*Núi lở*”, tâm trạng và trạng thái đau đớn tột cùng đó vẫn hiện rõ trên khuôn mặt của chàng trai trẻ, nay đã là sinh viên năm cuối, chuyên ngành viết kịch bản phim nhưng sống “mờ nhạt, vật vờ”.

Thậm chí, ám ảnh thuở ấu thơ còn là nỗi kinh hoàng, không thể quên đi, khiến con người sợ sệt và không dám sống với một con người đúng nghĩa, như tạo hóa đã ban tặng. Đó là cô gái luôn im lặng, hạn chế tối đa việc nói tiếng người trong “*Gió lè*”, bởi hồi bé chính mắt cô đã chứng kiến cái chết của mẹ. Mẹ cô treo cổ tự vẫn chỉ vì câu nói xúc phạm của ba, nhưng em không thể nói ra. Từ đó em lựa chọn sự im lặng, không nói tiếng người nữa, bởi em sợ lời nói sẽ làm tổn thương người khác, thậm chí là lấy mạng người ta. Trong truyện “*Biển người mệnh mông*”, là sự mặc cảm của chàng trai tên Phi. Sự mặc cảm của Phi hình thành từ khi cậu mới chỉ là một cục máu. Phi bị đồn rằng mình là con của tên đồn trưởng đồn giặc Vàm Mán, và anh bị cha dượng coi thường, bị các em xa lánh.

Nhân vật Sáng trong truyện “*Bâng quơ khói nắng*” phải chịu ản ức, khi bị cho rằng mình là đứa con lạc loài, không cùng dòng máu với các anh em trong gia đình. Cho nên, dù Sáng có là con trưởng, năm nào giỗ má, cũng làm tới sáu mâm cơm chờ các em. Nhưng tuyệt nhiên, không có người em nào bén mảng tới, bởi tận sâu thẳm trong lòng, họ vẫn không thừa nhận anh. Còn Sáng, anh khao khát

được giống cha, được ai đó khen có nét giống cha mình. Và cứ thế, anh luôn chờ đợi, trong khắc khoải và nỗi bất an khôn nguôi.

Chàng trai Điền trong “*Cánh đồng bất tận*” vì bị ám ảnh bởi quá khứ, bởi hình ảnh của má và gã thương hồ buôn vải trên chiếc giường tre năm nào, khiến Điền căm ghét tất cả những hành động tính giao nào đập vào mắt mình. Ngay cả với bản thân mình, Điền cũng khước từ luôn bản năng đàn ông vốn có mà tạo hóa ban cho, “*Điền chối bỏ niềm vui được trở thành một người đàn ông thực thụ*”. Điền bị sang chấn và rối loạn tâm sinh lí, Điền tìm cách thủ tiêu bản năng đầy đau đớn “*Nó tự kìm hãm bản năng trời dậy mạnh mẽ ở của tuổi dậy thì bằng tất cả sự miệt thị, giận dữ, căm thù. Nó phản kháng bằng cách trút sạch những gì cha tôi có, cha tôi làm. Giã giụa đến rã rời, nhiều bữa, nó dầm mình dưới ao đến khi người tái nhợt. Nó chạy như điên trong đêm, trên những bờ ruộng mướt cỏ đến khi mỏi nhừ, gục xuống. Rồi nằm xoải trên đồng, tả tơi.*”[19, 199]. Ngay cả lúc nảy sinh tình yêu với người đàn bà “buôn bán bán hoa” là Sương, thì cái bản năng đàn ông đó của Điền vẫn không hề được khơi thức.

Trong “*Mùa mặt rụng*”, từ một cô bé tinh nghịch, thông minh ngoan ngoãn, nhưng trong một lần đi làm thêm, em đã phát hiện ra sự phản bội của người cha đối với mẹ con em. Cha em ngoại tình và có con riêng. Từ đó cô bé sụp đổ, chán nản và chuyển sang ăn chơi sa đọa, và đó cũng trở thành lối sống của cô gái sau này, mà không gì có thể cứu vãn nổi, kể cả cha em.

Với truyện “*Chụp ảnh gia đình*”, là tình huống người con trai không cảm nhận được và không biết quý trọng tình cảm gia đình, về ý nghĩa của khoảnh khắc chụp một bức ảnh gia đình với bố mẹ già. Chàng trai mãi mê sống với nhu cầu cá nhân, với những mối quan hệ bạn bè, cậu không nghĩ gì về gia đình, cha mẹ. Cậu là sự lặp lại của chính cha cậu khi xưa. Cũng vì tuổi thơ lớn lên không có cha bên cạnh, cậu cảm thấy vô cùng khó khăn, và hoang mang khi mình bước vào tuổi dậy

thì sớm, không ai chia sẻ và tư vấn cho cậu bởi cha cậu luôn mãi miết với công việc ở những nơi xa, cha ít khi về nhà.

Không những vậy, trong các truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư, còn xuất hiện hình ảnh những đứa trẻ là nạn nhân bị cưỡng bức. Đó là cô gái trong “*Gió lè*” bị ông Tám Nhon hãm hiếp; là Nương trong “*Cánh đồng bắt tận*” bị hãm hiếp tập thể trước mặt cha, là Tím trong “*Nút áo*”, là bé gái trong “*Cùi mục trôi về*”.

Tím (*Nút áo*) bị một người đàn ông cưỡng bức khi mới mười lăm tuổi. Người ta tìm thấy Tím “*rách mướp*” vào một buổi tối dưới chân cầu Tân Thạch. Vật chứng duy nhất mà Tím có và giữ được chính là một cái cúc áo “*tròn, màu trắng đục gợn nâu*”, “*chỗ đính chỉ vô áo bị gãy*”. Tím đi tìm kẻ thủ ác qua cái cúc áo nhưng tìm hoài, tìm mãi, cho tới tận khi Tím ba mươi tuổi mà vẫn chưa thấy và Tím cũng chưa lấy chồng. Tím không thể bỏ xứ đi nơi khác để lấy được chồng như mong ước của mẹ. Người ở gần không lấy Tím bởi họ biết quá khứ của Tím. Người ở xa, Tím cũng không thể lấy bởi Tím sợ “*cái sự vắng mặt của Tím sẽ làm hắt thoát nơm nớp ám ảnh, vậy thì ông trời làm gì có mắt*” [27, 29]. Vậy nên, Tím cứ ở vậy, với cái cúc áo đeo lủng lẳng trên cổ. Má có lén đem vật đi thì Tím vẫn đi tìm lại.

Và nữa là “*bà cô già*” trong truyện “*Cùi mục trôi về*”. Khi còn là một đứa bé, cô đã bị gã trai mười bảy tuổi hãm hiếp và dìm xuống mé ao. “*Đứa bé mỏng manh ấy đã la hét vì đau, gã choáng váng nghĩ rằng tiếng kêu đó xuyên thấu vào đầu từng người trong xóm Thổ Sầu, đến với bà mẹ già đang sàng gạo. Gã muốn bịt kín tiếng hét cho đến khi con bé kiệt sức đến mức không còn giãy. Nước trong, gã nhìn thấy da con bé tím dần, ngực nó thoi phập phồng, tóc nó trôi lều bều quỳện vào đám rong nhớt. Xuyên qua làn nước, đôi mắt con bé nghẹn ứ những câu hỏi về sự tha hóa man dã của con người*” [29, 130]. Cô bé “*chết*” từ lúc đó. Cánh cửa tương lai của cô đóng chặt lại từ lúc đó. Cô đi qua tuổi thanh xuân mà không được



yêu thương bởi một người đàn ông nào. Cô trở thành gái già của làng bởi cô đã “*hết hy vọng rồi*”.

Như vậy, có thể thấy, cho dù do “*ly rượu đầu đời, những bộ phim tục tĩu đầu đời. Sự rạo rức không tìm chế nổi*” của thằng con trai mười bảy tuổi, hay do sự “*ác nhờn*” của một gã đàn ông nào đó ... Thì hành vi hãm hiếp những bé gái đã không chỉ đem đến nỗi đau thể xác, tinh thần cho các em mà còn gây ra nỗi ám ảnh và hệ lụy lâu dài với cuộc đời các em. Hạnh phúc của người con gái tuổi thanh xuân được yêu, người phụ nữ có chồng, có con và mái ấm gia đình của họ, đã bị xóa bỏ hoàn toàn. Và nỗi đau đó, không gì bù đắp, không ai san sẻ nổi.

Nếu tính theo tần suất xuất hiện của hình ảnh những thân phận có tuổi thơ bất hạnh trong một số tập truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư, chúng ta sẽ thấy đây là một hiện tượng trọng tâm, được đề cập đến nhiều nhất. Thống kê ở một số tập truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư, ta có bảng sau:

<b>Tên tác phẩm</b>	<b>Tổng số truyện ngắn</b>	<b>Số lượng truyện ngắn có nhân vật trẻ thơ bất hạnh</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<i>Ngọn đèn không tắt</i>	06	02	33,3%
<i>Giao Thừa</i>	15	08	53,3%
<i>Gió Lẻ và 9 câu chuyện khác</i>	10	08	80%
<i>Cánh đồng bất tận</i>	14	09	64,3%
<i>Đảo</i>	17	09	52,9%
<i>Không ai qua sông</i>	13	07	53,8%
<i>Xa xóm Mũi</i>	11	02	18,2%
<b><i>Tổng</i></b>	<b>86</b>	<b>45</b>	<b>52,3 %</b>

Với 86 truyện ngắn trong 7 tập truyện trong đối tượng luận văn nghiên cứu đã có 45 cuộc đời nhân vật có tuổi thơ bất hạnh, chiếm tỷ lệ 52,3%. Con số đó nói lên nhiều điều. Ngoài ra, các tác phẩm khác của Nguyễn Ngọc Tư cũng đề cập tới chủ đề tuổi thơ có số phận bất hạnh khác như: *Đong tâm lòng* (tản văn), *Ngày mai của những ngày mai* (tản văn), *Sông* (tiểu thuyết), *Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư*. Đặc biệt là tiểu thuyết *Sông*, lấy cốt truyện và diễn biến, các nhân vật đều liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến một tuổi thơ bất hạnh, không như ý muốn, nhất là bốn nhân vật chính của tiểu thuyết là Cao, San, Xu và nhân vật “tôi”.

Những nhân vật trong chủ đề này đều chịu sự tổn thương nghiêm trọng trong tâm lý, sự tổn thương đó kéo theo nhiều hệ lụy trong cuộc sống sau này. Đó là tính cách khác thường, mặc cảm và tự ti về bản thân, những ám ảnh đau đớn, những dằn vặt dày vò tâm can. Ở họ, người thì tìm cách chạy trốn và phủ nhận hiện tại, phủ nhận con người mình, người thì kiếm tìm, để khóa lấp những khao khát và chênh vênh một thời, để có xoa dịu nỗi đau.

### **2.2.3. Những đứa trẻ Nam Bộ với lối nghĩ và cách ứng xử riêng**

Trẻ em như mầm xanh của cây, như tờ giấy trắng, lối suy nghĩ và lời nói của các em luôn thể hiện sự ngây thơ, trong sáng. Tuổi thơ là giai đoạn hồn nhiên nhất trong cuộc đời mỗi con người. Đó là hình ảnh tụi con nít không chịu đi ngủ vì cứ ngỡ rằng trời vẫn chưa tối khi thấy ánh sáng từ đèn điện (trong truyện ngắn *Nỗi buồn rất lạ*). Trong câu truyện “*Cái nhìn khắc khoải*” là tụi con nít vui thích khi chạy theo trâu gheo con vịt tên Cộc – khi nó được ông chủ dắt đi vòng vòng trong xóm... Trẻ em ngây thơ hoàn toàn tin vào những gì mà người lớn nói, đó là Ý với việc tin rằng lời nói của cha mình là Đòi là sự thật, rằng Ý không phải là con đẻ của cha, cha nhặt được Ý ngoài bãi rác (trong truyện *Đời như ý*).

Trong mắt của tụi con nít, mọi sự kiện mà chúng thấy đều được nhìn bằng con mắt trẻ thơ đầy vui nhộn. Đó là tụi con nít trong xóm thích thú khi xem cảnh người cha già cầm gậy đuổi đánh con là anh Hét trong truyện “*Hiu Hiu gió bắc*”.

Chúng kiến cảnh đó, chúng đã “*xúm lại vỗ tay như coi hát Bội*”[19,32]. Rồi khi người yêu anh Hết là chị Hoài đi lấy chồng, anh rất buồn và giả đò ngồi đánh cờ với tụi con nít, thì chính những câu hỏi hồn nhiên của tụi con nít đã lột tả rõ sự đau buồn xót xa của anh Hết, tụi con nít bao giờ cũng nói đúng sự thực, chúng hỏi anh Hết “...*đám con nít trộ lên, anh Hết, sao mà khóc vậy. Đâu có. Có mà, nước mắt anh rớt lên con tướng này nè, đó, nó ướt nhẹp đó thấy chưa*”. [19,36]. Tới khi Hoài đã cố thương chồng, anh Hết cũng không cần phải giả đò mê cờ nữa, “...*mấy đứa nhỏ không biết, cứ rủ hoài, ừ thì chơi. Anh biểu tụi nó bày cờ ra, rồi tự đi quân, anh không nhìn, chống hông vo gạo, một đứa nói vô pháo đầu nghe, anh kêu mã tấn. Tấn chỗ nào? Tấn giữ con chốt đang bị con pháo rình đó, biết còn hỏi. Tụi nhỏ kêu, đây là kiểu hiệp sĩ mù nghe gió kiếm...*”[19,37].

Trong “*Sầu trên đỉnh Puvan*”, trước những lời nói ngây ngô của Cui và suy nghĩ của cậu về má mình đã khiến cho Dịu đau đớn xót xa, thương cảm và bắt đầu nghĩ về đứa con của mình đang phải sống cùng ngoại. Dịu quyết định trở về với đứa con bé bỏng của mình. Với truyện ngắn “*Thỏ Sầu*” là phản ứng cùng lời nói chân thật, ngây thơ của mấy đứa trẻ con khi bị cha mẹ bắt đi du lịch cùng ở Thỏ Sầu, chúng đã phát ngôn đúng sự thật, rằng ở Thỏ Sầu không có gì là thích thú, chúng làm lột tả sự giả dối, vô cảm, cũng như thói khoe khoang ngược đời của người lớn, khi thấy thích thú với Thỏ Sầu, trong lòng không hề có chút thương cảm với cuộc sống khổ cực của con người nơi đây. Đám trẻ luôn hồn nhiên, chưa biết sự đời, người lớn có buồn tủi đến đâu, nhưng chúng vẫn mãi giữ vẻ hồn nhiên đó.

Sự ngây thơ hồn nhiên rất đổi đáng yêu của tụi con nít trong truyện “*Thương quía rau răm*” là hình ảnh “...*đám con nít khiêng một thằng bé ở trường lại, nhao nhác nói chim của thằng Út Chót bị còng kẹp rồi, nó sưng chù vì nè bác sĩ ơi. Vãn mắc cười quá, hỏi sao tới nông nỗi vậy, thằng Út Chót khom rọm lấy tay bụm chỗ đau, phều phào nói trong nước mắt, “Tại bác Tư biểu ai cũng phải đi khám cho chú bác sĩ vui, chú không bỏ về thành phố. Con đâu có bệnh, tính bắt còng*

*kep chơi” ...”*[19,21]. Sự ngây thơ vui nhộn của hai đứa trẻ trong truyện “*Nhà Cổ*”, khi chúng cười chú Út (Tứ Phương) lúc chú giảng giải mấy chữ Hán ghi trên tấm hoành phi trong nhà “*Mấy đứa nhỏ được chú Út giảng nghĩa những chữ ghi trên mấy tấm hoành phi kia. Hai chữ treo giữa nhà là “Vạn cổ phương”, còn kia là “Ái sở thân”, kia nữa là “Đức lưu thiên cổ” ... Hai đứa nhỏ ngẩn người ra, vỗ tay cười, chú Út nói sai bét, ba con nói chữ đó là “Anh hùng náo”, chữ kia là “Bao thanh thiên”, còn lưu thiên cổ gì đó, ba nói là “Tứ tử đấng khoa” (toàn là tên mấy tuồng cải lương) ...”* [19,74]. Rồi lúc con bé Tho, ngây thơ thông báo sự kiện và khoe với Út Nhỏ rằng chú Út nó chuẩn bị lấy vợ.

Người đọc cũng bắt gặp sự ngây thơ hồn nhiên và cũng rất đổi nhạy cảm của các em trong “*Chuyện vui điện ảnh*”. Đầu tiên là bé Mến, từ chỗ rất quý chú Sa, nhưng vì chú Sa đóng phim và vào vai tên giặc ác ôn là Cón, nên bé Mến quay ra lảng tránh và ghét chú Sa. Khi xem xong phim chú đóng, Sa lòi má về luôn mà không quên “*bỏ lại cho chú cái nhìn căm ghét*”. Ngay cả tụi con nít trong xóm cũng thế, cái Tí Hoa bị ám ảnh khi xem phim, và khi gặp chú Sa, nó nghĩ ngay đến tên Cón. Cho nên, “*Đúng lúc một chiếc xe kem đi ngang qua, tiếng chuông lạnh lót, con tí Hoa giật mình khóc thét, chú Sa lấy đường phèn cho, nó còn khóc dữ, nó vùng khỏi chú với cặp mắt kinh hoàng...”*[26,34]. Còn những đứa trẻ khác trong xóm, ngày thường hay tinh nghịch nô đùa là thế, nhưng giờ thì tiu nghiu, sợ sệt. Đến nỗi, mỗi khi nghe tiếng xe đạp của chú Sa “*tè tè lọc cọc*” xuất hiện trong con hẻm Cựa Gà “*thì chắc mấy đứa nào đứa đẩy mặt xanh mặt tím chạy vô nhà trốn. Tụi nó bảo nhau: “Ông đi chưa” ...”* [26,36].

Tụi con nít trong truyện ngắn “*Hiu hiu gió bắc*” vô cùng hồn nhiên. Chúng vỗ tay vui nhộn như coi hát Bội khi thấy ông già là ba anh Hết đuổi đánh anh Hết. Rồi khi anh Hết buồn, chúng hay lân la đến rủ anh chơi cờ và chúng nói những lời ngây ngô. Đó cũng là sự hồn nhiên của bé San, vì từ nhỏ đã sống với bà ngoại nên San gọi bà ngoại là má, và cũng gọi con bé bạn là Thắm bằng má, vì chơi trò chơi nhà chòi, Thắm đóng vai má, San đóng vai con (*Làm má đâu có dễ*). Trong

truyện ngắn “*Thỏ sấu*” là tụi trẻ con bị bắt buộc phải theo cha mẹ đến Thỏ Sấu du lịch, vì chúng ngây thơ nên cũng không thể hiểu và nhận ra được sở thích, cảm giác và suy nghĩ của người lớn khi đến Thỏ Sấu. Vì thế, khi đến Thỏ Sấu du lịch cùng cha mẹ, những đứa trẻ dễ thương ấy đã “*thất vọng nã nè*”, đã “*giã nãy, kêu khóc bên đôi giày leo núi và bộ đồ tắm biển thừa thãi... Nhất là khi ra về, nhiều đứa ám ức, cắn nhằn: - Hồng vui gì hết...Nhìn người ta nghèo hồng vui gì hết*” [30,90].

Trong truyện ngắn “*Thương quá rau răm*”, là sự hồn nhiên và ngây thơ của tụi con nít khi chúng muốn giúp đỡ người lớn ở Mút Cà Tha trong việc nín chân và tạo “*việc làm bận rộn*” cho bác sĩ Văn mới tới. Với mong muốn bác sĩ Văn sẽ ở lại, tụi trẻ đã bày trò cho còng kẹp chim thằn Út Chót, sau đó khiêng đến cho bác sĩ Văn chữa trị: “*Cho tới khi đám con nít khiêng một thằn bé ở trường lại, nhao nhác nói chim của thằn Út Chót bị còng kẹp rồi, nó sung chù vì nè chú bác sĩ ơi. Văn mặc cười quá, hỏi sao tới nông nỗi vậy, thằn Út Chót khom rọm lấy tay bụm chỗ đau, phều phào nói trong nước mắt, “Tại bác Tư biểu ai cũng phải đi khám cho chú bác sĩ vui, chú không bỏ về thành phố. Con đâu có bệnh, tính bắt còng kẹp chơi...”*” [19,21].

Đó còn là sự ngây ngô tò mò của lũ trẻ trong “*Biển người mênh mông*” khi chúng ngắm nghía con Bìm Bịp của ông Sáu Đèo: “*...Đám trẻ xúm lại bảo nhau “Ngộ quá ha. Nó hót làm sao ?. “Bậy, Bìm Bịp đâu có hót, nó kêu, tiếng của nó phát ra từ trong cổ họng nầy nè....”*. Đám trẻ nấn ná chờ hoài, mãi con Bìm Bịp mới cất tiếng kêu, tụi nó tiu ngui, “*kêu gì buồn thầu trời*” ...” [19, 110]. Hay trong truyện ngắn “*Bà cô*”, là sự thích thú của những đứa trẻ khi thấy bà già với “*nụ cười hóm hỉnh, ngây ngây, những nếp nhăn nối đuôi nhau xếp hàng trên khuôn mặt phúc hậu. Chị em chúng tôi đặc biệt quan tâm đến bộ tóc phơ phơ, đôi mày cũng bạc phéch của bà. Thằng Út ngây ngô: Cứ như là nữ hiệp trong phim “Tẩu hỏa nhập ma” vậy.*” [23, 41].

Trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư, hình ảnh những đứa trẻ hiện lên như một “cá thể” độc lập trong suy nghĩ, nhận thức. Các em đã lựa chọn và có những ứng xử đầy nhân ái và yêu thương.

Trước hết là cách ứng xử của Bé Em trong truyện ngắn “*Áo Tết*”. Đây là câu chuyện kể về niềm ao ước có bộ quần áo mới đi chơi Tết của những đứa trẻ có hoàn cảnh gia đình khác nhau, nhất là những đứa trẻ nghèo, nhà đông anh chị em. Bé Em là con gia đình khá giả, được mẹ mua cho bốn bộ đồ để đi chơi Tết từ rất sớm, trong đó đẹp nhất là bộ váy hoa. Em vui vẻ chạy sang nhà bạn thân là bé Bích để khoe và hỏi xem Bích đã được ba mẹ mua quần áo mới cho chưa, và cũng để hẹn Bích đến nhà cô giáo chơi Tết. Nhưng khi nghe câu chuyện của Bích, biết Bích nhà nghèo và đông anh em, nên cuối cùng bé Em đã chủ động lựa chọn một bộ đồ phù hợp với Bích để cùng Bích đi chơi nhà cô giáo, bé em không mặc bộ váy hoa đẹp nhất. Bích và Em được cô giáo khen là đôi bạn xứng đôi. Suy nghĩ của bé Em và Bích chính là bài học mà các em có được từ tình bạn, về sự sẻ chia, đồng cảm, “*Bé Em nghĩ mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mát vui. Bạn bè phải vậy chứ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao kêu là bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, có mặc áo gì Bích vẫn quý Bé Em. Thiệt đó.*” [23, 47].

Trong truyện ngắn “*Những con mèo bé nhỏ*”, lại là tình thương yêu vô bờ của cô bé dành cho đàn mèo con. Khi mèo mướp mẹ chết, cô bé đã nhận trách nhiệm chăm sóc những con mèo sơ sinh. Cô bé đặt tên cho từng con mèo (Vàng, Mướp, Đốm, Rau) và chăm sóc chúng tỉ mỉ, chu đáo và rất mực ân cần: “*Cô pha sữa, thổi nguội. Cô cho sữa vào chai thuốc nhỏ mắt, đút từng con*” [23, 49], “*Cô hồng dám đem bốn chú mèo đi tắm, vì mẹ dặn, mèo sợ nước. Cô lấy cọ sơn của ba nhúng tí vào nước rồi quét lấy quét để, mèo con không lạnh, mà lại sạch. Cọ xong, cô bé dùng vải khô ủ ấm...*” [23, 51]. Cô bé mừng cuống quýt khi lũ mèo mở mắt, tung tăng ôm chúng ra vườn ngắm hoa lá và “*Trong lòng dậy lên một*

*niềm hy vọng, những cô cậu mèo sẽ lớn lên mạnh khỏe, xinh đẹp*”[23, 51]. Tuy cuối cùng, đàn mèo con không thể sống nổi, nhưng cô bé vẫn lưu giữ bức ảnh và cũng là kí ức đẹp về những con mèo bé nhỏ. Cô bé không ân hận hay hối tiếc, vì đã cố gắng hết sức mình và trên gương mặt của những chú mèo con trong ảnh cũng thể hiện điều đó. Vậy nên, *“Cô bé nhớ hết, nhớ những con mèo mãi mãi không lớn lên giờ ngủ yên dưới gốc cây mận trắng. Bài học đầu tiên của cô bé về tình yêu cuộc sống”* [23,52].

Với truyện ngắn *“Tết cho cô”*, Nguyễn Ngọc Tư lại đem đến cho người đọc sự bất ngờ trong cách ứng xử của những đứa trẻ với cô giáo. Những ngày học giáp Tết, đám trẻ vì quá háo hức mong ngóng đến Tết, xây dựng và kẻ rôm rả kế hoạch nghỉ Tết sẽ đi đâu, làm gì, ăn gì, chơi gì... nên chúng muốn nghỉ học. Nhưng cô giáo chủ nhiệm là cô Mai vẫn nghiêm khắc, vẫn kiểm tra bài cũ và không cho các em nghỉ sớm. Các em đã phản ứng và hiểu lầm cô giáo chủ nhiệm, cho rằng cô quá nghiêm khắc và không tâm lí, cô không thương học trò. Để rồi trong dịp nghỉ Tết, đến thăm cô khu nhà tập thể thăm cô Mai, thấy cô chỉ có một mình, chồng và con đều về quê nội, các em mới vỡ lẽ ra nhiều điều. Các em thấy cô Mai buồn vì quê cô ngoại Bắc nên không về ăn Tết được. Các em biết cô cũng không nỡ nghỉ sớm vì *“bỏ dạy, bỏ tiết thì thiệt cho học trò”*. Từ thời điểm đấy, các em thực sự cảm thấy ân hận vì trước đó đã nghĩ sai về cô Mai *“Cả năm chúng tôi đều im lặng, cái im lặng như đã hiểu ra, đã nhìn thấy được cái gì đó mà trước giờ không nhìn thấy. Về mặt sự rộng lượng và lòng cồn lên niềm xấu hổ”* [23,56]. Để sửa sai và chuộc lỗi, đám trẻ đã quyết định cùng nhau làm một việc ý nghĩa để cô Mai bớt nhớ quê, sau năm cái Tết xa quê. Các em về nhà mình, mang bánh chưng và hoa đào – *“toàn đặc sản xứ Bắc”* - đến tặng cô Mai và cũng nói lời xin lỗi cô dù biết *“cô có bao giờ giận chúng tôi”*. Các em đã nhận ra rằng: *“Câu chuyện của chúng tôi với cô giáo Mai giống hết như những chuyện tôi đã từng đọc đâu đó trên sách báo, về những bạn học trò đã làm buồn lòng thầy cô giáo, có bạn kịp*

*chuyện lỗi, có bạn không, chuyện cũ, nhưng mỗi người đi qua tuổi học trò cũng đều mắc phải, dù chỉ một lần như bọn chúng tôi”[23,59].*

Mặt khác, cũng vì ngây thơ, hồn nhiên, chưa hiểu sự đời nên sẽ đau lâu, nhớ lâu những biến cố trong đời các em. Những đứa trẻ bất hạnh, có lỗi suy nghĩ và hành xử khác thường, xuất hiện với tần suất dày đặc trong các câu chuyện của Nguyễn Ngọc Tư, với bao xót xa thương cảm. Đó là cô bé San không gọi Diệu là má mà lại gọi là ché (chị), rồi lại quen gọi nhỏ bạn là má – vì chơi nhà chòi nó đóng vai má của San. San cũng gọi bà ngoại là má chứ không phải ngoại, bởi San bị Diệu bỏ lại từ nhỏ cho mẹ mình, ngoại San mới thực sự giữ vai trò là má, tức người chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy bảo em. Trong một vở diễn tuồng, là lời hét không nằm trong nội dung kịch bản của Thùy Mỹ, Mỹ hét “*má ơi cứu con*” – do khi bé, má cô mất sớm, cô hay bị cha đê đánh đập (trong truyện *Làm má đâu có dễ*). Đó là sự thương tổn của Vĩnh và “tôi”, và chúng không bao giờ có thể quay trở lại quãng thời gian tươi đẹp trước đó (trong truyện *Vết chim trời*). Đó là nỗi đau đầu đời chẳng thể quên của cậu bé trong truyện “*Núi lở*” khi cậu phải chứng kiến sự phi luân của cha mẹ mình, chứng kiến sự đối xử bất hiếu của cha mẹ với ông nội cậu – người bạn thân duy nhất và gần gũi nhất của tuổi thơ cậu. Trong mắt cậu bé, mọi thứ đã sụp đổ hoàn toàn. Để rồi sau này lớn lên, cậu luôn luôn bị ám ảnh bởi tuổi thơ kinh hoàng mà mình phải trải qua. Sự đau đớn tột cùng của cô bé trong “*Gió lè*”, khi cô biết nguyên nhân khiến mẹ cô treo cổ tự vẫn là do lời nói cay độc tàn nhẫn của cha. Cô bé sợ phải nói tiếng người, vì khiếp đảm rằng lời nói có thể gây tổn hại, thậm chí là lấy mạng người khác. Cô bỏ đi, để rồi sụp đổ hoàn toàn khi bị ông Tám Nhơn hãm hiếp. Cô kinh sợ con người, lòng dạ con người. Là cậu bé Phi trong “*Biển người mênh mông*”, khi cậu luôn mặc cảm về bản thân mình, khi cậu chịu lời đồn rằng mình là con của tên đồn trưởng đồn Vàm Mán hung ác. Phi mặc cảm về bản thân từ khi cậu còn là một hòn máu thoi thóp. Đó là sự đau đớn tột cùng của chị em Nương và Điền, một đứa 10 tuổi, một đứa



9 tuổi trước cảnh má và gã thương hồ vào một buổi trưa không bao giờ có thể phai mờ trong kí ức. Cũng từ đó chúng phải sống kiếp sống đày đọa, không còn tuổi thơ, phải che giấu cảm xúc, không nói tiếng người nữa. Nỗi đau của Nương và Điền thật xót xa, mọi thứ sụp đổ rất nhanh trong mắt chúng, hai đứa bé không kịp thích nghi “*Cái kẹt bở lúa, cũng đã từng là thiên đường mơ mộng của hai chị em tôi...một bữa kia chơi chán lăn ra ngủ thiệt, thức dậy bỗng thấy cuộc đời mình thay đổi quá trời đất, như đã sống qua một kiếp rồi. Nhưng chín mười tuổi đã đủ để gọi là một kiếp người chưa ?..*”[29,186].

Không những thế, suy nghĩ và lời nói của các em cũng biến đổi, do hoàn cảnh và môi trường mà các em lớn lên, các em phải chịu đựng. Đó là những lời nói cộc cằn, thô lỗ của cậu bé Sói khi nói chuyện với cha trong truyện “*Áu thơ tươi đẹp*”. Hơn thế, Sói còn có cách suy nghĩ và âm mưu độc ác khi muốn dùng bả chuột để giết chết con chó hay cắn mình vì xa lạ. Hành động của Sói hoàn toàn do cha mẹ em gây nên, khi gia đình tan vỡ. Là sự sụp đổ hoàn toàn, dẫn tới chán nản, chơi bời sa đọa của cô con gái trong truyện “*Mùa mặt rụng*”, khi một lần cô bé phát hiện ra người cha phản bội gia đình, ngoại tình và có con riêng với người đàn bà khác. Trong truyện “*Chụp ảnh gia đình*”, là sự lặp lại thái độ ứng xử của người con khi cảm thấy không hứng thú, không trân trọng và cảm thấy khoanh khắc bên gia đình là ý nghĩa. Trước kia, cha cậu cũng đã từng như vậy, bởi ông ít khi ở nhà, ông không quan tâm đến con cái, để cậu bé bơ vơ không có người tâm sự hay chỉ bảo.

Vì cũng đang nằm trong giai đoạn học hỏi và phát triển bản thân, nên nhiều lúc trẻ em cũng muốn thể hiện sự độc lập, thể hiện bản thân, cá tính và cách hành động riêng của mình. Với sự nhạy cảm và hồn nhiên, các em suy luận các sự kiện cuộc sống theo cách riêng của mình, đôi khi vô cùng ngộ nghĩnh kiểu con nít. Đó là cậu bé trong truyện “*Lùm Còi*”, cậu quyết định bỏ nhà để đi bụi đời vì giận ba, má. Cậu viết một bức thư và để lại, cậu cảm thấy hả hê thích thú khi tưởng tượng

ra vẻ hốt hoảng lo lắng và ân hận của ba khi không thấy cậu còn ở nhà nữa. Địa điểm cậu bụi đời là ngã tư – nơi rẽ về nhà ngoại, để cho chắc chắn là cha mẹ sẽ qua đây khi đi tìm cậu. Tuy nhiên, ban đầu cậu bé vô cùng tự tin, có bao nhiêu tiền cậu tiêu cho bằng sạch, nhưng đợi hoài mà không thấy ba mẹ qua, cậu cảm thấy sốt ruột thấp tha thấp thỏm, trời thì đã tối. Người đi bụi lại mong ngóng chờ đợi người đi tìm tới, thật là trạng thái chỉ có ở tụi con nít bồng bột ngây thơ. Nhưng cũng từ sự kiện “đi bụi” này, cậu đã gặp một người bạn đặc biệt và thấu hiểu ra điều lớn lao và quan trọng nhất – đó là gặp Lụm “còi”, một tay đi bụi thứ thiệt. Lụm xuất hiện, khiến cậu sợ vì cậu quá non nớt so với Lụm. Lụm dọa sẽ “quýnh phù mở” cậu, nếu như cậu không nhường lại chỗ cho nó trên chiếc ghế đá. Cậu bé sợ sệt nghĩ, coi bộ dạng Lụm thì có khả năng nó sẽ làm thiệt “*Thằng đó lùn tịt nhưng cái mặt già chát, hai con mắt thò lộ như hai con ốc bươu vàng, song mũi xẹp lép gầy từng khúc, cái trán thì vồ, gấn trên bộ mình ốm tong ốm teo là cái đầu chờ vờ như cá lóc gặp nước mặn..*” [23,16].

Hai đứa nhóc, một đứa 13 tuổi, một đứa 15 tuổi làm quen với nhau. Và qua câu chuyện của Lụm, cậu bé bắt đầu nhận ra ý nghĩa của gia đình, của tình thương yêu ba mẹ dành cho cậu, cậu cảm thấy hối hận và muốn trở về nhà. Ban đầu cậu tưởng rằng, ba mẹ không yêu thương mình mà lại hay la mắng, cậu chán và muốn bỏ đi, nhưng những gì cậu có, cậu chán lại là nỗi thiếu thốn và khát khao của Lụm. Cậu kêu bỏ đi vì bị ba đánh roi vào mông, Lụm lại khao khát được ba má la mắng và khao khát được bị đánh như vậy, Lụm thêm cái cảm giác “*Đánh nghe đau mà chắc đã lắm hen?*”. Lụm mắng cậu bé, ganh tị với cậu “*Mày sướng thiệt. Vậy mà còn bỏ nhà đi. Đồ ngu!..*”. Trong trạng thái khao khát mái ấm gia đình, tình thương của ba mẹ, điều mà suốt 15 năm nay, Lụm chưa hề được cảm nhận, vì thế Lụm nhận xét trong nỗi khao khát và có chút ganh tị đáng thương “*Mày sướng thấy mô mới bị đánh tí đã bỏ đi. Bây giờ mày có dám đổi với tao không? Ở một mình buồn lắm, mày ngu thì thôi đi*” [23,20].

Lụm “Còi” khao khát được tìm thấy má, nó luôn ra đó để đợi má từ năm bảy tuổi tới giờ. Đã tám năm ròng nó đợi má - tức chưa bao giờ nó tắt hi vọng là sẽ được gặp lại má, biết đâu má nó nhớ nó mà sẽ quay lại tìm nó. Lụm cũng không giận má, nó ngây thơ thông cảm cho má và giải thích rằng, má nó phải bỏ nó lại có thể vì “*Chắc má tao gặp chuyện gì đó buồn lắm, nuôi không nổi tao nên bỏ tao lại đây. Bởi vậy tao tên Lụm đó..*”. Trước sự hồn nhiên của trẻ, chúng ta lại càng xót xa cho thân phận bất hạnh của các em. Các em hồn nhiên trong sự bất hạnh, mắt mát.

Sự hồn nhiên của Lụm “Còi” khác hẳn với sự hồn nhiên của những đứa trẻ hạnh phúc như cậu bé mà nó gặp, hay như cô bé Ngoan trong truyện “*Ba bé Ngoan về*”. Ngoan lớn lên mà chưa biết mặt ba, em khao khát được gặp ba. Nhưng trước sự thương yêu chân thành với mẹ con bé Ngoan, chú Quang đã trở thành một người ba thực sự của Ngoan. Cảm nhận được tình cảm của chú Quang, bé Ngoan đã nhen ngào gọi chú bằng ba, tiếng gọi yêu thương sau bao năm mong ngóng. Bé Ngoan hồn nhiên và trong trẻo nghĩ “*sau này, nó sẽ không bao giờ nhớ tới ba nữa, ba không giữ lời, nó chỉ thương chú Quang thôi*”[23,12].

Sự hồn nhiên trong trẻo của những đứa trẻ từ suy nghĩ đến hành động là thiên tính đặc trưng mà tạo hóa đã ban tặng cho con người. Cho dù có bị vùi dập, thì các em vẫn giữ được sự hồn nhiên của mình, bởi các em chưa hiểu sự đời khúc khuỷu và éo le ra sao. Các em nhìn nhận và lí giải các sự việc bằng bản tính ngây thơ của chính mình.

#### **2.2.4. Những đứa trẻ Nam Bộ với kí ức tuổi thơ luôn trong hoài niệm**

Kí ức tuổi thơ luôn là hành trang không thể thiếu trong cuộc đời mỗi con người, luôn chiếm giữ một góc quan trọng trong hoài niệm. Tuổi thơ luôn gắn với những ấn tượng đầu đời, với gia đình, với quê hương cội rễ. Tuổi thơ là những bước đi chập chững đầu tiên của mỗi con người, cũng là sự chập chững của ngôn ngữ, suy nghĩ, hành động, nhân cách. Người ta nhớ về tuổi thơ, để coi đó như một điểm tựa, niềm an ủi tinh thần khi vấp ngã, đón đau. Người ta nhớ về nhau, lưu

giữ kí ức về nhau, mà chân thực và bền bỉ nhất chính là quăng ấu thơ về một người bạn cùng trải nghiệm, cùng vùng vẫy nô đùa, cùng tắm trên một khúc sông, cùng tham gia trò chơi, cùng ganh đua....

Đó còn là kí ức về những người thân yêu, gắn gũi với các em nhất thuộc ấu thơ. Trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư, người có ảnh hưởng nhiều nhất, và sống trong kí ức tuổi thơ của trẻ nhiều nhất chính là ông bà, nhất là Ngoại. Ngoại luôn tồn tại như một bà tiên, ông Bụt trong cuộc đời các em. Thậm chí, các em còn coi và gọi Ngoại là má - như cách gọi của cô bé San. Là hình ảnh ông Ngoại trong kí ức của bé Dung (truyện *Ông Ngoại*), là những lời răn dạy ân cần, là niềm hy vọng lớn lao, sự hy sinh của Ngoại để tạo dựng tương lai tươi sáng của cậu bé Đức tạt nguyên. Đó là động lực để cậu bé Đức vươn lên, mà nỗ lực của em, trước hết đến từ chính sự yêu thương hết mực mà ngoại giành cho (trong *Xa xóm mũi*).

Ông bà luôn là người gây dựng niềm tin, niềm sống cho các em, là người dạy bảo và trao truyền truyền thống cho các em. Đó là hình ảnh Nội trong kí ức của Tươi – sau này cô đã thay Nội để kể chuyện lịch sử. Cô chính là người kế thừa, là bản sao của tinh thần và con người Nội (trong *Ngọn đèn không tắt*). Đó là cô bé tên Điệp, ở với ông bà Ngoại từ nhỏ, tính cách Điệp, thói quen của cô cũng giống hệt Ngoại – thói quen “*thức sớm uống trà*” của người già. Và cũng từ lòng bao dung của Ngoại, sau này từ chỗ căm ghét má, Điệp đã tìm đến nhà má và tha thứ cho má tất cả (trong *Chuyện của Điệp*). Tuy không nhắc đến nhiều, nhưng ta vẫn có thể thấy được hình ảnh tận tảo, cam chịu của Ngoại khi chấp nhận làm lơ của con, thay con chăm sóc đứa cháu bé bỏng tội nghiệp – là con của Dịu (trong *Sầu trên đỉnh Pu van*). Trong không gian và môi trường kinh hoàng nhất, nơi cậu bé không có tình thương cha mẹ, thì Nội xuất hiện như một niềm an ủi lớn lao, động viên và chia sẻ với cậu, cùng đi bắt cào cào với cậu. Nội chính là luân lí và là kí ức đẹp nhất trong tuổi thơ của cậu bé, là người ảnh hưởng tới nhân cách của cậu sau này – cậu trở thành một người tốt, có tình thương yêu con người (trong *Núi lở*). Ngay cả cho dù vẫn có má, được má hỏi han và quan tâm, nhưng với Phi, chỉ

duy nhất có Ngoại là người hiểu và quan tâm thực sự tới Phi. Ngoại là người duy nhất giục cậu cắt tóc mỗi khi cậu để tóc quá dài, còn sự quan tâm của má chỉ đơn giản là hỏi cậu có còn tiền để tiêu xài hay không. Cho nên, khi ngoại mất rồi, Phi thành ra lôi thôi, bê bối (trong *Biển người mênh mêng*).

Kí ức của những đứa trẻ trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư, còn là sự mất mát, đốn đau tột cùng. Trẻ em sinh ra và buộc phải sống trong khung cảnh và môi trường do người lớn tạo dựng trước đó, thế nên các em hoàn toàn không có sự lựa chọn. Con người các em, kí ức của các em, chịu ảnh hưởng từ sự định đoạt của người lớn, hoặc chịu ảnh hưởng lập tức từ hành động của người lớn. Kí ức đau thương đó, các em không bao giờ có thể rũ bỏ được, hay thoát khỏi nó, kí ức trở thành cục chì, kết đọng lại trong tâm trí các em, ngay cả khi các em đã lớn. Đó là sự “sang chấn tâm lí” của cô bé San khi bị người cha căm ghét, trách mắng là “đứa vô dụng” (trong truyện *Bởi yêu thương*). Rồi ngay cả khi San lấy chồng, nhưng chỉ hai tuần sau, cô đã bỏ đi, bởi cô không thể quên được hình ảnh về người chồng của cô trong kí ức – khi còn là một thằng bé “*chuyên chặn nó lại, giật mía mà ăn. Có bữa San cựa, thằng nọ vạch quần ra đái tòn tòn vô thùng mía, vừa đái vừa cười ha hả*” [26,7]. Và vì nó mà San bị dì ghẻ đánh đập không thương tiếc “*nắm tóc nó mà đánh*”.

Đó cũng là kí ức kinh hoàng của Thùy Mỹ về một tuổi thơ bị ngược đãi bởi chính cha ruột của mình, đến nỗi cô luôn hét lên trong những hoàn cảnh tương tự - như một thói quen hình thành từ nỗi khiếp sợ mà tuổi thơ của cô đã phải trải qua (trong truyện *Làm má đâu có dễ*). Kí ức của các em còn là sự mất mát người thân ruột thịt, đó là hình ảnh về cái chết của má trong kí ức của Giang (trong truyện *Nhớ Sông*), hay sự đáng thương của nhân vật Vĩnh (trong *Sâu trên đỉnh Puvan*). Hành động của Vĩnh, lối sống của cậu, sự lạnh lùng vô cảm của cậu cũng đến từ tuổi thơ mất mát, thiếu tình yêu thương chăm sóc của cha mẹ. Thằng bé Sói và Nhiên cũng là những đứa trẻ phải gánh chịu nhiều mất mát, chia rẽ do cha mẹ gây nên. Các em bị đẩy ra ngoài cuộc sống, không thuộc về ai cả, những gì vốn quen

thuộc và gần gũi nhất với các em cũng quay lưng lại, không chấp nhận sự tồn tại của các em. Cuối cùng, Nhiên chọn cái chết trên tàu (tự tử), còn Sói ra đi với một tương lai bất định, chìm nổi, vùi lấp (trong truyện *Áu thơ tươi đẹp*). Các em không thể vượt thoát ra khỏi kí ức đôn đau đó, sự lựa chọn của các em là kết quả của những gì các em phải gánh chịu. Hay như cậu bé trong “*Núi lở*”, đã tan vỡ và sụp đổ hoàn toàn niềm tin vào cha mẹ, vào cuộc sống, và không có cách nào lấy lại được. Sau này dù đã lớn, song cậu vẫn luôn mang trạng thái của đứa trẻ với kí ức kinh hoàng vào cái đêm ngọn núi lở, chôn vùi và đè bẹp Nội của cậu, là sự lên ngôi và thống trị của cái ác, phi luân, suy đồi – mà đại diện lại chính là cha mẹ đẻ của cậu. Kí ức là hành động sau này của cả ba nhân vật trên cùng một chuyến xe không có đích đến trong “*Gió lè*”. Cô gái không thể quên được hình ảnh cái chết của mẹ, cô sợ nói tiếng người, sợ làm tổn thương người khác bằng lời nói của mình, cô khiếp sợ trước hành động vô nhân của con người vốn được người ta gọi bằng cái tên đức độ là ông Tám Nhơn đạo (nhân đạo). Là sự dằn vặt, ân hận của Dự khi cậu lang thang để đi tìm bà nội, vì cậu nghĩ có lẽ do câu nói của mình khi xưa mà nội phải ra đi. Hay là Gã, phiêu bạt, không gia đình, không có điểm dừng, không có niềm tin vào tương lai. Bởi tất cả những điều đó, Gã đã đánh mất khi bị gia đình bỏ rơi năm gã mới 8 tuổi. Đó là Nương và Điền (trong *Cánh đồng bất tận*) với chuỗi kí ức đau thương tột cùng, để rồi tương lai của các em là những cánh đồng mênh mông, vô định, không có điểm dừng. Điền bỏ đi trong thất vọng tột cùng, Nương bị hãm hại trên cánh đồng tuyệt vọng, trước sự bất lực và đau đôn tột cùng của người cha. Với Nương và Điền thì người cha Út Vũ đã không còn tồn tại nữa, chúng không còn nhà và gia đình. Vậy nên, trong lúc đôn đau vì bị hãm hiếp, Nương vẫn gọi tên em trai cầu cứu mà không phải cha mình. Bởi đã từ lâu, chỉ có hai chị em Nương dựa vào nhau để sống, dựa vào nhau để tự học hỏi và tồn tại.

Các em không có lối thoát, phải sống trong sự vây bọc của kí ức đau thương, của sự cô đôn, mất mát, tổn thương tâm lí. Đó là nhân vật Quả, cho dù có đôi biết

bao cái tên hay, đẹp, mỹ miều tới nhường nào thì trong kí ức, cô vẫn là cô bé bị chà đạp, ngược đãi, lạm dụng (trong truyện *Đảo*). Nhân vật Sáng trong truyện cũng vậy, cậu bé bị mù năm lên 7, bị cha mẹ nhẫn tâm vứt bỏ, Sáng sống một mình trên Đảo, với đôi mắt mù lòa. Cậu bé Phước (trong truyện *Áo đở bắt đèn*) lại là đứa trẻ có cha mẹ li hôn, em bơ vơ, phải đi bán kẹo để sống, em như cây khế non bị gãy đoạn vì cơn bão. Là Sáng với suy nghĩ đê nặng, với nỗi ảm ức rằng mình là đứa con lạc loài (trong *Bâng quơ khói nắng*). Và đau đớn nhất là hình ảnh cậu bé bị lạc mẹ, bị mẹ bỏ rơi trong phiên chợ, giống như hình ảnh đôi bàn tay đứt lìa khỏi cơ thể. Cậu bé chết từ cái thời khắc đó, để giờ cậu trở thành kẻ ác, dấn thân vào bùn đen xã hội, phải chém giết để sinh tồn (trong truyện *Coi tay vào sáng mưa*).

Hình ảnh một con người trưởng thành sau này, hoàn toàn chịu sự tác động của người lớn. Đôi khi chỉ là sự trưởng thành về mặt sinh học mà thôi, còn tính cách và tình cảm thì đã thui chột, thậm chí chai lì đi rồi. Đó là cậu trai không có bất cứ chút cảm xúc nào về mái ấm gia đình, về tình mẹ cha gắn bó, không thấy có chút ý nghĩa nào từ việc cùng cha mẹ già chụp chung một bức ảnh. Cậu mãi miết rong chơi với bạn bè, với biết bao lời cuốn vui nhộn ngoài xã hội. Cậu cũng giống hệt cha cậu khi xưa, cậu cũng học từ chính cha cậu, chịu sự “di truyền” từ cha (trong truyện *Chụp ảnh gia đình*).

Tuy vậy, không gian trải nghiệm của tuổi thơ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư đang thay đổi, có những mát mát rất cụ thể. Môi trường và hoàn cảnh xã hội đang thay đổi và tác động tới không gian sống, suy nghĩ và tâm tính của những đứa trẻ. Đó là sự lên ngôi của lối sống thị thành xa lạ, vội vàng, ồn ào đang xâm lấn (*Giàn bầu trước ngõ*), là sự lên ngôi của vật chất, và khi con người quá no đủ, được bao bọc, cưng chiều... nên không biết quý trọng những giá trị tinh thần, nhân văn.

Con người đang tàn phá và làm biến đổi khung trời tuổi thơ, khiến nó trở nên ô nhiễm, nặng mùi, ngọt nhạt, độc hại và biến mất vĩnh viễn. Những dòng sông là

biểu tượng cho tuổi thơ - “dòng sông tuổi thơ” - đang dần mất đi về thơ mộng, trong xanh, mát lành với những con “*cá kìm kìm lội thành đàn nhộn nhịp*”; mà thay vào đó là màu đen của chất thải, là sự ngập tràn của rác thải (*Tắm sông*).

Một xã hội trên đà đô thị hóa hỗn độn, xã hội quá đề cao lợi ích vật chất, đề cao lợi ích cá nhân, con người ngày càng nhiều thủ đoạn hơn, mất dần đi tình yêu thương đồng loại, và dần dà con người không còn biết sợ điều gì nữa. Lợi ích vật chất cũng làm lu mờ đi những mối quan hệ tình cảm tốt đẹp của bạn bè, gia đình, làng xóm. Con người dần không hiểu và quay lưng lại với những giá trị truyền thống, gốc rễ, cội nguồn. Trong gia đình, không có sự cảm thông, thấu hiểu, thậm chí là đối lập, mâu thuẫn giữa các thế hệ.

Không phải ngẫu nhiên mà hình ảnh trẻ thơ lại xuất hiện dày đặc trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Về mặt chủ quan, có thể tác giả đang viết cho chính mình, cho chính con người Nam Bộ, trẻ em Nam Bộ. Nhưng trên hết là những xót xa, thương yêu, những cảnh báo, những hi vọng thầm kín của chị gửi gắm vào tương lai, vào hành động cũng như nhận thức của người lớn và toàn xã hội đối với trẻ em.

Tác giả đã cho người đọc thấy được số phận bi thương của những đứa trẻ có tuổi thơ bất hạnh, hay thiếu thôn tình cảm, sau này, cho dù đã là người trưởng thành, thì những chàng trai, cô gái ấy cũng không bao giờ có thể quên được chuỗi kí ức đã khắc sâu trong tâm khảm mình. Các em bước vào đời trong tâm thế tổn thương, hụt hẫng, vỡ nát, với tính cách dị thường, thậm chí là tiêu cực. Phần lớn các em có tuổi thơ như thế đều gặp khó khăn và khổ sở trong cuộc sống tương lai.

Tác giả cũng cho thấy, nguyên nhân chính gây nên những số phận bất hạnh của trẻ em, chính là người lớn. Các em hoàn toàn không có lỗi, con người của các em sau này ra sao đều hoàn toàn phụ thuộc và do người lớn quyết định. Những tác động tiêu cực từ phía người lớn luôn nghiêm trọng nhất, khó phai mờ nhất trong tâm trí các em.



Với ngụ ý mô tả về những số phận có tuổi thơ bất hạnh, tác giả gửi gắm một cảnh báo ngược tới các bậc cha mẹ, người lớn, đó là phải có trách nhiệm, yêu thương và chăm sóc con trẻ. Những đứa trẻ xứng đáng được hưởng những gì tốt đẹp nhất, và cho dù nếu cuộc sống vật chất có khó khăn, thì các em có thể được bù đắp bằng tình thương yêu, bằng tình cảm gia đình, bằng sự quan tâm và dạy bảo của ông bà, cha mẹ.

Chỉ chưa đầy chục câu chuyện là thực sự viết về những đứa trẻ hạnh phúc, ngoan ngoãn, được sống trong tình thương yêu của gia đình, như một ngụ ý nữa của tác giả. Đó là, vẫn còn rất nhiều những số phận, những đứa trẻ phải chịu một cuộc sống khổ cực, bị hắt hủi và ngược đãi, và đây cũng chính là vấn đề nhức nhối còn tồn tại ngay trong chính thực tế vùng Nam Bộ nói riêng và đất nước ta ngày nay nói chung. Những câu chuyện “viên mãn” ít ỏi này, đánh thức trong chúng ta sự trân quý đối với những sinh linh bé nhỏ, những mầm non tương lai của gia đình và xã hội.

Nếu trẻ em được sống trong bầu không khí yêu thương, được chăm sóc, quan tâm, được vô tư hồn nhiên như chính độ tuổi của mình cho phép, các em sẽ phát triển toàn diện, sẽ học hỏi được nhiều điều hay lẽ phải từ người lớn. Và từ chính những tấm gương đó, các em sẽ biết quý trọng giá trị cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe sẻ chia và cảm thấu cuộc sống trọn vẹn hơn.

### **\* Tiểu kết chương 2**

Không gian văn hóa Nam Bộ đã tạo nên những diện mạo và đặc trưng riêng trong tính cách và lối sống con người, và cũng đi vào văn học với những nét đặc sắc riêng. Là người con sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Nam Bộ, tại xóm Mũi xa xôi, Nguyễn Ngọc Tư được ví là “đặc sản Nam Bộ”, “đặc sệt Nam Bộ”. Điều đó được thể hiện rất rõ trong hàng loạt các truyện ngắn của chị.

Những sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư đều xoay quanh việc phản ánh đời sống và lối sống của con người Nam Bộ, nhất là số phận của những con người

sinh ra trên vùng đất có nhiều hào phóng, nhưng cũng đầy rẫy khó khăn, bất trắc tiềm ẩn. Trong các truyện ngắn của mình, Nguyễn Ngọc Tư chú tâm nhất, dành nhiều thời gian, niềm tin yêu, đau xót và cảm thông cho số phận của những con người bất hạnh, nghèo khổ.

Đặc biệt nhất là hình tượng nhân vật trẻ thơ, những người phải chịu tác động mạnh mẽ, nghiệt ngã và đau đớn nhất nếu gặp bất hạnh của cuộc đời ập đến. Tiếng cười trong trẻo, hồn nhiên và ngây thơ của các em không thể xóa nhòa đi được hàng loạt những nỗi bất hạnh đang đè nặng các em. Đó là những đứa trẻ bơ vơ, bị xã hội vùi dập, những đứa trẻ nghèo khó, cơ cực, những đứa trẻ mồ côi, hay bị cha mẹ bỏ rơi, lớn lên mà không có tình thương của cha mẹ, những đứa trẻ bị cưỡng bức, bị lạm dụng, những đứa trẻ phải tự lập, thậm chí phải lựa chọn lối sống cực đoan, già nua về tính cách, hay cộc cằn thô lỗ, cũng bởi chúng như cái mầm non bị héo úa, gãy gập, tổn thương, sang chấn... do gia đình tan vỡ, do sự vô trách nhiệm, cả vô tâm và do cả sự độc ác, nhẫn tâm của người lớn.

### Chương 3

## MỘT SỐ THÀNH CÔNG NGHỆ THUẬT CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ QUA NHỮNG TRUYỆN NGẮN VIẾT VỀ THỂ GIỚI TUỔI THƠ

### 3.1. Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện

Mỗi nhân vật của Nguyễn Ngọc Tư hầu như là một số phận con người có thật, gắn với hiện thực của cuộc sống Nam Bộ. Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư luôn tạo nên được những tình huống chân thực để đặt nhân vật vào đó, để qua tình huống, các nhân vật tự bộc lộ bản chất, tính cách của mình một cách tự nhiên nhất, như cuộc sống vốn vậy.

Trong truyện ngắn “*Cải ơi*”, là tình huống khi đứa trẻ tên Cải mãi chơi, dẫn đến làm mất trâu, và vì sợ bị đòn nên mới bỏ trốn, không về nhà. Nhưng mọi người xung quanh lại nghi ngờ ông Năm Nhỏ, vì ông là bố dượng, nên ông ghét con Cải là con riêng của vợ, có thể ông đã âm mưu giết và giấu con Cải đi. Nhưng thực tế, ông Năm Nhỏ không phải là người cha dượng độc ác, mất nhân tính như người ta nghi ngờ. Ông đau đớn và không chịu nổi ánh mắt ngờ vực của mọi người, và nhất là thái độ từ chính vợ mình. Ông ra đi và quyết tâm tìm cho bằng được được con Cải. Qua mười hai năm rong ruổi trên khắp các nẻo đường, tìm đủ mọi cách để mong tìm được con, mãi mà vẫn không có tin tức gì nhưng ông Năm Nhỏ không hề nhụt chí. Thậm chí, không màng tới nguy hại bản thân, ông còn có “sáng kiến” là ăn trộm trâu và chủ động để công an bắt. Mục đích của ông là từ sự việc này sẽ được đưa lên truyền hình, phát đi khắp cả nước, và nhân đó ông sẽ gọi to và nhắn lời tìm con Cải. Với việc tạo dựng tình huống này, tác giả Nguyễn Ngọc Tư đã cho ta thấy được trọn vẹn tâm lòng yêu thương con tha thiết cũng như tính cách kiên trì, sự quyết tâm muốn chứng minh sự trong sạch của mình của ông Năm Nhỏ, đôi khi bằng phương cách đau đớn và gây tổn hại bản thân.

Trong truyện “*Nhà cổ*” là tình huống hai anh em Tứ Hải, Tứ Phương đều âm thầm yêu chị Thẽ - người con gái mồ côi sống trong “*Nhân Phủ*”. Hai anh em rất mực thương yêu nhau, nên khi nhận ra cả hai cùng thương chị Thẽ, họ đã nhường qua nhường lại cho nhau mãi mà không ai chịu ngỏ lời. Cuối cùng, người em là Tứ Phương xung phong đi bộ đội, để dàn xếp cho anh mình sẽ lấy chị Thẽ làm vợ. Các nhân vật trong tình huống này, cả hai anh em Tứ Hải, Tứ Phương và cả chị Thẽ đều bị đặt vào hoàn cảnh trở trêu, buộc lòng phải giải quyết được vấn đề đặt ra trong tình huống đó. Và chính trong quá trình giải quyết tình huống, tính cách con người được thể hiện một cách rõ nét, đó là tình anh em thắm thiết và tính cách cao thượng của Tứ Phương. Đó cũng là khả năng tài tình của Nguyễn Ngọc Tư khi tạo dựng bối cảnh và tình huống cho câu chuyện này.

Nhân vật anh chàng Hết trong truyện “*Hiu hiu gió bắc*” lại có xuất thân từ một gia đình nghèo, mẹ mất khi vừa sinh ra anh. Anh Hết lớn lên được là nhờ những người đàn bà tốt bụng trong xóm đã cho anh bú thếp, nhất là mẹ chị Hoài. Anh Hết và chị Hoài yêu thương nhau, nhưng do anh Hết nghèo, nên gia đình chị Hoài không đồng ý. Chính mẹ chị Hoài đã sang nói chuyện với anh Hết. Và vì món nợ ân tình trước kia là món “*nợ sữa*”, anh Hết phải trả ơn bằng cách làm theo ý của mẹ chị Hoài. Để đánh lừa và gây thất vọng với chị Hoài, để chị từ bỏ mình, anh Hết phải giả bộ mê chơi cờ, không để ý đến chị Hoài nữa, rồi anh đóng vai kẻ phụ tình. Cuối cùng, chị Hoài cũng chấp nhận đi lấy chồng, nhưng trước khi “*sang ngang*” chị đã tìm anh Hết để nhìn mặt lần cuối. Cho tới lúc này, anh Hết nhất định không chịu rời bàn cờ không chịu ngược mắt nhìn chị Hoài, như thể anh đã không còn gì với chị, không có chút cảm xúc gì cả, vô cảm. Nhưng thực ra, tất cả chỉ là sự cắn răng, vùi nén đau khổ của anh. Anh Hết phải chủ động nhận lấy tiếng oan là mê cờ mà quên cả người yêu. Rõ ràng, hành động đầy hi sinh này của anh Hết, chỉ có được ở một con người mạnh mẽ, nghĩa cả, tràn đầy tình yêu thương.

Tình huống trong “*Cái nhìn khắc khoải*” lại là câu chuyện xoay quanh tình cảm của ông Hai - một người đàn ông mất vợ trong một trận bom dội bất ngờ. Vì quá đau buồn và hụt hẫng, nên ông Hai đã bỏ nhà, và chọn cách sống lang thang bằng nghề chạy vịt đồng, để cho thời gian qua mau. Hàng ngày ông làm bạn với con vịt Xiêm tên Cộc, ông nói chuyện với nó, coi nó như một con người. Trong một thời khắc ngẫu nhiên khi mặt trời sắp lặn, khi ông trên đường quay trở về căn nhà cũ, ông đã bắt gặp người đàn bà ngồi khóc bên bến nước mà không biết sẽ đi đâu, ông mở lòng nhân ái và mời người đàn bà đó về nhà mình trú tạm. Qua quãng thời gian tiếp xúc, trò chuyện, trong lòng của người đàn ông đã nguội lạnh và quen với sự cô đơn trống trải bấy lâu, đã bắt đầu nhen nhóm lên một tia ấm áp của mái ấm gia đình. Ông Hai dần nảy sinh cảm với người đàn bà tên Út. Nhưng với sự cao thượng của bản thân, nên khi biết được tin tức của chồng cô Út - người đàn ông gặt đồng thuê, và cũng là người chồng vô trách nhiệm, đã bỏ người vợ lại để trốn nợ, ông ngay lập tức nói cho cô biết. Nhưng khi người đàn bà kia đi rồi, ông Hai cũng chạy chôn cảm xúc, ông giằng xé, phân vân. Để rồi cuối cùng, ông quyết định quay trở về và sẽ dựng lại căn nhà để ở, để chờ đợi. Ông ôm ấp trong lòng hy vọng về một hạnh phúc gia đình, khi người đàn bà kia có thể sẽ quay trở lại trong đôi mắt và cái nhìn khắc khoải. Qua tình huống truyện, chúng ta thấy, ông Hai là người cao cả, chỉ biết hi sinh vì người khác, bởi ông hoàn toàn có thể không nói về tin tức của chồng cô Út - tức ông cũng hoàn toàn có hi vọng được sống bên cạnh cô Út khi không nói thông tin kia. Nhưng ông đã không vì cá nhân mình mà làm như vậy, lương tâm không cho phép ông làm điều đó.

Tình huống truyện của “*Mối tình năm cũ*” được tạo dựng với nhân vật trung tâm là ông Mười - một người đàn ông vô cùng cao thượng. Tuy nhiên, ông lại bị mọi người hiểu và đồn đoán sai lệch rằng, vì ông ghen tức với người chồng cũ đã hy sinh của vợ mà dẫn đến cảm đoán không cho vợ hợp tác với đạo diễn của đoàn làm phim về người anh hùng đó. Nhưng hình ảnh chân thực nhất về ông Mười, về

người đàn ông cao thượng đã được chứng minh và bộc lộ chân thực nhất qua tình huống khi ông Mười chứng kiến cảnh tượng vợ mình đau đớn, khóc ngất khi tới địa điểm mà người chồng cũ đã anh dũng hy sinh. Trong khi đoàn làm phim thấy hả hê hài lòng vì có được cảnh quay “đắt” giá đó, ông Mười đã xuất hiện. Với tư cách của một người chồng rất mực yêu thương vợ, là người đàn ông chở che và bảo vệ người phụ nữ yếu đuối của mình, ông đã dùng tấm khăn rằn lau và thấm nước mắt trên khuôn mặt vợ. Cử chỉ chăm sóc giản đơn mà chất chứa biết bao ân tình, thương yêu, trân trọng của một người đàn ông cao thượng.

Trong truyện ngắn *“Cánh đồng bất tận”*, Nguyễn Ngọc Tư đặt nhân vật vào trong những tình huống đầy kịch tính. Trước hết, đó là tình huống vợ Út Vũ bỏ gã thương hò buôn vải. Cũng vì hận tình mà từ đó người chồng trả thù vợ trên thân xác những người đàn bà khác, và hành hạ hai giọt máu của mình và vợ là Nương và Điền. Tình huống được đẩy lên cao trào, khi cô bé Nương cứu được người đàn bà đang bị người ta đánh ghen đến mức dã man là Sương. Tiếp cao trào nữa là tình huống Nương bị cưỡng hiếp ngay trước mặt người cha của mình.... Qua các tình huống đó ta thấy nhân vật Út Vũ nổi lên với diện mạo là một kẻ hận thù đến mức mù quáng, tàn nhẫn, bất nhân. Còn Nương, một cô gái sống trong môi trường vô cùng tăm tối, nhưng vẫn giữ được tâm hồn đầy tình yêu thương, cũng như niềm tin vào một tương lai tươi sáng hơn, với hi vọng số phận tốt đẹp sẽ đến với đứa trẻ mà chắc chắn Nương sẽ sinh ra, dù Nương không hề chủ động cho sự hình thành của nó trên cõi đời này.

Tình huống trong *“Cuối mùa nhan sắc”* là sự đau khổ, dằn vặt của nhân vật Đào Hồng. Đó là mong mỏi chờ đợi sự trở lại của ông Khanh, sự dằn vặt của người mẹ khi bà phải cho đi người con mà mình dứt ruột đẻ ra. Nhưng khi gặp lại Đào Hồng, ông Khanh đã quay gót bỏ đi, bởi đó không còn là cái nhan sắc mà ông ta đã từng thương nhớ. Bị sốc trước sự thật phũ phàng đó, bà tàn lụi dần. Song trước lúc qua đời, bà đã được an ủi phần nào, và đã thanh thản nhắm mắt, vì bà

tin đưa con mà bà bỏ rơi kia đã chịu quay lại nhận má và gọi bà bằng má. Với tình huống này, Đào Hồng là người phụ nữ thủy chung, son sắt. Đồng thời, cũng để khẳng định tình yêu say đắm, chung thủy, Nguyễn Ngọc Tư còn đặt ông Chín Vũ trong tình huống bỏ cả nhà cửa, cha mẹ, tình nguyện chấp nhận cuộc sống “ăn cơm quán ngủ sàn diễn” đi theo gánh hát có Đào Hồng. Chín Vũ suốt đời yêu thương, chăm sóc che chở cho Đào Hồng dù bà lòng bà luôn hướng tới người khác. Ngay cả khi Đào Hồng trút hơi thở cuối cùng, ông đã đóng một vai làm yên lòng bà, khóa lấp nỗi đau của người mẹ phải rời xa con, vai người con của Đào Hồng, để cất tiếng gọi “*Má ơi!*”, để được thấy bà mỉm cười. Bởi Chín Vũ thấu hiểu niềm mong mỏi được gặp con chính là di nguyện cuối cùng của Đào Hồng.

Bên cạnh đó, nhiều nhân vật trẻ thơ trong các truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư cũng luôn được đặt trong những tình huống đầy trở trêu, bất ngờ. Và chính những tình huống ấy đã xô đẩy cuộc đời, số phận nhân vật sang một ngã rẽ mới với những bất hạnh ám ảnh, day dứt khôn nguôi.

Nhân vật Em trong “*Gió lè*” – được tác giả tạo dựng và đặt trong rất nhiều tình huống bất ngờ, đau đớn. Năm em 6 tuổi, vì một hành động nghịch ngợm của trẻ con “*lấy dao cạo râu của cha để tỉa lông cho con chó*”, cha em đay nghiến mẹ “*lấy thăng nào mà để ra cái thứ này*”, vì quá uất ức, mẹ em treo cổ tự vẫn. Bỗng chốc, em trở thành đứa trẻ mồ côi mẹ. Và em trở nên câm nín, em sợ nói tiếng người. Cha lấy vợ khác, thăng tiến trong nghề nghiệp, nhưng ông giấu nhem nguyên nhân cái chết của người vợ trước. Còn em phải im lặng, em không thể nói ra sự thật dù em biết vì sao mẹ lại tự vẫn. Trong một hội chợ, em bị lạc, sau đó được ông Tám Nhơn đạo cụ mang. Nhưng chính người đàn ông đó đã cưỡng bức em. Em lang thang và được về nhà vì người cha chủ tịch thuê người tìm kiếm sau khi em lạc 10 năm trời. Để rồi, một lần nữa em lại bỏ đi vì không chịu nổi cuộc sống giả dối ở nhà của cha. Em trở thành một cô gái không nhà, lang thang cùng hai người đàn ông trên chiếc xe tải cũ nát, cùng rong ruổi trên khắp các nẻo

đường. Em mất niềm tin vào cuộc sống, em chối bỏ quá khứ. Và cuối cùng, em chấm dứt sự sống dưới một vực sâu, vào một đêm gió lẻ trên một đoạn đường mờ sương. Em chết do mối hiềm khích từ hai người đàn ông trên xe.

Nhân vật “tôi” và Vĩnh trong câu chuyện “*Vết chim trời*” đã luôn bên nhau suốt những năm thơ ấu với những gì trong sáng và vui tươi nhất, với tình anh em thắm thiết. “Tôi” yêu chiều Vĩnh hết sức như một cách bù đắp cho sự thiếu hụt, thiệt thòi mà Vĩnh phải gánh chịu. Cho đến một trưa tháng mười, khi tiếng khóc và lời kết tội ba “tôi” của bà nội vang lên trong trạng thái nửa tỉnh nửa mơ hồ, thì tình anh em của hai đứa trẻ cũng không còn. Mặc cho “tôi” tìm mọi cách làm thân, Vĩnh chỉ làm li, cục cằn và phớt lờ. Vĩnh quay lưng lại trong sự hận thù, để mặc “tôi” “*nằm cạnh nó mà nhớ nó toi bời*”. Nếu như không có buổi trưa tháng mười hôm ấy, nếu như không có tình huống bất ngờ với cơn mê sảng của bà nội, thì hai đứa trẻ ấy chắc chắn sẽ hạnh phúc và trưởng thành cùng nhau, viết tiếp trang đời tuyệt đẹp trong tình anh em mà hai người cha đã bỏ lỡ.

Nương và Điền trong “*Cánh đồng bất tận*” đã từng có một mái nhà trong một xóm nhỏ bên bờ sông. Cho đến một ngày, khi ngủ quên trong kệt bò lúa, hai em đã tận mắt chứng kiến má ngoại tình. Tỉnh dậy sau giấc ngủ, mọi thứ đã thay đổi quá đột ngột và đau đớn. Điền, nước mắt không ngừng tuôn rơi trên khuôn mặt, và không thể kiểm soát được. Còn Nương, hể hả mà chậm rãi nhắc cho má nghe tụi nó đã biết việc má làm: “*Chắc tại nó nhìn thấy chuyện bấy đó, má. Trưa nay nó ngủ kệt bò lúa*” [18,177]. Má bỏ đi, cha đốt nhà, hai đứa trẻ được cha đưa lên ghe, lang thang nay đây mai đó nghề nuôi vịt đồng, thời gian và không gian với hai đứa trẻ là vô định. Kể từ hôm đó, cuộc đời Nương và Điền thực sự bước sang ngã mới trong sự lạnh lùng, vô cảm và hằn học trả thù của người cha. Và hai đứa trẻ, đã dựa vào nhau, tự học lấy cách sống, tự lớn lên trong niềm khao khát được cha nhòm ngó, trong nỗi nhớ khắc khoải không thể định hình về má. Thậm



chí Nương còn khao khát tình thương của má từ một thân ma, như Điền được đối xử trong một giấc mơ cạnh nấm mồ hoang.

Đâu đó trong các truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư còn thấp thoáng hình ảnh những đứa trẻ bỗng chốc trở nên bất hạnh, bởi những tình huống đầy bất ngờ, vượt khỏi tầm kiểm soát của chúng như: cha mẹ li hôn, bị cha mẹ bỏ rơi sau một giấc ngủ trứ, bản thân bị cưỡng bức... Đó là Cậu bé tên Phước trong truyện “*Áo đỏ bắt đèn*” cũng từng có một gia đình, có cha có mẹ trong một ngôi nhà trọ mà trước khoảng sân có trồng một cây khế. Cho đến khi “*cha dọn tới ở cùng một cô cùng làm ca ngày*”, và mẹ thì “*lấy gã quản đốc mắt hí rị người Đài Loan*”. Phước lang thang ngoài đường bán kẹo kéo cùng bạn. Và cuối cùng, Phước đã chết trong một tai nạn giao thông. Đó còn là hai đứa trẻ là Sói và Nhiên trong “*Áu thơ tươi đẹp*” cũng bất hạnh vì cha mẹ li hôn, cũng chạy vòng quanh nay ở nhà cha, mai ở nhà mẹ. Chán nản và tuyệt vọng với những chuyến đi vòng quanh đó, cậu bé Sói quyết định rời bỏ khỏi cha tại một ga tàu xa lạ. Và Nhiên thì quyết định nằm lại mãi mãi trên chuyến tàu bằng chính vốc thuốc ngủ mua góp nhặt từ các hiệu thuốc.

Và nữa là tình huống xảy ra với đứa con gái của nhân vật “anh” trong câu chuyện “*Mùa mặt rụng*”. Suốt quãng thời thơ ấu, đứa con gái nhỏ luôn quấn quýt bên cha bởi người mẹ giáo viên có tiền sử bệnh hen bán rạn và mệt mỏi không hay gần gũi với con. Đứa trẻ ấy nũng nịu, vòi vĩnh và sà vào lòng ba mọi lúc, tìm đến ba như tìm đến một điểm tựa “*một đứa bé con gầy cắt tóc búp bê, mũi dài chảy lòng thòng đứng dán vào cửa lớp mầm non để chờ anh tới đón. Một con bé bệu xịu, mắt đầy nước ngòai mãi bên cạnh chó con kêu thảm vì nhớ mẹ. Một con nhỏ chừng mười bốn tuổi đen nhẻm tóc buộc nhong mặt đầm đìa mồ hôi lả vào tay anh ngay sau vạch đích một cuộc chạy việt dã. Một con nhỏ hơn hải méc ba ơi có thằng lớp bên cứ viết thơ nói nhớ con hoài.*”[29, 24]. Ngay cả đến khi trở thành thiếu nữ, đứa con gái ấy vẫn tìm đến ba, vẫn cần ba khi nó đau khổ “*thấy thằng bò mình thắm thiết cùng cô gái khác. Con nhỏ về vùi mình vào đóng chặn khóc*

*như mưa bắc, bảo không tin vào đàn ông nữa*” [29, 25]. Và chỉ cần ba an ủi, ba khẳng định “*đừng quơ đũa cả nắm, ba đâu phải loại đó*” là nó lại mỉm cười, “*vì sao lại nhảy nhót trong mắt nó*” bởi nó tin ba, trên hết thầy. Đứa con gái ấy cứ sống hạnh phúc trong tình yêu thương và niềm tin tưởng tuyệt đối dành cho ba như vậy nếu không có một ngày... Khi đi làm thêm “*để kiếm tiền mua đồ đẹp bằng chính sức của mình*”, nó phát hiện ra sự phản bội của cha, phát hiện cha có con riêng với người đàn bà khác. Mọi thứ bỗng chốc sụp đổ. Từ hôm đó, nó chọn riêng lối rẽ và hướng đi cho cuộc đời mình. Nó không cần ba, coi như không có ba tồn tại. Nó cũng không còn là đứa con gái ngoan của gia đình, không còn là Mèo Còi, Mèo Ngó của ba mẹ nó. Nó trở thành Carmen, tiếp viên nổi tiếng của quán Hồng Hạc, sẵn sàng “*ngồi lên đùi gã duy nhất còn tóc ở bàn nhậu*”.

Hơn nữa, mỗi nhân vật trong các câu chuyện của nhà văn đều vô cùng sống động, bởi nhân vật gắn liền với hành động. Thông qua những hành động đó, Nguyễn Ngọc Tư muốn để cho nhân vật của mình nói lên những suy nghĩ, tư tưởng, trạng thái diễn biến bên trong nhân vật.

Người cha Út Vũ trong “*Cánh đồng bất tận*” đã khiến người phụ nữ nhục nhã ê chề bằng hành động tàn nhẫn - trả tiền cho chị ta ngay trong bữa ăn, trước mặt chị em Nương: “*Tôi trả tiền hồi hôm...*”. Và hình ảnh cuối cùng, cô đọng nhất trong truyện, khiến người đọc không thể quên được là hình ảnh người cha Út Vũ “*cởi áo trên người để đắp cho đứa con gái. Ông ta bò quanh nó, tìm bất cứ cái gì để có thể che cơ thể nó dưới mặt trời*”. Với tư cách là cha, Út Vũ đã bỏ quên việc chăm sóc yêu thương những đứa con của mình từ lâu lắm rồi. Cho nên, hành động lúc này của ông là cả một sự thức tỉnh, hối hận muộn màng đầy đau đớn, xót xa của một người cha bất lực trước bất hạnh của con.

Trong “*Cái ơi*” là hành động khăn gói, bỏ xứ ra đi tìm con của ông già Năm Nhỏ. Hành động đó thể hiện lòng yêu thương, lo lắng cho con. Mặt khác ông muốn ra đi, quyết tâm tìm lại con để minh chứng cho tấm lòng của mình trước sự

ngghi ngờ của vợ và thái độ dò xét của những người xung quanh. Đó còn là hành động hết sức cảm động của ông Mười trong “*Mối tình năm cũ*”. Khi chứng kiến cảnh vợ đau khổ vì làm phim về người yêu cũ đã mất. Ông đã “*nhẫn nại cầm chiếc khăn lau những dòng nước mắt trên khuôn mặt vợ*”. Trước hết ta nhận thấy đây là thấy đây là một hành động tràn đầy tình yêu thương, sự nâng niu, trân trọng đối với người vợ đã chịu nhiều mất mát của mình. Và đằng sau tình cảm ông dành cho vợ là tấm lòng vị tha, cao thượng, ông đã không hề mảy may ích kỉ, nhỏ nhen trước chuyện vợ mình khóc vì một người đàn ông khác.

Hay như sự ra đi của Tứ Phương để nhường chị Thê cho anh trai Tứ Hải (*Nhà cô*), là hành động mà chỉ những con người có tấm lòng vị tha, cao thượng mới có được. Hành động bỏ nhà, bỏ cửa, bỏ nơi giàu sang phú quý để đi theo tiếng gọi tình yêu của ông Chín Vũ trong “*Cuối mùa nhan sắc*” cũng là hành động rất đáng trân trọng của một con người mạnh mẽ, dứt khoát lấy tình yêu là lẽ sống cả đời của mình.

### **3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật**

#### **3.2.1. Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua miêu tả ngoại hình**

Để có được những nhân vật “thực” như vậy, Nguyễn Ngọc Tư còn rất tinh tế khi xây đắp được ngoại hình của từng nhân vật. Đó chính là những nét về diện mạo, hình dáng, trang phục, cử chỉ, tác phong của nhân vật được biểu hiện trong tác phẩm. Nguyễn Ngọc Tư đã tái hiện, dựng lên chân dung các nhân vật một cách rất rõ nét trước mắt người đọc, giúp người đọc có thể nhìn thấu một cách sinh động, trọn vẹn tính cách nhân vật.

Những nhân vật đó là Diễm Thương, ông Năm nhỏ, Gã thương hò, Tứ Phương, anh Hết, Quả, thằng bé Cui, Vĩnh, San, Ngoại, Út Vũ, Nương, Điền, Sương, Xa, Bui, Phi, Lụa, Sói, San, Vĩnh, Hiền ... Đó là hình ảnh cậu bé Lụa (*Lụa Còi*) mười lăm tuổi “*lùn tịt nhưng cái mặt già chát, hai con mắt thò lộ như hai con ốc bươu vàng, sống mũi xẹp lép gãy từng khúc, cái trán thì vồ, gấn trên*

bộ mình óm tong teo là cái đầu chờ vờ như cá lóc gặp nước mặn” [23,16].. Hình ảnh thằng bé Cui (*Sầu trên đỉnh Puvan*) nghèo khổ, đói rách nơi xóm núi nghèo trên đỉnh Puvan “*ở trần, gầy nhom, lem luốc, hai xương vai bén ngót, nhô lên cao, môi nẻ ra, bong những cái vảy nhỏ*” [30,46]. Hình ảnh ông già Năm nhỏ (*Cái ơi*) khắc khoải, đau đớn và dằn vặt trong hành trình tìm con “*khuôn mặt teo héo sạm đen dưới những sợi tóc ngả màu trắng xóa, một thân hình gầy guộc lưng đã chớm còng*”. Hình ảnh Diễm Thương với “*khuôn mặt cũng hay, không đẹp nhưng bình thản, lạnh trơ, vui buồn không ra, đó ai biết nó nghĩ gì*” và “*mái tóc nhuộm vàng hoe chơm chớm như rễ tre*” cùng “*nụ cười héo hắt*” (*Cái ơi*) toát lên một tính cách lạnh lùng, bất cần đời nhưng ẩn giấu trong đó là một tâm hồn yếu đuối, đầy đau khổ. Hình ảnh Phi (*Biển người mênh mông*) hiện lên phớt đời, phong trần và bụi bặm “*ăn vận lôi thôi, quần jean bạc lỗ chỗ, te tua, áo phông dài quá mông, râu ria rậm rạp móng tay dài tóc dài. Từ hồi nào muốn soi kiếng phải lấy tay vệt mó râu tóc như người ta vệt bụi ô tô*” [19,109].

Hình ảnh cô gái Điệp (*Chuyện của Điệp*) suốt bao năm ròng chỉ được chọn đóng vai con nít trong các vở tuồng bởi “*dáng Điệp con con, cái chân nhỏ, khuôn mặt tròn dĩnh như cái tô múc cá kho, cao chưa đầy một mét năm mười, lúc đứng chỉ bằng ngực bạn diễn...*”[31,37]. Người đọc còn hình dung được cả khuôn mặt “*trầm lặng mà sâu sắc*” của Tú Phương trong truyện “*Nhà cổ*”, Đào Hồng với khuôn mặt “*nhăn nhúm, nám đen*” trong truyện “*Cuối mùa nhan sắc*”. Trong truyện “*Dòng nhỏ*” là hình ảnh khuôn mặt “*đen sạm, nhăn nheo*” của người đàn bà khắc khoải, là nét mặt “*âu yếm*” – như một kỹ năng nghề nghiệp của nhân vật Sương trong truyện ngắn “*Cánh đồng bất tận*”... Nguyễn Ngọc Tư tập trung phác tác khuôn mặt các nhân vật là quan trọng đầu tiên trong ngoại hình nhân vật, bởi đó là điểm nhận biết đầu tiên và cũng là đọng lại lâu nhất, khi con người tiếp xúc với nhau. Hơn nữa, khuôn mặt còn là nơi phát lộ rõ nhất mọi trạng thái cảm xúc

của con người, là điểm soi chiếu để con người suy ra và nắm bắt tâm lý đối phương.

Thậm chí có vai và hình ảnh của những con vật đã được “nhân hóa” ít nhiều như con vịt xiêm tên Cộc, con Bìm bịp... cũng thể hiện rõ vai trò quan trọng của mình, làm tăng thêm, cụ thể thêm cái trạng thái cảm xúc tốt cùng của con người, và cũng thể hiện cái tài tình của Nguyễn Ngọc Tư.

Trong phác họa và tạo dựng ngoại hình nhân vật, Nguyễn Ngọc Tư còn rất tài tình khi tạo ra hàng loạt thông số đa dạng cho mỗi nhân vật, không có sự trùng lặp, nhắc lại nào cả. Từ nhân vật trẻ thơ cho đến nhân vật ông già – bà già... Khi miêu tả nhân vật Diễm Thương với đặc điểm: *“khuôn mặt cũng hay, không đẹp nhưng bình thản, lạnh trơ, vui buồn không ra, đó ai biết nó nghĩ gì”*, rồi *“mái tóc nhuộm vàng hoe chom chớm như rễ tre”*, kèm thêm *“nụ cười héo hắt”*... Mặc dù chỉ là những nét phác họa chính, thô mộc, nhưng Nguyễn Ngọc Tư đã tạo cho người đọc có đủ điều kiện để có thể tưởng tượng ra được khuôn mặt đau buồn ra sao, khắc khoải thế nào, thất vọng ra sao... nụ cười héo hắt, mĩa mai, cười nhạt... là nụ cười thế nào.

Trong truyện *“Biển người mênh mông”*, thấy nhân vật Phi với dáng dấp *“ăn vận lôi thôi, quần jean bạc lỗ chỗ, te tua, áo phông dài quá mông, râu ria rậm rạp móng tay dài tóc dài. Từ hồi nào muốn soi kiếng phải lấy tay vệt mở râu tóc như người ta vệt bụi ô tô”*. Đó là con người chán đời, phong trần, bụi bặm, bất cần. Tới nhân vật Tứ Phương trong *“Nhà cổ”*, với hình dáng *“Cao ráo, thanh mảnh miệng nhỏ mắt sâu, ăn nói nhỏ nhẹ...ôm ồm, mặt mày xanh rờ”*. Nhân vật Tứ Phương là con người có tính cách trầm lặng, điềm đạm sâu sắc và chính cái tính cách này đã làm nên con người hết sức tình nghĩa *“thương ai thương tới chết mới thôi”*. Cả Tứ Phương và Phi đều là thanh niên trạc tuổi nhau, nhưng mỗi người một hình dáng khác nhau, không trùng lặp, qua miêu tả của nhà văn.

Với những nhân vật trung tuổi là nét mặt, ngoại hình của họ vẫn luôn thể hiện được sự từng trải, khắc khổ. Đó là sự từng trải của người phụ nữ trong truyện “*Dòng nhớ*” với đặc điểm “*Tóc dài, da ngăm ngăm, không đẹp không xấu; mặc chiếc áo cộc tay màu cau khô ở trong, khoác thêm chiếc áo bà ba ở ngoài mỏng te nhiều mụn vá. Tóc đã bạc nhiều lơ thơ vài cọng rũ xuống mặt. Suong gió đã làm cho khuôn mặt dì đen sạm, nhăn nheo*”. Với sự mô tả này, độc giả đã có thể hình dung một diện mạo của những con người có cuộc sống lận đận, chịu nhiều mất mát, đón đau, day dứt. Nhân vật này có số phận ăn khớp với dáng hình, đó là chồng bỏ đi, con chết, và chị phải sống một thân một mình, luôn xuôi ngược trên các dòng sông, với sự khắc khoải trong nỗi nhớ chồng, thương con.

Ông Sáu trong truyện “*Biển người mênh mông*” xuất hiện và lưu trong hình dung người đọc với “*hàm răng trắng trơ, móm mém, mặt già nua với những chiếc xương gò ra trên thân hình nhỏ thó ốm teo...mặc độc một chiếc quần, một chiếc quần tà lớn đã xoắn lại, còn ngòi giắt bộ đồ kaki màu cứt ngựa, thân hình nhỏ quắt quắt*” [19,111]. Một ông Sáu già nua, ốm yếu khắc khổ, và cũng là hình hài phải chịu đựng sự tàn phá của thời gian, với bốn mươi năm quăng quật giữa biển người mênh mông để tìm người vợ yêu dấu của mình.

Trong việc mô tả khuôn mặt nhân vật, nhà văn Nguyễn Ngọc Tư còn hết sức chú ý đến việc miêu tả điểm nhấn là trạng thái của đôi mắt nhân vật, bởi đôi mắt là cửa sổ tâm hồn, là nơi bộc lộ tâm tư con người chân thật nhất. Một người đàn ông với hy vọng mong manh, mới lóe lên một hạnh phúc vốn đã nguội lạnh từ lâu, được bộc lộ qua “cái nhìn khắc khoải” của đôi mắt “rân rân” nước.

Để tạo thuyết phục cho cảm giác quy chụp, toát lên vẻ dữ dằn, thô bạo của nhân vật, là hình ảnh đôi mắt “*đôi mắt dữ tợn lên, đổ ngầu dưới hai đám lông mày rậm rịt chồm bực phát ra nhưng tia nhìn như xoay thấu người khác*” của nhân vật ông Mười. Nhưng trong bối cảnh truyện, đó là ánh mắt lúc ông Mười đang ở trong tâm thế của một người chồng sẵn sàng che chở, bảo vệ cho người vợ

yếu đuối của mình. Thế nên, đằng sau vẻ dữ tợn đó là một tấm lòng lúc nào cũng lo lắng xót xa cho vợ con, là sự thể hiện tình thương đó một cách kín đáo. Người đàn ông này chấp nhận đánh đổi việc để mọi người hiểu lầm ông ích kỉ, còn hơn là để họ khơi lại chuyện cũ đau buồn của vợ ông.

Khi mô tả về người đàn bà buôn phấn bán hoa là Sương trong truyện *“Cánh đồng bất tận”*, Nguyễn Ngọc Tư đã dùng hình ảnh *“cái con mắt đung đưa... nụ cười tung tẩy trên khóe mắt”* để lột tả thái độ mời chào với những người đàn ông của Sương. Chỉ với hình ảnh đôi mắt đó, người đọc cũng hình dung được sự lả lơi của một kiếp đàn bà lang bạt, buông thả. Rồi sau khi bị đánh ghen, là một Sương với *“môi chị sưng vều ra xanh dờn...những mảnh thịt mà người ta cúi nhéo tím ngắt...đôi vú rách bươm và khoảng đùi rớm máu”*. Đó là sự đau đớn ê chề, nhục nhã, nhưng như một lẽ tất nhiên, bởi khi đã chấp nhận dấn thân vào cái nghề tàn khốc đó.

Khi tạo dựng sự chuyển đổi trạng thái của nhân vật Út Vũ, nhà văn đã tạc đôi mắt Út Vũ với *“tôi đọc được sự ghê sợ, kinh tởm còn lên trong mắt cha”*, khi biết được phương cách mà những người đàn bà đánh ghen kia trừng trị cô gái Sương ra sao. Nhưng cũng với đôi mắt ấy, ở sắc thái cảm xúc sau khi chung chạ qua đêm với Sương *“cha tôi chỉ lạt lẽo nhếch cười...Cha đưa cho chị một ít tiền ngay trong bữa ăn cơm khi nhà đủ mặt: tôi trả tiền hồi hôm... rồi điềm nhiên phui đít đùng đĩnh đứng lên, sự khinh miệt và đắc thắng no nê trong mắt”* [19,173]. Với trạng thái đó, là đôi mắt của kẻ tàn nhẫn, bạc bẽo đến vô cảm, lạnh lùng. Trạng thái thứ ba của đôi mắt Út Vũ là lúc ông đứng bất lực và phải chứng kiến con gái của mình là Nương bị hãm hiếp, đó là đôi mắt *“àng ạc nước... nhoè nhoẹt”* - đôi mắt báo hiệu sự trở lại của con người thật trong Út Vũ.

Để diễn tả một khoảnh khắc trong cuộc đời nhân vật, Nguyễn Ngọc Tư dùng cách miêu tả ngoại hình gắn với sự biến đổi theo năm tháng. Đó là sự thay đổi trong nhan sắc của bà Hồng, gắn với quy luật tàn phai của thời gian. Một Đào

Hồng của thời con gái, với vẻ đẹp “*tới đứng tim người ta*”. Nhưng khi đã trải qua bao vất vả cơ cực để cống hiến cũng đã đến lúc “*đôi môi đã héo queo, mặt nhăn nhúm nám đen, cái cổ cao ngày trước giờ gàn như đổ gục vì cái gánh tâm tư mà cuộc đời chồng chất*”. Sự suy tàn, biến đổi của nhan sắc đã khiến cho ông Khanh thất vọng tột cùng “*đứng chết lặng ngẩn người ra, lòng đau đớn, đó không phải là nhan sắc mà ông nhớ thương chờ đợi ...*”.

Hình ảnh đứa con gái trong “*Mùa mặt rưng*” cũng vậy. Khi còn là đứa trẻ con líu ríu bên cha, thì là đứa bé “*gầy cắt tóc búp bê, mũi dãi chảy lòng thòng... bịu xịu, mắt đầy nước ngòai mãi bên cạnh chó con kêu thảm vì nhớ mẹ. Một con nhỏ chừng mười bốn tuổi đen nhẻm tóc buộc nhông mặt đăm đìa mờ hôi.*”[29, 24]. Khi đi làm thêm, “*Nắng gió ngoài đường đã làm phai mất những đường gân xanh trên gương mặt mộc của nó*” [29, 25]. Khi nó thay đổi vì phát hiện ra sự phản bội của người cha thì “*Mái tóc dài mà anh rất ưa nó đã xén trụi đi, ống quần jean cũng bị xén lửng lơ trên đầu gối, và cuộc cắt xén bắt đầu lan la đến áo*” [29, 26]. Và cuối cùng, lúc trở thành tiếp viên quán bia Hồng Hạc, Carmen, được miêu tả đúng “*chất*” một cô gái giang hồ trợ trên, phóng túng, phớt đời “*mặc cái áo cổ trễ, khuôn ngực phồng lên như muốn chui khỏi lớp vải chật căng, như bung ra đặt trước mặt tụi đàn ông nheo nhóc. Tóc nó búi cao để lộ cái cổ trắng ngọt ngào. Mặt tô lên một lớp phấn dày, son đỏ như môi đang cháy... Cái váy quá ngắn không thấm vào đâu so với đôi chân dài mảnh khảnh*” [29, 23].

Mặc dù mỗi nhân vật có một đặc trưng riêng về dáng dấp, tính cách, số phận, song trong các nhân vật này cũng toát lên một mẫu số chung, từ trẻ đến già ai cũng mang trong mình dáng dấp của người nông dân Nam Bộ, cơ cực nghèo khổ, lam lũ vất vả nhưng giàu tình yêu thương. Những nét tính cách này càng được nổi bật rõ ràng hơn khi ta đặt những nét ngoại hình đó trong sự đối sánh với nhân vật ông trưởng ấp và ông cán bộ xã gian tham với khuôn diện “*hai khuôn mặt bị nướng dưới ánh mặt trời, bóng nhẫy, tươm mỡ*”, cộng thêm “*ánh nhìn ham muốn*



*như mũi kim thò ra khỏi bọc, lơ lảo*” khi tiếp xúc với Suong. Với hai nét vẽ cô đọng đó, người đọc đã có thể hình dung ra sự xấu nát, ục ịch của những con người tham lam, ham hố, và đê tiện.

Với cách thức miêu tả ngoại hình các nhân vật như trên, Nguyễn Ngọc Tu đã không sao chụp máy móc chân dung các nhân vật mà chỉ phác họa, tái hiện lại bằng một vài nét thoáng qua có tính chất chấm phá. Nhưng chừng đó cũng đủ đạt tới giá trị tạo hình, lại có khả năng gắn rất cụ thể nhằm tái hiện một cách sinh động tính cách nhân vật cũng như đã góp phần nêu bật được quan niệm của nhà văn về con người thế giới.

### **3.2.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại đậm chất Nam Bộ**

Khi xây dựng nhân vật, để khắc họa rõ nét, sống động cá tính của nhân vật thì nhà văn còn rất chú ý đến những lời đối thoại của nhân vật. Họ đều là những người nông dân Nam Bộ nên trước hết ta thấy họ đều là những con người bình dị. Ngay từ cách xưng hô giữa các nhân vật với nhau, ta thấy họ gọi nhau là: Bây, tía, má, ché, ý, qua... Đó là những cách xưng hô thân mật của những con người xứ miệt vườn Nam Bộ. Cách diễn đạt của họ cũng rất một kiểu Nam Bộ: *“bánh thiệt, cà lơ phất phơ, cá chót rĩa, chành miêng, chộ ba bảy chín, đũa chót qua sông, đã thiệt...”*. Họ là những con người chất phác, thường thì nghĩ sao nói vậy. Vậy nên khi tìm hiểu tính cách nhân vật ta không thể bỏ qua những lời đối thoại của nhân vật.

Qua lời đối thoại, ngoài thông tin thể hiện trong lời nhân vật đó ta còn dễ dàng hiểu được cách suy nghĩ và qua đó mà hiểu được tính cách nhân vật. Chẳng hạn trong *“Biển người mênh mông”*, trước khi ra đi ông Sáu Đèo đã nói với Phi như sau : *“Chú mày uống đi, buồn gì, hai đũa mình có duyên gặp ở đây, có phải là vui biết chừng bao nhiêu không? Nhưng qua có lời dặn lại, chú em đừng bao giờ uống say quá, chỉ những người sậu muôn mới uống say thôi”* [19,116 ]. Nếu không phải là con người từng trải, sâu sắc, chu đáo và rất tình cảm thì sẽ không

bao giờ thốt ra những câu nói đầy triết lí nhưng rất chân tình và thấm đẫm tình yêu thương như thế.

Nếu như trong “*Cánh đồng bất tận*” để thể hiện tính cách tàn nhẫn của người cha và sự cam phận nhẫn nhục của nhân vật Suong, nhà văn đã xây dựng những đoạn đối thoại rất đặc sắc. Sau khi diễn tả sự hạnh phúc của chị khi quyền rũ được nhân vật cha qua đêm với mình trong bữa ăn, cha nói: “*Tôi trả tiền hồi hôm...*” Chị nhét tiền vào trong áo ngực, cười “*Trời ơi ba mấy cung sộp quá chừng*”. Rồi một lần sau khi chị cố gắng để đàn vịt của ba cha con khỏi bị tiêu hủy, sáng sau gặp ở quây vịt : “*Sao, hồi tối có vui không? Chắc họ tưởng cô là vợ tôi nên hứng thú lắm hả? Cứ để họ nghĩ vậy...*”. Chị ngó trôn trôn vào cha, rồi day qua Nuong, chị để rớt từng lời: “*Má cung ác một, nhưng người cha này của cung ác tới mười*”... Như vậy, lời đối thoại cũng là một phương tiện nghệ thuật rất đặc dụng để nhà văn xây dựng lên tính cách nhân vật. Qua những lời thoại trong tập truyện, Nguyễn Ngọc Tư đã cho ta thấy được rõ nét hơn về lối sống, tính cách của các nhân vật trong truyện.

Ngôn ngữ trong tình huống giao tiếp của các nhân vật còn thể hiện đặc trưng riêng của phương ngữ Nam Bộ. Trên những trang viết của mình, Nguyễn Ngọc Tư đã cho thấy tần suất dày đặc và sở trường của người bản địa trong việc sử dụng lớp từ địa phương Nam Bộ một cách nhuần nhị và hiệu quả, tạo nên trang văn mượt mà, trữ tình đặc trưng cho văn hóa Nam Bộ. Đồng thời còn có tác dụng làm nổi bật nét văn hóa về con người và vùng đất miền cực nam của Tổ quốc.

Trong các sáng tác của mình, nhà văn sử dụng hệ thống từ địa phương Nam Bộ qua cách xưng hô giao tiếp mang đặc trưng của người dân Nam Bộ. Đó là cách gọi tên người trong quá trình giao tiếp theo kiểu dựa vào thứ tự sinh ra trong gia đình: ông Hai, chú Mười Ba, cô Ba, cô Út, ông Mười, ông Chín, Út Chót, chị Hai, ông Sáu... hoặc cách gọi kèm theo tên thật với ngày sinh: Năm Nhỏ, Tư Mốt, Chín Vũ, Tư Bụng, Sáu Đèo, Út Vũ... Rồi trong cách xưng hô ở gia đình là những từ

như: tía, má, mày, tao, tui nó, bây, cung, ché, ... thể hiện sắc thái thân mật, tình cảm, và cũng rất chân thực trong cảnh huống giao tiếp thực tế:

“*Con Nga lo cho anh bây xong chưa? Mặc gì mà mày cười suốt từ ngoài đường vào đây?*” [19,22]. “...*Mấy ché, mấy dì ở dưới nhà chạy lên bắt khóc theo, nước mắt nước mũi lòng thông...*” [19,38].

Trong trường hợp xung hô với người ngoài xã hội, nhà văn dùng các từ: tui, thằng chả, mày, qua, tao, tui bây....

“*Mấy ông ơi, vịt tui sần sần, có bệnh tật gì đâu...*” [19,196]; “*Qua đi đây, chú em nhớ dùm con quý sứ dùm qua nha*” [19, 106].

Với việc sử dụng triệt để các phương ngữ Nam Bộ, các nhân vật trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư thể hiện rõ nét cởi mở, phóng khoáng của người Nam Bộ trong giao tiếp dù quen hay lạ. Khi đọc những từ xung hô giao tiếp này, có thể nhận ra ngay đây là ngôn ngữ của người Nam Bộ, và nó góp phần tạo nên nét đặc trưng trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư.

Những lời ăn tiếng nói hàng ngày của người dân Nam Bộ đã được Nguyễn Ngọc Tư sử dụng tự nhiên, hiệu quả đồng thời mang giá trị nghệ thuật cao. Để biểu lộ sắc thái cảm xúc, những nhân vật của Nguyễn Ngọc Tư sử dụng lớp từ ngữ mang ngữ khí như: hôn, ghen, hen, há, hà, à, ... “*Ừ, lạnh quá, Điềm ha?*” [19,47]; “*Mai một mình đi nữa hen Cộc?*” [19,61]; “...*Con nhỏ nông này có thương thằng Tư Phương thiệt hôn?*” [19,68]. Những ngữ khí từ này được dùng để thể hiện thái độ thành khẩn của người hỏi, làm cho câu hỏi mang sắc thái nhẹ nhàng hơn, nhiều khi hỏi chỉ để khẳng định.

Ngoài ra, những từ thể hiện sắc thái biểu cảm của người nói còn được sử dụng trong câu cảm, giao tiếp thể hiện thái độ tình cảm tâm trạng của người nói : nè, ghen, hen... “*Trời ơi, mày kể cho tao nghe hoài, tao phát ghen luôn đây nè*”

[19,43]; “*Ngủ trên đó kỳ thiệt chế hạ, nếu mà là em chắc em không quen rồi. Ngủ ghe mới sướng, nó bông bênh làm sao đâu á*” [19,119].

Ngữ khí từ ngoài sử dụng trong các câu giao tiếp, Nguyễn Ngọc Tư còn sử dụng nó trong các lời văn, giọng của người kể chuyện góp phần làm cho câu văn mượt mà, dễ đi vào lòng người “...*Đi qua phòng cũ, nắng vẫn chênh vênh đeo ngoài cửa sổ, nghĩ tức cười, sao mình có thể ở đất từng ấy tháng trời vậy cả*”[19,148]; “*Chỉ trên sân khấu đào Hồng mới thỏa thuê khóc, thỏa thuê cười, mà cười sang sảng như thái hậu Dương Vân Nga vậy nghen*” [19,93].

Nguyễn Ngọc Tư còn tái hiện được cuộc sống sinh hoạt, hoạt động của con người vùng sông nước Nam Bộ qua những lớp từ ngữ địa phương như: mắc cười, liếc ngang, xà quần, trụ trơ, biết chết liền, rịt chân, sót, quá giang, giòn rụm, cà tung, tung tiu, quẫy chách bụp, xiu cọ, kẹt, giỡn,, tỏ phở, nhánh trà.... “*Diễm Thương nói tui mắc cười quá ông Năm à, tui lên tivi để cha mẹ nhìn mà họ không biết tui là ai, còn người dung liếc ngang là nhớ liền*” [19, 13].

Trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư người đọc có thể bắt gặp mật độ dày đặc của phương ngữ Nam Bộ. Lớp từ ngữ này đã được tác giả biến hóa, chất lọc để nó kết tinh thành các tác phẩm văn học có giá trị. Nguyễn Ngọc Tư đã bày ra trước mắt người đọc cảnh sắc, không khí, hương vị, con người Nam Bộ rất thật. Nó giúp cho tác giả thể hiện sâu sắc thiên nhiên con người, cuộc sống sinh hoạt của con người Nam Bộ.

### **3.2.3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua miêu tả nội tâm**

Đồng thời, một hiệu ứng quan trọng khác nữa, để thành công trong việc khắc họa nhân vật trong tính toàn vẹn của nó thì bên cạnh việc miêu tả ngoại hình, Nguyễn Ngọc Tư còn rất chú trọng đến việc miêu tả nội tâm nhân vật. Mỗi người có một tính cách riêng, cách suy nghĩ riêng với những cảm nhận khác nhau về thế

giới và con người. Có thể nói thủ pháp được vận dụng thường xuyên nhất trong truyện Nguyễn Ngọc Tư đây chính là dùng lời nửa trực tiếp.

Trong lời kể chuyện của nhà văn đã bao hàm cả giọng điệu, thái độ, suy nghĩ của nhân vật, nhà văn kể lại câu chuyện bằng chính giọng điệu của anh ta. Ví dụ như trong truyện “*Huệ lấy chồng*” chẳng hạn, khi Diễm ước sau này sẽ gặp được người tử tế, lấy được một người chồng như Thi (người yêu của Huệ) thì “*lòng Huệ nghe âm ran, nó mơ tới một mái nhà sớm chiều khói tỏa, buổi sáng nó rang cơm cho Thi lót lòng đi dạy, trưa đón Thi về chăm chút nồi canh chua bông súng ăn với cá sặc kho khô*” [19,46]. Nhưng khi Thi đi lấy người khác, Diễm sợ Huệ vì Thi mà làm đại “*sợ vậ thôi, chớ Huệ vẫn roi rói, người ta thấy nó không thèm rớt một giọt nước mắt nào như nó với Thi chưa từng có duyên dẽ gì với nhau*” [19,48]. Hồi đám cưới Thi, Huệ chếp miệng tiếc, “*phải chi Thi mời... Không được mời nên mới nằm nhà, gió đưa tiếng hát qua đồng lúc gần lúc xa thăm thẳm*”. Đến ngày Huệ cũng phải lấy chồng, vẫn qua lời của người kể chuyện ta thấy khi đi ngang qua đoạn gần nhà Thi “*nó ngo ngẩn ngó lên bờ, trong lòng chao chát một nỗi thèm muốn. Nó muốn chạy vô xóm, tới nhà Thi, gặp anh và nói cho anh hay rằng nó hết thương Thi rồi, nó quên anh, quên thiệt*” [19,49]. Rõ ràng, những đoạn trích dẫn trên cho thấy nhà văn đã trần thuật lại câu chuyện bằng giọng điệu, nội tâm của nhân vật. Hình thức này khiến cho nhà văn có thể tái hiện tự nhiên dòng tâm tư của nhân vật mà còn khiến tác phẩm biến hóa, nhiều giọng điệu.

Chỉ một ví dụ nhỏ trên, có thể thấy rõ, Nguyễn Ngọc Tư là nhà văn có khả năng hóa thân vào nhân vật, thông qua nội tâm của nhân vật mà kể lại câu chuyện. Bởi thế, trong rất nhiều tác phẩm, Nguyễn Ngọc Tư đã lựa chọn hình thức trần thuật theo ngôi thứ nhất, qua nhân vật xưng “tôi”. Với cách trần thuật đó, người đọc chẳng những lĩnh hội được câu chuyện mà còn thấu hiểu cả những trải nghiệm, suy tư, những cảm xúc trong tâm hồn của người kể chuyện. Có thể xem đó là những đoạn độc thoại nội tâm của nhân vật. Hình thức này cũng khiến cho

dòng tâm tư nhân vật hiện lên “tươi rói” trên trang sách. Nguyễn Ngọc Tư đã khéo léo linh hoạt tìm ra những phương thức sát hợp để thể hiện sắc nét dòng tâm trạng, cảm xúc, những suy tư, trăn trở... trong nội tâm của từng nhân vật. Mặc dù nội tâm vốn là yếu tố không dễ nắm bắt nhưng với tài năng, sự nhạy cảm và tấm lòng của chính Nguyễn Ngọc Tư với tất cả mọi người, nhà văn đã thành công với các nhân vật mà chị tạo dựng được trong các sáng tác của mình.

Trong “*Cánh đồng bất tận*” là những suy nghĩ, đối thoại nội tâm chủ đạo của nhân vật Nương. Trong cái không gian, thời gian là những cánh đồng không có tên, không đầu không cuối, nó được gọi tên bằng những kỉ niệm nỗi nhớ, “*nhiều lúc tôi hơi nhớ con người*” [19,177], nhớ trường học và “*Tôi nhớ Điền, bao gồm nhớ một đồng loại, nhớ một cách trò chuyện, nhớ một người nghe được tiếng tim mình và nhớ một người che chở...*” [19,205].

Trong truyện “*Huệ lấy chồng*”, khi Huệ nghe Điền ước ao rằng sau này mình sẽ gặp được người tử tế, lấy được một người chồng như Thi, thì “*lòng Huệ nghe ảm ran, nó mơ tới một mái nhà sớm chiều khói tỏa, buổi sáng nó rang cơm cho thi lót lòng đi dạy, trưa đón thi về chăm chút nồi canh chua bông súng ăn với cá sặc kho khô*”. Nhưng khi Thi đi lấy người khác, chứ không phải lấy Huệ, Điền sợ Huệ vì Thi mà làm đại “*sợ vậy thôi, chớ Huệ vẫn roi rói, người ta thấy nó không thèm rớt một giọt nước mắt nào như nó với Thi chưa từng có duyên gì với nhau*”. Đến lúc đám cưới Thi diễn ra, Huệ chép miệng tiếc “*phải chi Thi mời... Không được mời nên mới nằm nhà, gió đưa tiếng hát qua đồng lúc gần lúc xa thăm thẳm*”. Qua đoạn diễn tiến nội tâm của Huệ, nhà văn đã trần thuật lại câu chuyện bằng giọng điệu, nội tâm của chính nhân vật. Hình thức này không những giúp nhà văn có thể tái hiện tự nhiên dòng tâm tư của nhân vật mà còn khiến tác phẩm biến hóa, nhiều giọng điệu.

Trong truyện ngắn “*Cánh đồng bất tận*” chỉ dài gần 60 trang, nhưng số lần nhân vật Nương xưng “tôi” để thổ lộ những tâm tư của mình lên tới 15 lần, mỗi lần một

suy nghĩ, một trạng thái cảm xúc khác nhau. Nhân vật “tôi” với dòng suy nghĩ triền miên cũng là nỗi nhớ, như những lớp sóng chồng lên, cồn cào và giằng xé trong tâm hồn “tôi” – tức Nương. Khi Nương cảm thấy nhớ má “*suốt nhiều năm sau đó, tôi không dám nhớ má, bởi ngay khi vừa nghĩ đến má thì lập tức hình ảnh ấy lại hiện ra*”. Rồi khi bị cha đánh đòn, “tôi” chỉ ngồi đó tìm ra nguyên nhân xuất phát những trận đòn đó chứ không giận ba “*Và tôi tự nhớ lại coi hồi sáng này, hồi trưa này mình đã làm gì giống má, kho cá bỏ quá nhiều tiêu? Hay vì tôi buộc tóc nhong nhong... Tôi cảm thấy mình thất vọng đến rã rời. Những thói quen, những cái gì liên quan đến má tôi phải gằn sạch rồi, nhưng làm sao tôi có thể bỏ được hình hài này*”. [19,182].

Khi Điền nổi loạn và bỏ đi tìm chị Sương rồi, Nương “*thường ngóng lên bờ xem có được gặp chị với Điền không*” trong mỗi lần đến nơi mới. Những lúc đó Nương nghĩ “*không biết em tôi có đuổi kịp chị hay vẫn tiếp tục kiếm tìm. Không biết nó đã đánh thức được bản năng, đã tìm thấy nhục cảm, đã thèm muốn chưa. Không biết nước mắt của nó đã khô chưa hay vẫn rỉ từng giọt máu tươi*” [19,210].

Với Nương, quá khứ, hiện tại, tương lai nó cứ đồng hiện, chất chứa thành một khối trĩu nặng với đầy đủ những sự day dứt cho quá khứ, dằn vặt về hiện tại, lo lắng cho tương lai. Sự trưởng thành, già dặn quá sớm của nhân vật chỉ có thể giải thích được bằng chính cuộc sống không người dạy dỗ, sống cuộc sống xa cách con người, không được sự quan tâm của cha cũng chẳng được sự chăm sóc của mẹ. Bao nhiêu sự trăn trở, lo âu về cuộc sống không biết giải bày cùng ai cho nên nhân vật luôn sống với những dòng suy nghĩ triền miên là điều tất yếu.

Rõ ràng, chỉ cần qua việc phân tích nội tâm của nhân vật Nương trong “Cánh đồng bất tận”, chúng ta có thể nhận thấy, Nguyễn Ngọc Tư đã khéo léo linh hoạt tìm ra những phương thức sát hợp nhất thể hiện sắc nét nhất dòng tâm trạng, cảm xúc, những suy tư, trăn trở... trong nội tâm của từng nhân vật.

### \* **Tiểu kết chương 3**

Với tư cách là người con sinh ra và trưởng thành gắn với vùng đất Nam Bộ, là con người Nam Bộ, Nguyễn Ngọc Tư đã đưa cốt cách của con người Nam Bộ vào trong các sáng tác của mình. Các nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư dù là trẻ thơ cũng đều toát lên tính cách và đặc trưng Nam Bộ, từ lối nghĩ, cách hành xử, hành động... đến ngôn ngữ của các nhân vật trong truyện cũng mang nét “đặc sệt” Nam Bộ từ tấm bé.

Thân phận của các nhân vật trẻ thơ trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư cũng là hình ảnh thực tế được nhà văn gặt lượm từ chính nơi mình sinh ra, trưởng thành. Chính vì thế, chi tiết hiểu con người và cảnh đời của họ.

Sức hấp dẫn và lôi cuốn trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư là khả năng trong việc xây dựng tình huống truyện, xây dựng nhân vật qua ngoại hình, hành động, nội tâm và ngôn ngữ đối thoại. Nhờ những nét thành công nghệ thuật đó mà thế giới tuổi thơ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư hiện lên vừa chân thực lại vừa sống động, vừa cụ thể lại vừa điển hình.

## **KẾT LUẬN**

Qua các truyện ngắn của mình, từ chủ đề, tuyến nhân vật, bối cảnh, không gian, cốt truyện, ngôn ngữ nhân vật, tên gọi các nhân vật... đều thể hiện đặc trưng và cốt cách riêng của những con người Nam Bộ, Nguyễn Ngọc Tư đã khai thác từ chính những “chất liệu” quê hương sẵn có để nhào nặn, tác dựng nên những câu chuyện văn chương, những tình huống, thân phận con người một cách chân thực nhất. Dấu ấn của vùng đất Nam Bộ được thể hiện rất đậm đặc và trên mọi bình diện, trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư.



Hình ảnh về trẻ thơ, hoặc liên quan đến kí ức trẻ thơ trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư cũng mang đặc điểm riêng biệt, đó là tính chân thực, đủ đầy. Những đứa trẻ trong các sáng tác của chị, xuất hiện với mọi cảnh đời, thân phận. Trong các sáng tác đó, không chỉ là hình ảnh những đứa trẻ vui vẻ và được yêu thương chăm sóc, là âm thanh náo nhiệt, trong trẻo hồn nhiên của tụi con nít, mà còn là những đứa trẻ, những kiếp người, mang ảm ức, dằn vặt về một tuổi thơ bất hạnh, phải sống trong khó khăn, thiếu thốn, bị ngược đãi, bỏ rơi, hành hạ. Nguyễn Ngọc Tư đã bộc lộ rõ sự xót xa, đồng cảm và tình thương yêu hết mực của nhà văn đối với những thân phận trẻ thơ bất hạnh đó. Và cũng qua đó, nhà văn gửi gắm một hi vọng, một ngụ ý sâu xa trong từng câu chuyện của mình.

Cũng thông qua việc phản ánh về chủ đề trẻ thơ trong các truyện ngắn của mình, Nguyễn Ngọc Tư đã bộc lộ được nét độc đáo riêng về phong cách sáng tác. Những đứa trẻ chân thực, sống động trong các câu chuyện đã gây ám ảnh và day dứt trong lòng độc giả, bởi thủ pháp miêu tả, tạo dựng nhân vật tài tình của nhà văn, cùng với ngôn ngữ trần thuật mang đậm tính Nam Bộ.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Mai Hải Anh (2009), *Những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết đương đại giai đoạn 1986-2006*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
2. Hoài Anh, Thành Nguyên, Hồ Sĩ Hiệp (1988), *Văn học Nam Bộ từ đầu đến giữa thế kỷ XX (1900 – 1954)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh
3. Tạ Duy Anh (2014), *Làng quê đang biến mất*, Nxb hội nhà văn, Hà Nội
4. Nguyễn Văn Ái (1994), *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thanh Bình (2009), *Tìm hiểu ngôn ngữ truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư*, tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, (số 4).
6. Gustave Le Bon (2015), *Tâm lý học đám đông* (Nguyễn Cảnh Bình, Nguyễn Mai Chu, Đoàn Văn Hà - dịch), Nxb thế giới, Hà Nội.
7. Hồ Ngọc Đại(1995), *Bài học là gì ?* - Nxb Giáo dục, Hà nội.
8. Hà Minh Đức (chủ biên) (2003), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, HN
9. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Lê Bá Hán (2002), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo Dục
11. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2009), *Từ điển từ ngữ văn học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Đào Duy Hiệp, *Chất thơ trong cánh đồng bất tận*, Văn nghệ số 32 – ngày 12/08/2006
13. Phạm Minh Lăng(2002), *Tâm Lý Trẻ Thơ (Từ Sơ Sinh Đến 15, 17 Tuổi)*, Nxb văn hóa thông tin, Hà Nội
14. Nguyễn Ngọc, *Không gian...của Nguyễn Ngọc Tư*, Sài Gòn tiếp thị 1 – 2, 2008
15. Trần Ngọc Thêm (2013), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Nxb văn hóa - văn nghệ.
16. Nguyễn Thanh Tú, *Bi kịch hóa trần thuật - một phương thức tự sự(Trên cứ liệu Cánh đồng bất tận của Nguyễn Ngọc Tư)*, Nghiên cứu văn học, 05/2008
17. Nguyễn Ngọc Tư (2001), *Ông ngoại*, Nxb Kim Đồng
18. Nguyễn Ngọc Tư (2003), *Biển người mênh mông*, Nxb Kim Đồng
19. Nguyễn Ngọc Tư (2006), *Cánh đồng bất tận*, Nxb Trẻ
20. Nguyễn Ngọc Tư (2010), *Khói trời lộng lẫy*, Nxb Trẻ
21. Nguyễn Ngọc Tư (2012), *Sông*, Nxb Trẻ
22. Nguyễn Ngọc Tư (2015), *Đong tâm lòng*, Nxb Trẻ
23. Nguyễn Ngọc Tư (2015), *Xa xóm mũi*, Nxb Kim Đồng
24. Nguyễn Ngọc Tư (2015), *Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư*, Nxb trẻ, TP. Hồ Chí Minh

25. Nguyễn Ngọc Tư (2015), *Ngày mai của những ngày mai – tản văn*, Nxb văn học, Hà nội
26. Nguyễn Ngọc Tư (2015), *Giao thừa – tập truyện ngắn*, Nxb trẻ, TP. Hồ Chí Minh
27. Nguyễn Ngọc Tư (2016), *Không ai qua sông*, Nxb Trẻ
28. Nguyễn Ngọc Tư (2016), *Bánh trái mùa xưa*, Nxb hội nhà văn
29. Nguyễn Ngọc Tư (2016), *Đảo – tập truyện ngắn*, Nxb trẻ, TP. Hồ Chí Minh
30. Nguyễn Ngọc Tư (2016), *Gió lẻ và chín câu chuyện khác*, Nxb trẻ, TP. Hồ Chí Minh
31. Nguyễn Ngọc Tư (2016), *Ngọn đèn không tắt – tập truyện ngắn*, Nxb trẻ, TP. Hồ Chí Minh
32. Vân Thanh(1999), *Phác thảo văn học thiếu nhi Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
33. Vân Thanh (2000), *Văn học thiếu nhi như tôi được biết*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
34. <http://www.viet-studies.info/NNTu>,
35. <http://www.viet-studies.info/NNTu>
36. <http://www.viet-studies.info/NNTU>
37. [http://caulongbachai.multiply.com/journal/item/5625/5625?&=&item\\_id=5625&view:replies=threaded](http://caulongbachai.multiply.com/journal/item/5625/5625?&=&item_id=5625&view:replies=threaded)
38. <http://www.viet-studies.info/NNTU>
39. [http://chungta.com.vn/PortletBlank.aspx/E87168AED88D45648F671CE3F2BB4818/View/VanHoa/Tinh\\_cach\\_nguoi\\_Nam\\_Bo\\_qua\\_ca\\_dao/?print=1754443115](http://chungta.com.vn/PortletBlank.aspx/E87168AED88D45648F671CE3F2BB4818/View/VanHoa/Tinh_cach_nguoi_Nam_Bo_qua_ca_dao/?print=1754443115)
40. <http://news.zing.vn/nguyen-ngoc-tu-gieo-nhung-yeu-thuong-vao-tuoi-tho-moc-mac-post672610.html>
41. <http://baovannghe.com.vn/nguyen-ngoc-tu-nu-nha-van-xom-ray15129.html?vip=bvn>

42. <http://giaitri.vnexpress.net/tin-tuc/sach/lang-van/khi-nguyen-ngoc-tu-vuong-van-voi-tho-1972222.html>
43. <http://giaitri.vnexpress.net/tin-tuc/sach/lang-van/nguyen-ngoc-tu-toi-khong>
44. <dung-ve-phia-nguoi-phu-nu-thu-dong-3158065.html>
45. <http://giaitri.vnexpress.net/tin-tuc/sach/diem-sach/nguyen-ngoc-tu-dong-tam-long-qua-con-chu-rung-rung-3152579.html>
46. <http://giaitri.vnexpress.net/tin-tuc/sach/diem-sach/tet-tuoi-tho-trong-mua-troi-tren-quang-ganh-2942044.html>
47. [http://www.hanoimoi.com.vn/forumdetail/Van-hoa/15997/nha-v259n-nguy7877n-ng7885c-t432-qu7843-s7847u-rieng-c7911a-tr7901i.htm,](http://www.hanoimoi.com.vn/forumdetail/Van-hoa/15997/nha-v259n-nguy7877n-ng7885c-t432-qu7843-s7847u-rieng-c7911a-tr7901i.htm)
48. <http://lenhatky.blogspot.com/2016/07/ac-trung-van-hoc-cho-thieu-nhi-tu-goc-o.html>
49. <http://www.nhandan.com.vn/vanhua/item/23363602-trinh-chieu-nam-bo%C2%A0-phim-tai-lieu%C2%A0-ve-truong-sa.html>
50. <http://www.nhandan.com.vn/cuoituan/van-nghe/doc-sach/item/29424302-lap-lo-hong-van-hoc-thieu-nhi.html>